Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-03 17:08:42 +07:00

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 221/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Về Nhà chức trách hàng không Việt Nam và quản lý an toàn hàng không

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định về Nhà chức trách hàng không Việt Nam và quản lý an toàn hàng không.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết Điều 8, Điều 79, Điều 80, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 87, Điều 88, Điều 89, Điều 90; nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của Nhà chức trách hàng không Việt Nam tại Điều 99, Điều 100, khoản 2 Điều 103 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Hàng không dân dụng Việt Nam về chức năng, nhiệm vụ của Nhà chức trách hàng không Việt Nam; an toàn hàng không; nhân viên hàng không; điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn hàng không.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam.

Điều 3. Cơ quan thực hiện chức năng Nhà chức trách hàng không Việt Nam

1. Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng là Nhà chức trách hàng không Việt Nam do Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam là người đứng đầu, trực tiếp thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà chức trách hàng không Việt Nam theo quy định của pháp luật và Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, Nhà chức trách hàng không Việt Nam sử dụng con dấu có hình quốc huy của Cục Hàng không Việt Nam; sử dụng tên giao dịch quốc tế của Cục Hàng không Việt Nam là "Civil Aviation Authority of Vietnam".

3. Cảng vụ hàng không là cơ quan trực thuộc Nhà chức trách hàng không Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Xây dựng thành lập để thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà chức trách hàng không Việt Nam tại các cảng hàng không, cảng hàng không chuyên dùng.

Điều 4. Giải thích thuật ngữ

1. Chỉ lệnh là yêu cầu bắt buộc được ban hành bởi nhà chức trách hàng không để khắc phục các điều kiện mất an toàn, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn hoạt động hàng không dân dụng.

2. Chuyên gia tư vấn là một người được một Quốc gia chỉ định trên cơ sở trình độ chuyên môn của mình để hỗ trợ đại diện được ủy quyền của Quốc gia đó trong một hoạt động điều tra.

3. Công nhận là việc nhà chức trách hàng không ban hành văn bản cho phép áp dụng hiệu lực pháp lý của các giấy phép, giấy chứng nhận, năng định, chứng chỉ hoặc các tài liệu kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, trên cơ sở bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành của ICAO và phù hợp với pháp luật Việt Nam về bảo đảm an toàn hàng không. Việc công nhận này không thay thế thủ tục chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

4. Dữ liệu an toàn là tập hợp xác định các dữ kiện hoặc giá trị được thu thập để tham chiếu, xử lý hoặc phân tích, có thể được sử dụng để duy trì hoặc cải thiện an toàn.

5. Đại diện được ủy quyền là người được một Quốc gia chỉ định trên cơ sở trình độ của người đó để tham gia vào một cuộc điều tra tai nạn, sự cố tàu bay do một Quốc gia khác tiến hành.

6. Khuyến cáo an toàn là đề xuất của Cơ quan điều tra tai nạn tàu bay của quốc gia tiến hành điều tra, dựa trên thông tin thu thập được từ quá trình điều tra, nhằm mục đích phòng ngừa tai nạn, sự cố và trong mọi trường hợp không nhằm tạo ra suy đoán về lỗi hoặc trách nhiệm pháp lý đối với tai nạn, sự cố đó. Ngoài các khuyến cáo an toàn được ban hành từ điều tra tai nạn, sự cố tàu bay, khuyến cáo an toàn còn có thể được hình thành từ nhiều nguồn khác, bao gồm cả các nghiên cứu về an toàn.

7. Mục tiêu an toàn hàng không là kết quả an toàn hàng không mong muốn đạt được.

8. Năng định là nội dung được ghi trên giấy phép hoặc gắn liền với giấy phép và là một phần không tách rời của giấy phép, trong đó xác định các điều kiện đặc biệt, quyền hạn hoặc hạn chế liên quan đến giấy phép đó.

9. Quốc gia nơi xảy ra tai nạn, sự cố là quốc gia có lãnh thổ nơi tai nạn hoặc sự cố xảy ra.

10. Quốc gia sản xuất là quốc gia có quyền tài phán đối với tổ chức chịu trách nhiệm về lắp ráp tổng thể tàu bay, động cơ tàu bay và cánh quạt tàu bay.

11. Quốc gia thiết kế là quốc gia có quyền tài phán đối với tổ chức chịu trách nhiệm về thiết kế loại tàu bay.

12. Sự cố là vụ việc liên quan đến việc khai thác tàu bay làm ảnh hưởng hoặc có khả năng làm ảnh hưởng đến an toàn khai thác bay nhưng chưa phải là tai nạn.

13. Sự cố nghiêm trọng là các sự cố liên quan đến khai thác tàu bay có nguy cơ cao dẫn đến tai nạn nhưng chưa gây ra tai nạn, xảy ra trong khoảng thời gian từ khi có người lên tàu bay để thực hiện chuyến bay cho đến khi tất cả mọi người đã rời khỏi tàu bay.

14. Thúc đẩy an toàn bao gồm các hoạt động đào tạo, huấn luyện và truyền thông an toàn nhằm nâng cao kiến thức, nhận thức của người lao động về an toàn hàng không; góp phần bảo đảm người lao động tự giác tuân thủ các yêu cầu, quy định về an toàn; hỗ trợ vận hành Hệ thống quản lý an toàn và phát triển văn hoá an toàn tích cực.

15. Thông tin an toàn là dữ liệu an toàn đã được xử lý, tổ chức hoặc phân tích trong một bối cảnh nhất định để hỗ trợ quản lý an toàn và phát triển tri thức an toàn.

16. Yếu tố đóng góp là hành động, thiếu sót, sự kiện, điều kiện hoặc sự kết hợp của các yếu tố này mà nếu được loại bỏ, phòng ngừa hoặc không xảy ra thì có thể làm giảm khả năng xảy ra tai nạn, sự cố hoặc làm giảm mức độ nghiêm trọng của hậu quả do tai nạn, sự cố gây ra.

Điều 5. Nguyên tắc giải quyết thủ tục hành chính

1. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm số hóa, lưu giữ kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

3. Hồ sơ thủ tục hành chính được nộp trực tuyến hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua dịch vụ bưu chính.

4. Đơn đề nghị theo Mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này được gửi đến cơ quan giải quyết thủ tục hành chính là bản chính hoặc bản điện tử.

5. Đối với các thủ tục hành chính có yêu cầu nộp phí, việc nộp phí được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan giải quyết thủ tục hành chính xác nhận hồ sơ hợp lệ; quá thời hạn này, các tổ chức, cá nhân không hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính từ chối giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian thực hiện việc nộp phí của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

6. Đối với các thủ tục hành chính, sau khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thẩm định mà có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân không hoàn thiện, bổ sung hồ sơ thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kết thúc giải quyết thủ tục hành chính. Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

7. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp công dân, tổ chức có nhu cầu nhận bản giấy. Hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy.

Điều 6. Sử dụng dữ liệu điện tử, chữ ký điện tử hoặc chữ ký số

1. Dữ liệu điện tử trong hoạt động bảo đảm an toàn hàng không có giá trị pháp lý tương đương với hồ sơ, văn bản giấy nếu đáp ứng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử; phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với hệ thống thông tin, lưu trữ điện tử và bảo đảm an toàn dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Quy định về chữ ký trong dữ liệu điện tử

a) Các tài liệu, dữ liệu điện tử gửi đến cơ quan quản lý nhà nước hoặc bên thứ ba phải sử dụng chữ ký số để bảo đảm tính toàn vẹn và xác thực theo quy định của pháp luật;

b) Đối với hồ sơ, tài liệu lưu hành nội bộ hoặc trong phạm vi quản lý của tổ chức: Nhân viên hàng không được phép sử dụng chữ ký điện tử (bao gồm chữ ký số hoặc các hình thức xác thực điện tử khác);

c) Tổ chức cho phép sử dụng chữ ký điện tử quy định tại điểm b khoản này có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy trình kiểm soát, hệ thống kỹ thuật để xác thực danh tính người ký, bảo đảm sự toàn vẹn của dữ liệu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ tin cậy của các chữ ký này.

Chương II
NHÀ CHỨC TRÁCH HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Mục 1
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA NHÀ CHỨC TRÁCH HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Điều 7. Xây dựng, cập nhật và duy trì quy định về an toàn hàng không

1. Nhà chức trách hàng không Việt Nam xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về an toàn hàng không.

2. Nhà chức trách hàng không Việt Nam có trách nhiệm theo dõi, cập nhật, rà soát và đánh giá các sửa đổi, bổ sung của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và tài liệu hướng dẫn có liên quan của ICAO để trình cấp thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định chuyên ngành hàng không dân dụng nhằm bảo đảm tính phù hợp và tính cập nhật của hệ thống quy định về an toàn hàng không.

3. Trường hợp có sự khác biệt giữa các sửa đổi, cập nhật các Phụ ước và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, Nhà chức trách hàng không Việt Nam có trách nhiệm rà soát, đánh giá và thực hiện thông báo về việc áp dụng các sửa đổi và cập nhật của các tiêu chuẩn trong các Phụ ước.

4. Trong trường hợp không áp dụng được các tiêu chuẩn trong các Phụ ước, Nhà chức trách hàng không Việt Nam thực hiện công bố sự khác biệt theo quy định của ICAO.

Điều 8. Ban hành quy định, hướng dẫn, chỉ dẫn kỹ thuật, quyết định miễn trừ

Để bảo đảm an toàn trong hoạt động hàng không dân dụng, Nhà chức trách hàng không Việt Nam ban hành:

1. Quy định, hướng dẫn, chỉ dẫn kỹ thuật để bảo đảm việc tuân thủ các quy định về an toàn hàng không và duy trì hoạt động đồng bộ của dây chuyền vận chuyển hàng không trong các lĩnh vực sau đây:

a) Tàu bay và khai thác tàu bay;

b) Khai thác cảng hàng không; bãi cất, hạ cánh;

c) Bảo đảm hoạt động bay;

d) Vận tải hàng không;

đ) Hoạt động hàng không chung.

2. Quyết định miễn trừ áp dụng các quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn hoặc yêu cầu bắt buộc trong lĩnh vực tàu bay, khai thác tàu bay; cảng hàng không, bảo đảm hoạt động bay trong thời hạn nhất định trên cơ sở đánh giá nghiêm ngặt về rủi ro an toàn hàng không và áp dụng các biện pháp bảo đảm mức độ an toàn hàng không theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 9. Cấp, phê chuẩn, công nhận giấy phép, giấy chứng nhận, năng định, tài liệu khai thác chuyên ngành hàng không dân dụng

1. Nhà chức trách hàng không Việt Nam cấp, phê chuẩn, công nhận, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép, giấy chứng nhận, năng định cho tổ chức, cá nhân liên quan đến:

a) Tàu bay và khai thác tàu bay;

b) Cảng hàng không; bãi cất, hạ cánh;

c) Bảo đảm hoạt động bay;

d) Vận tải hàng không;

đ) Lĩnh vực khác theo quy định của ICAO.

2. Phê chuẩn, chấp thuận các tài liệu, chương trình, quy trình, phương thức, tiêu chuẩn kỹ thuật, tài liệu khai thác, bảo dưỡng, huấn luyện và các tài liệu chuyên ngành khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

3. Cấp phép bay, quyền vận chuyển hàng không; điều phối giờ đi, đến tại cảng hàng không.

Điều 10. Quản lý, giám sát an toàn hoạt động hàng không dân dụng

1. Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định và duy trì các điều kiện của giấy phép, giấy chứng nhận, năng định, chấp thuận hoặc phê chuẩn đã cấp đối với tổ chức, cá nhân hoạt động hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát an toàn hằng năm, định kỳ; kiểm tra, giám sát tăng cường đối với các tổ chức, cá nhân nhằm bảo đảm việc tuân thủ pháp luật về hàng không dân dụng.

3. Giám sát việc triển khai hệ thống quản lý an toàn hàng không, Chương trình quốc gia về bảo đảm hoạt động bay; giám sát việc thực hiện Chương trình an toàn đường cất, hạ cánh theo quy định.

Điều 11. Đình chỉ hoạt động, thu hồi và hủy bỏ giấy phép, năng định, giấy chứng nhận, phê chuẩn

1. Đình chỉ có thời hạn hoạt động của tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác bảo đảm an toàn hàng không khi các tổ chức, cá nhân:

a) Vi phạm an toàn, an ninh theo quy định của pháp luật gây uy hiếp an toàn, an ninh nghiêm trọng;

b) Liên quan trực tiếp đến các sự cố, sự cố nghiêm trọng, tai nạn hàng không cần phải tiến hành xác minh, điều tra bởi cơ quan có thẩm quyền;

c) Có hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

d) Có nguy cơ uy hiếp an toàn hàng không;

đ) Sử dụng tài liệu, giấy phép, năng định, giấy chứng nhận, chứng chỉ chuyên môn không có hiệu lực khi thực hiện nhiệm vụ.

2. Thu hồi và hủy bỏ giấy phép, năng định, giấy chứng nhận, văn bản phê chuẩn do Nhà chức trách hàng không Việt Nam cấp trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đáp ứng các điều kiện về an toàn hàng không và duy trì hiệu lực giấy phép, năng định, giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật;

b) Gian lận, giả mạo hồ sơ, tài liệu trong quá trình đề nghị cấp, gia hạn;

c) Sử dụng chất gây nghiện, chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.

3. Việc đình chỉ, thu hồi và hủy bỏ giấy phép, năng định, giấy chứng nhận, văn bản phê chuẩn do Nhà chức trách hàng không Việt Nam cấp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 12. Tìm kiếm, cứu nạn hàng không, ứng phó khẩn nguy

1. Hướng dẫn việc thiết lập và vận hành hệ thống; tổ chức diễn tập; chỉ huy hoạt động tìm kiếm, cứu nạn hàng không, khẩn nguy sân bay trong hoạt động hàng không dân dụng và phòng, chống thiên tai trong ngành hàng không.

2. Phân định khu vực trách nhiệm tìm kiếm, cứu nạn hàng không và khẩn nguy sân bay của các đơn vị thuộc ngành hàng không.

Điều 13. Vụ việc, sự cố, sự cố nghiêm trọng, tai nạn hàng không

1. Thiết lập hệ thống, cơ chế thu thập, theo dõi, đánh giá các báo cáo sự cố, sự cố nghiêm trọng, tai nạn hàng không, vụ việc an toàn hàng không trong ngành hàng không; tổ chức thực hiện và duy trì liên tục hoạt động thu thập, xử lý, phân tích, đánh giá các dữ liệu và chia sẻ thông tin, kiến thức an toàn hàng không.

2. Tổ chức thu thập, phân tích, xác minh các vụ việc an toàn hàng không, sự cố, sự cố nghiêm trọng và tai nạn tàu bay.

3. Chỉ đạo, giám sát việc xử lý, khắc phục các vụ việc an toàn hàng không, sự cố, sự cố nghiêm trọng, tai nạn hàng không; ban hành các khuyến cáo, chỉ thị khi cần thiết nhằm phòng ngừa, ngăn chặn vụ việc, sự cố nghiêm trọng, tai nạn hàng không.

4. Phối hợp với cơ quan điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay trong công tác điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay.

Điều 14. Thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang

1. Tiếp nhận, triển khai kế hoạch thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang theo quy định.

2. Chỉ đạo, giám sát các cơ quan, đơn vị hoạt động hàng không dân dụng trong việc thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang; bảo đảm tiêu chuẩn an toàn chuyến bay theo quy định.

Điều 15. Công bố, phát hành, cung cấp dữ liệu hàng không, tin tức hàng không

1. Công bố, phát hành, cung cấp dữ liệu hàng không, tin tức hàng không liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng theo pháp luật về hàng không dân dụng.

2. Tiếp nhận, xử lý, trao đổi và cung cấp các thông tin, tài liệu cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hàng không dân dụng.

Điều 16. Hợp tác quốc tế trong hàng không dân dụng

Nhà chức trách hàng không Việt Nam là đầu mối trong quan hệ hợp tác quốc tế với ICAO, nhà chức trách hàng không nước ngoài, các tổ chức, diễn đàn hàng không quốc tế khác mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia.

Điều 17. Thanh tra hàng không Việt Nam

Nhà chức trách hàng không Việt Nam tổ chức Thanh tra Hàng không Việt Nam theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 18. Phối hợp với Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam

Nhà chức trách hàng không Việt Nam theo chức năng được giao tại Luật Hàng không dân dụng phối hợp với Nhà chức trách an ninh hàng không trong các hoạt động:

1. Giám sát tuân thủ các quy định về an ninh hàng không của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động hàng không dân dụng.

2. Triển khai tới các tổ chức, cá nhân hoạt động trong ngành hàng không thực hiện các biện pháp để phục vụ quốc phòng, an ninh, khẩn nguy quốc gia.

3. Tham gia hoạt động của ICAO, hợp tác quốc tế về an ninh hàng không với nhà chức trách hàng không nước ngoài, các tổ chức, diễn đàn hàng không quốc tế khác mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia.

4. Điều tra, phân tích, xác minh và đánh giá các tình huống uy hiếp an ninh hàng không.

5. Công tác chỉ đạo, giám sát việc xử lý, khắc phục các tình huống uy hiếp an toàn hàng không, an ninh hàng không, sự cố, tai nạn hàng không.

Mục 2
CƠ SỞ DỮ LIỆU HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Điều 19. Cơ sở dữ liệu hàng không dân dụng

1. Cơ sở dữ liệu hàng không dân dụng là tập hợp dữ liệu số được tạo lập, quản lý, kết nối và khai thác phục vụ quản lý nhà nước, được tổ chức theo kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

2. Nguồn dữ liệu được thu thập từ hoạt động quản lý nhà nước; hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực hàng không dân dụng; các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan và nguồn dữ liệu từ hợp tác quốc tế.

3. Các nhóm dữ liệu cốt lõi bao gồm:

a) Dữ liệu về tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực hàng không dân dụng, bao gồm giấy phép, chứng chỉ, năng định, huấn luyện và các thông tin quản lý khác theo quy định của pháp luật;

b) Dữ liệu về tàu bay dân dụng, bao gồm đăng ký quốc tịch tàu bay, tình trạng khai thác và tình trạng kỹ thuật tàu bay;

c) Dữ liệu về người lái và nhân viên hàng không, bao gồm giấy phép nhân viên hàng không, huấn luyện, kiểm tra và năng định;

d) Dữ liệu về cảng hàng không, sân bay và hạ tầng hàng không, bao gồm thông tin quy hoạch, khai thác hạ tầng và năng lực khai thác;

đ) Dữ liệu về hoạt động bay và điều hành bay, bao gồm đường bay, phương thức bay và hoạt động điều hành bay;

e) Dữ liệu về vận chuyển hàng không và doanh nghiệp hàng không, bao gồm hãng hàng không, hoạt động khai thác vận tải và thị trường vận tải;

g) Dữ liệu về an toàn và dữ liệu về sự cố, tai nạn hàng không;

h) Dữ liệu về môi trường hàng không, bao gồm tiếng ồn tàu bay và phát thải;

i) Dữ liệu về cấp phép, chứng nhận trong lĩnh vực hàng không dân dụng, bao gồm giấy phép, chứng nhận đủ điều kiện khai thác, chứng nhận tổ chức bảo dưỡng và các loại chứng nhận chuyên ngành khác;

k) Dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

l) Dữ liệu về thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

m) Các nhóm dữ liệu chuyên ngành khác phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Nguyên tắc quản lý, kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu hàng không dân dụng

1. Việc quản lý, kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu hàng không dân dụng phải phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước theo yêu cầu của Nhà chức trách hàng không Việt Nam, không làm thay đổi trách nhiệm quản lý dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan.

2. Dữ liệu hàng không dân dụng được sử dụng theo cơ chế dùng chung; không yêu cầu cung cấp lại dữ liệu đã có, trừ trường hợp phục vụ yêu cầu kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

3. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu được thực hiện thông qua hệ thống thông tin, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, phù hợp với quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, dữ liệu, công nghệ thông tin, an toàn thông tin, an ninh mạng; Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng.

4. Dữ liệu được coi là đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước khi bảo đảm khả năng tra cứu, tổng hợp, đối chiếu và sử dụng phục vụ hoạt động quản lý nhà nước theo yêu cầu của Nhà chức trách hàng không Việt Nam.

5. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu được thực hiện trên cơ sở phân quyền truy cập theo chức năng, nhiệm vụ, không quy định trình tự, thủ tục hành chính đối với việc khai thác dữ liệu.

6. Việc kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu hàng không dân dụng phải bảo đảm yêu cầu về an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước; bảo mật thông tin của cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm triển khai biện pháp bảo đảm an toàn đối với hệ thống thông tin và dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý dữ liệu

Các hãng hàng không, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không, doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm:

1. Tạo lập, cung cấp, cập nhật, quản lý và lưu trữ dữ liệu phát sinh trong quá trình hoạt động của mình theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời và toàn vẹn, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của Nhà chức trách hàng không Việt Nam.

3. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu và cung cấp dữ liệu phục vụ việc xây dựng, duy trì cơ sở dữ liệu hàng không dân dụng thông qua hệ thống thông tin theo yêu cầu quản lý nhà nước.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với dữ liệu do mình tạo lập, quản lý, cung cấp và chia sẻ; thực hiện nghĩa vụ về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và bí mật nhà nước theo quy định.

5. Các cơ quan, đơn vị quản lý dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm và chịu trách nhiệm về sự tồn tại, tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý thông qua dữ liệu điện tử và hệ thống thông tin.

Điều 22. Trách nhiệm của Nhà chức trách hàng không Việt Nam trong quản lý, kiểm tra và giám sát dữ liệu hàng không dân dụng

1. Nhà chức trách hàng không Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước đối với dữ liệu hàng không dân dụng; làm đầu mối tổ chức theo dõi, giám sát, đánh giá việc kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu phù hợp, thống nhất với kế hoạch và kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Xây dựng.

2. Xác định phạm vi, danh mục, nội dung và mức độ chi tiết của dữ liệu cần kết nối, chia sẻ theo từng giai đoạn.

3. Tổ chức giám sát việc cung cấp, cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước.

4. Trường hợp phát hiện dữ liệu không đầy đủ, không chính xác hoặc không kịp thời, Nhà chức trách hàng không Việt Nam yêu cầu cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật, khắc phục theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Nhà chức trách hàng không Việt Nam thực hiện xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Mục 3
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA NHÀ CHỨC TRÁCH HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Điều 23. Bảo đảm tổ chức bộ máy, điều kiện hoạt động, trang phục công tác và nguồn kinh phí thực thi nhiệm vụ của Nhà chức trách hàng không Việt Nam

1. Nhà chức trách hàng không Việt Nam và các Cảng vụ hàng không được bảo đảm về tổ chức bộ máy, nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện hoạt động cần thiết khác nhằm bảo đảm năng lực thực thi công vụ, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, khuyến cáo thực hành của ICAO và phù hợp với quy mô phát triển của ngành hàng không dân dụng Việt Nam.

2. Công chức, viên chức và người lao động thuộc Nhà chức trách hàng không Việt Nam và các Cảng vụ hàng không được cấp phát, sử dụng trang phục công tác, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu trong quá trình thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Nguồn kinh phí thực thi nhiệm vụ của Nhà chức trách hàng không Việt Nam và các Cảng vụ hàng không được bảo đảm từ các nguồn sau đây:

a) Ngân sách nhà nước cấp cho chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay được để lại;

c) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Người nộp phí và tổ chức thu phí

a) Người nộp phí là các tổ chức, cá nhân khai thác kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và kinh doanh cảng hàng không;

b) Tổ chức thu phí là các Cảng vụ hàng không (Cảng vụ hàng không miền Bắc, Cảng vụ hàng không miền Trung, Cảng vụ hàng không miền Nam) trực thuộc Cục Hàng không Việt Nam.

2. Các trường hợp miễn thu phí

a) Chuyến bay chuyên cơ;

b) Chuyến bay công vụ;

c) Chuyến bay tìm kiếm cứu nạn, vận chuyển hàng viện trợ nhân đạo, cứu trợ lũ lụt, thiên tai và làm nhiệm vụ nhân đạo khác.

3. Mức thu phí

Số TT	**Dịch vụ chịu phí**	**Mức thu** (đồng/lượt hạ hoặc cất cánh)
1	Bảo đảm hoạt động bay	165.000
2	Kinh doanh cảng hàng không	335.000

Trong đó: Mức thu phí được tính trên sản lượng chuyến bay hạ cánh hoặc cất cánh (sản lượng tính theo lượt hạ cánh hoặc cất cánh) đi hoặc đến các cảng hàng không thuộc khu vực do Cảng vụ hàng không thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

4. Nhà chức trách hàng không Việt Nam bao gồm Cảng vụ hàng không được để lại 45% số phí thu được để chi cho các nội dung quy định tại Điều 25 Nghị định này; nộp 55% số tiền phí còn lại vào ngân sách nhà nước.

5. Kê khai, thu, nộp phí

a) Chậm nhất là ngày 20 hàng tháng, người nộp phí thực hiện nộp số tiền phí phải nộp đối với các chuyến bay cất, hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay do Cảng vụ hàng không quản lý trong tháng trước. Phí nộp trực tiếp cho tổ chức thu hoặc nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu mở tại Kho bạc Nhà nước;

b) Định kỳ chậm nhất ngày thứ hai hàng tuần, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được trong tuần trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước;

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai phí thu được theo tháng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; nộp số tiền phí thu được sau khi đã trích để lại theo tỷ lệ quy định tại khoản 4 Điều này vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước.

6. Quản lý và sử dụng phí

a) Hằng năm, Cục Hàng không Việt Nam và các Cảng vụ hàng không có trách nhiệm lập dự toán, phân bổ, sử dụng, thanh toán, quyết toán số phí được để lại theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Căn cứ dự toán thu phí và chi từ nguồn phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay được để lại được Bộ Xây dựng giao, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện điều chuyển số thu phí được để lại chi giữa Cục Hàng không Việt Nam và các Cảng vụ hàng không, báo cáo Bộ Xây dựng;

c) Sau khi quyết toán thu, chi theo đúng chế độ, số phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định kể từ thời điểm kết thúc năm ngân sách; trường hợp hết 05 năm chưa chi hết số phí được để lại, tổ chức thu phí phải nộp ngân sách nhà nước số phí đã được chuyển chưa chi hết.

Điều 25. Các nội dung chi từ nguồn phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay được để lại

1. Hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

a) Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chuyên ngành hàng không; tổ chức các hoạt động diễn tập trong hàng không: an toàn, khẩn nguy, tìm kiếm cứu nạn, ứng phó không lưu;

b) Thuê giám sát viên an toàn hàng không, thuê chuyên gia.

2. Hợp tác quốc tế gồm: đàm phán, ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế liên quan đến trao đổi, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm quốc tế trong giám sát an toàn, quản lý nhà nước về hàng không dân dụng; thực hiện nghĩa vụ và cam kết quốc tế trong khuôn khổ các hợp tác song phương, đa phương mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia.

3. Đầu tư phát triển, hiện đại hóa nhằm nâng cao năng lực giám sát an toàn hàng không gồm:

a) Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ, vận hành hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn của các tổ chức quốc tế liên quan đến hoạt động thiết kế, khai thác, quản lý, giám sát an toàn hàng không;

b) Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm, thuê các phương tiện, thiết bị, công cụ, dịch vụ nhằm nâng cao năng lực giám sát an toàn hàng không; sửa chữa, nâng cấp hệ thống kỹ thuật.

Chương III
AN TOÀN HÀNG KHÔNG

Mục 1
QUẢN LÝ AN TOÀN HÀNG KHÔNG

Điều 26. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động giám sát an toàn hàng không

1. Hoạt động giám sát an toàn hàng không phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các tiêu chuẩn, hướng dẫn của ICAO; bảo đảm tính độc lập, khách quan, công khai, minh bạch, hệ thống và liên tục.

2. Việc giám sát an toàn hàng không được thực hiện thông qua các chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt hoặc thực hiện đột xuất; ưu tiên nguồn lực giám sát đối với các lĩnh vực, đối tượng có nguy cơ rủi ro cao uy hiếp an toàn hàng không (giám sát dựa trên rủi ro).

3. Quá trình giám sát an toàn hàng không phải tuân thủ các quy trình, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ do Nhà chức trách hàng không Việt Nam ban hành; bảo đảm thống nhất trong việc đánh giá, kết luận và xử lý các vấn đề an toàn.

4. Hoạt động giám sát an toàn hàng không phải được thực hiện bởi giám sát viên an toàn hàng không đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực, chuyên môn và kinh nghiệm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 27. Xây dựng chương trình và tài liệu hướng dẫn giám sát an toàn hàng không

1. Nhà chức trách hàng không Việt Nam có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình giám sát an toàn hàng không hằng năm đối với các lĩnh vực tàu bay, khai thác tàu bay; bảo đảm hoạt động bay; cảng hàng không, bãi cất, hạ cánh và các lĩnh vực khác theo quy định.

2. Chương trình giám sát an toàn hàng không phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Xác định cụ thể đối tượng, phạm vi, nội dung, hình thức và tần suất giám sát định kỳ đối với từng lĩnh vực chuyên ngành;

b) Được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá hồ sơ rủi ro an toàn, kết quả giám sát của các kỳ trước đó;

c) Phù hợp với quy mô, phạm vi hoạt động, năng lực quản lý an toàn của đối tượng chịu sự kiểm tra, giám sát.

3. Chương trình giám sát an toàn hàng không và hệ thống tài liệu hướng dẫn giám sát an toàn hàng không phải được rà soát, đánh giá định kỳ hằng năm hoặc khi cần thiết để bảo đảm sự phù hợp với thực tiễn, quy mô công tác bảo đảm an toàn hàng không, quy định pháp luật Việt Nam và tiêu chuẩn, hướng dẫn của ICAO.

Điều 28. Chương trình an toàn hàng không dân dụng Việt Nam

1. Nhà chức trách hàng không Việt Nam có trách nhiệm xây dựng, tổ chức thực hiện, duy trì, rà soát và cập nhật Chương trình an toàn hàng không dân dụng Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và tiêu chuẩn, khuyến cáo của ICAO; thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình an toàn hàng không dân dụng Việt Nam.

2. Chương trình an toàn hàng không dân dụng Việt Nam bao gồm các nội dung sau đây:

a) Chính sách, mục tiêu và nguồn lực bảo đảm an toàn hàng không:

Ban hành và duy trì hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật, công cụ quản lý và thông tin thiết yếu phục vụ công tác quản lý, giám sát an toàn hàng không;

Thiết lập hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp trong quản lý giám sát an toàn hàng không; ban hành và duy trì chính sách an toàn hàng không và mục tiêu an toàn hàng không; bảo đảm vai trò của Nhà chức trách hàng không Việt Nam trong công tác ứng phó khẩn nguy và quản lý khủng hoảng ở cấp Nhà nước;

Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, năng lực của nhân lực kỹ thuật thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra, giám sát an toàn hàng không bảo đảm giám sát viên an toàn hàng không đáp ứng các quy định;

Ban hành các tài liệu hướng dẫn, trang bị các thiết bị, phương tiện, công cụ để thực hiện bảo đảm an toàn hàng không.

b) Quản lý rủi ro an toàn hàng không:

Thực hiện cấp phép, cấp giấy chứng nhận, phê chuẩn, chấp thuận, cho phép đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật;

Yêu cầu các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng áp dụng triển khai hệ thống quản lý an toàn theo quy định của pháp luật;

Thiết lập và duy trì cơ chế, nội dung điều tra tai nạn, sự cố tàu bay dân dụng theo quy định của pháp luật;

Thiết lập và triển khai quy trình nhận diện mối nguy, thu thập, xử lý và phân tích thông tin an toàn nhằm đánh giá rủi ro an toàn hàng không;

Áp dụng các biện pháp quản lý, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro an toàn phát sinh từ các mối nguy đã được nhận diện.

c) Bảo đảm an toàn hàng không:

Thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát an toàn hàng không đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hàng không dân dụng;

Thiết lập và áp dụng các chỉ số thực hiện an toàn, mục tiêu an toàn và cơ chế theo dõi, đánh giá việc thực hiện mục tiêu an toàn của hệ thống hàng không dân dụng;

Thực hiện quản lý sự thay đổi, đánh giá hiệu lực của các biện pháp kiểm soát rủi ro an toàn;

Rà soát, hoàn thiện Chương trình an toàn hàng không dân dụng Việt Nam.

d) Thúc đẩy an toàn hàng không:

Tuyên truyền, phổ biến chính sách, mục tiêu và yêu cầu về an toàn hàng không; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ; chia sẻ, trao đổi thông tin an toàn nhằm hỗ trợ phòng ngừa, cảnh báo và thúc đẩy văn hóa an toàn trong cộng đồng hàng không dân dụng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

Xây dựng và triển khai chính sách, tiêu chí đánh giá nhằm tôn vinh, khen thưởng hằng năm đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác bảo đảm an toàn hàng không.

Điều 29. Yêu cầu về hệ thống quản lý an toàn

1. Các tổ chức, cá nhân được quy định tại Điều 81 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam có trách nhiệm xây dựng và triển khai hệ thống quản lý an toàn, phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Bao gồm các thành phần: Chính sách và mục tiêu an toàn; quản lý rủi ro an toàn; bảo đảm an toàn hàng không và thúc đẩy an toàn hàng không;

b) Phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động cung cấp dịch vụ của tổ chức, cá nhân;

c) Xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm và công tác phối hợp giữa các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý an toàn hàng không.

2. Tài liệu Hệ thống quản lý an toàn của các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này phải được Nhà chức trách hàng không Việt Nam chấp thuận theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, trừ hệ thống quản lý an toàn của doanh nghiệp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không.

Điều 30. Hệ thống thu thập, đánh giá và xử lý dữ liệu an toàn hàng không

1. Nhà chức trách hàng không Việt Nam thiết lập và duy trì hệ thống thu thập, đánh giá và xử lý dữ liệu an toàn hàng không để thu thập, lưu trữ, xử lý, phân tích, chia sẻ và sử dụng dữ liệu, thông tin an toàn từ hệ thống báo cáo an toàn bắt buộc, báo cáo an toàn tự nguyện, báo cáo tự nguyện, báo cáo định kỳ và các nguồn báo cáo, thông tin khác, phục vụ nhận diện mối nguy, đánh giá rủi ro an toàn, phòng ngừa sự cố uy hiếp an toàn hàng không và bảo đảm phân loại, mã hóa dữ liệu phù hợp với tiêu chuẩn của ICAO.

2. Hệ thống thu thập, đánh giá và xử lý dữ liệu an toàn hàng không quy định tại khoản 1 Điều này phải hỗ trợ việc xây dựng, theo dõi và giám sát các chỉ số thực hiện an toàn; nhận diện mối nguy, đánh giá rủi ro; phân tích, dự báo và cảnh báo an toàn hàng không; đồng thời xác định các biện pháp nhằm bảo đảm và nâng cao an toàn hàng không.

3. Nhà chức trách hàng không Việt Nam thực hiện bảo vệ dữ liệu, thông tin an toàn theo quy định của pháp luật; bảo đảm dữ liệu, thông tin an toàn chỉ được sử dụng nhằm duy trì, cải thiện, nâng cao an toàn hàng không và thông qua việc bảo vệ dữ liệu và thông tin an toàn, áp dụng các biện pháp cần thiết để khuyến khích báo cáo, thúc đẩy văn hóa an toàn chủ động, tích cực.

4. Nhà chức trách hàng không Việt Nam thực hiện chia sẻ, trao đổi thông tin an toàn trong hoạt động hàng không dân dụng với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và với quốc gia, tổ chức quốc tế có liên quan khi phát hiện các vấn đề về an toàn hàng không; việc chia sẻ, trao đổi dữ liệu, thông tin phải phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, an toàn thông tin và quy định khác của pháp luật Việt Nam và bảo đảm thông tin an toàn chỉ được sử dụng nhằm duy trì, cải thiện và nâng cao an toàn hàng không, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 31. Trung tâm dữ liệu an toàn hàng không

1. Trung tâm dữ liệu an toàn hàng không thực hiện chức năng quản lý, vận hành hệ thống thu thập, đánh giá và xử lý dữ liệu an toàn hàng không quốc gia theo quy định tại Điều 30 của Nghị định này nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, ứng phó khẩn nguy và giám sát an toàn hàng không theo quy định của pháp luật và ICAO.

2. Cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu an toàn hàng không được thiết kế, xây dựng, sử dụng đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn về trung tâm dữ liệu công nghệ thông tin, an toàn thông tin, an ninh mạng và quy định khác của pháp luật có liên quan; phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông; bảo đảm yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và khả năng vận hành an toàn, liên tục;

b) Có đủ khả năng kết nối, xử lý và chia sẻ dữ liệu đầy đủ, đồng bộ, liên tục, kịp thời; bảo đảm khả năng liên thông, tích hợp, mở rộng và dễ sử dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan trong ngành hàng không và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác theo quy định của pháp luật;

c) Dữ liệu kết nối, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm tính cập nhật, chính xác theo quy định pháp luật;

d) Có giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật để kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn hành vi tấn công, truy cập trái phép, phá hoại; bảo đảm mức độ sẵn sàng của hệ thống và tính toàn vẹn của dữ liệu an toàn hàng không;

đ) Có hệ thống dự phòng dữ liệu, nguồn điện và phương án duy trì hoạt động liên tục, ứng phó sự cố để bảo đảm hệ thống không bị gián đoạn.

Điều 32. Mức độ không tuân thủ và biện pháp khắc phục đối với tổ chức, cá nhân

1. Không tuân thủ là việc tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các yêu cầu, điều kiện theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình, giới hạn khai thác hoặc nội dung giấy chứng nhận, giấy phép, phê chuẩn, chấp thuận, công nhận.

2. Không tuân thủ mức 1 là hành vi không tuân thủ có nguy cơ cao gây ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn hàng không hoặc việc không tuân thủ mang tính phổ biến trong hệ thống, lặp lại nhiều lần. Các hành vi được xác định là không tuân thủ mức 1 bao gồm:

a) Thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 12 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

b) Có hành vi gian lận, giả mạo, cố ý cung cấp thông tin sai sự thật trong hồ sơ, tài liệu, dữ liệu liên quan đến việc đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung, duy trì giấy chứng nhận, giấy phép, năng định, quyết định phê chuẩn, giấy xác nhận, chấp thuận, công nhận;

c) Không cho phép, từ chối không có lý do chính đáng hoặc cản trở Nhà chức trách hàng không Việt Nam thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định;

d) Không bảo đảm có đủ bộ máy điều hành theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện hoạt động khai thác vượt quá phạm vi, nội dung hoặc không đúng điều kiện ghi trong giấy chứng nhận, giấy phép, năng định, quyết định phê chuẩn, giấy xác nhận, chấp thuận, công nhận;

e) Cố ý đưa tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị hàng không không đáp ứng đủ điều kiện an toàn vào khai thác;

g) Không tổ chức điều tra, xác minh để khắc phục các sai lỗi, vi phạm trong tổ chức;

h) Cố ý không thực hiện biện pháp khắc phục trong thời hạn đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

i) Các hành vi không tuân thủ pháp luật về hàng không dân dụng khác có nguy cơ gây ra sự cố nghiêm trọng hoặc tai nạn hàng không.

3. Không tuân thủ mức 2 là các hành vi không tuân thủ không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Nhà chức trách hàng không Việt Nam phát hiện, phân loại, thông báo, theo dõi và xử lý các trường hợp không tuân thủ của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng giám sát an toàn hàng không.

5. Việc đánh giá, phân loại mức độ không tuân thủ quy định tại Điều này là căn cứ để Nhà chức trách hàng không Việt Nam quyết định tăng tần suất, mở rộng nội dung kiểm tra, giám sát an toàn hàng không; đồng thời là cơ sở để xem xét giảm thời hạn, thu hẹp phạm vi hiệu lực khi gia hạn giấy phép, giấy chứng nhận theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng nhằm bảo đảm an toàn hàng không.

Điều 33. Quy định về miễn trừ

1. Miễn trừ là văn bản do Nhà chức trách hàng không Việt Nam cấp cho tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực tàu bay, khai thác tàu bay; cảng hàng không; bảo đảm hoạt động bay, cho phép không áp dụng hoặc áp dụng khác một số quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn hoặc yêu cầu bắt buộc trên cơ sở đánh giá nghiêm ngặt về rủi ro và áp dụng các biện pháp bảo đảm mức độ an toàn hàng không theo quy định của pháp luật.

2. Việc miễn trừ được xem xét trong các trường hợp sau:

a) Do tình huống khẩn cấp, chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, điều kiện bất khả kháng hoặc yêu cầu cấp thiết vì lợi ích công cộng mà việc tuân thủ đầy đủ ngay tại thời điểm đó là không thể thực hiện được hoặc có thể gây gián đoạn nghiêm trọng hoạt động hàng không dân dụng;

b) Do đặc thù của thiết kế, công nghệ, phương thức khai thác, bảo dưỡng, huấn luyện mới hoặc giải pháp kỹ thuật mới khác với quy định pháp luật về hàng không dân dụng hiện hành, theo hướng dẫn của Nhà chức trách hàng không quốc gia thiết kế, tổ chức thiết kế loại và các tiêu chuẩn, khuyến cáo thực hành của ICAO;

c) Do yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với các công trình, hạ tầng khai thác cảng hàng không, bảo đảm hoạt động bay.

3. Nguyên tắc áp dụng miễn trừ:

a) Chỉ cấp miễn trừ khi có căn cứ chứng minh việc áp dụng miễn trừ vẫn bảo đảm an toàn hàng không thông qua các biện pháp giảm thiểu, ngăn ngừa rủi ro an toàn hàng không;

b) Miễn trừ phải được giới hạn về phạm vi, đối tượng, nội dung, điều kiện áp dụng và thời hạn hiệu lực; không được sử dụng miễn trừ để thay thế lâu dài việc sửa đổi, bổ sung quy định hoặc khắc phục tình trạng không tuân thủ của tổ chức, cá nhân;

c) Tổ chức, cá nhân được cấp miễn trừ không được lợi dụng miễn trừ để duy trì hoạt động khi đã có đủ điều kiện, năng lực, phương tiện hoặc thời gian cần thiết để tuân thủ quy định hiện hành.

4. Hồ sơ đề nghị cấp miễn trừ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp miễn trừ theo các nội dung của Mẫu số 08 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Hồ sơ đánh giá rủi ro an toàn; dự kiến nguồn lực bị ảnh hưởng hoặc có liên quan với miễn trừ đề nghị cấp; đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro, các giới hạn bổ sung khi miễn trừ được cấp;

c) Các tài liệu, bằng chứng kỹ thuật, dữ liệu thử nghiệm, nghiên cứu hàng không hoặc các hồ sơ đánh giá, đưa ra giải pháp để bảo đảm được an toàn hàng không.

5. Trình tự thủ tục xin cấp miễn trừ:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp miễn trừ gửi 01 bộ hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp miễn trừ, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thông báo, hướng dẫn cho người làm đơn bổ sung, hoàn thiện;

c) Đối với trường hợp không yêu cầu kiểm tra, kiểm chứng hoặc thử nghiệm: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam đánh giá đối với hồ sơ đề nghị cấp. Trường hợp hồ sơ được đánh giá đạt yêu cầu, Cục Hàng không Việt Nam cấp miễn trừ theo mẫu quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không đáp ứng thì thông báo bằng văn bản từ chối cấp miễn trừ và nêu rõ lý do;

d) Đối với trường hợp cần kiểm tra, kiểm chứng hoặc thử nghiệm: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thông báo về thời gian, nội dung kiểm tra cho tổ chức, cá nhân. Thời gian hoàn thành kiểm tra, kiểm chứng hoặc thử nghiệm không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày Cục Hàng không Việt Nam nhận đủ hồ sơ theo quy định;

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra, kiểm chứng hoặc thử nghiệm, Cục Hàng không Việt Nam cấp miễn trừ theo mẫu quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không đáp ứng thì thông báo từ chối cấp miễn trừ và nêu rõ lý do.

6. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam:

a) Lập hồ sơ đầy đủ đối với việc cấp miễn trừ để phục vụ công tác quản lý an toàn hàng không; không xem xét, quyết định miễn trừ trong trường hợp không có đánh giá rủi ro an toàn hoặc nghiên cứu hàng không;

b) Đánh giá hồ sơ đề nghị xin cấp miễn trừ; trường hợp hồ sơ, dữ liệu kỹ thuật của tổ chức, cá nhân chưa đủ căn cứ để kết luận việc miễn trừ vẫn bảo đảm an toàn hàng không thì tiến hành kiểm tra, kiểm chứng hoặc thử nghiệm các biện pháp giảm thiểu, ngăn ngừa rủi ro an toàn của tổ chức, cá nhân nhằm xác nhận việc bảo đảm an toàn hàng không khi cấp miễn trừ;

c) Quyết định cấp miễn trừ phải xác định rõ phạm vi áp dụng, nội dung được miễn trừ, thời hạn hiệu lực, các điều kiện kèm theo và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được miễn trừ; miễn trừ chỉ có hiệu lực trong thời hạn xác định;

d) Không cấp miễn trừ hoặc thu hồi miễn trừ đã ban hành nếu đánh giá tổ chức, cá nhân cố ý sử dụng miễn trừ để khai thác tàu bay trong khi đã có đủ các điều kiện cần thiết để tuân thủ quy định;

đ) Trường hợp việc cấp miễn trừ làm phát sinh khác biệt so với Tiêu chuẩn tại các Phụ ước của Công ước Chicago, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc thông báo khác biệt tới ICAO; đồng thời thực hiện việc công bố, cập nhật thông tin trong tài liệu thông báo tin tức hàng không khi cần thiết theo quy định về thông báo tin tức hàng không của pháp luật.

7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được cấp miễn trừ:

a) Tuân thủ đầy đủ phạm vi, điều kiện, giới hạn, biện pháp giảm thiểu rủi ro và trách nhiệm báo cáo được ghi trong quyết định miễn trừ;

b) Không chuyển giao, mở rộng hoặc áp dụng miễn trừ ngoài phạm vi, đối tượng, thời hạn đã được Cục Hàng không Việt Nam cấp;

c) Báo cáo ngay cho Cục Hàng không Việt Nam khi phát hiện rủi ro an toàn hàng không phát sinh dẫn đến việc áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn không còn phù hợp với miễn trừ đã được cấp;

d) Chấm dứt ngay việc áp dụng miễn trừ khi hết thời hạn hiệu lực, khi bị đình chỉ, thu hồi hoặc khi không còn đáp ứng điều kiện miễn trừ;

đ) Báo cáo Cục Hàng không Việt Nam khi việc miễn trừ không còn cần thiết và tổ chức, cá nhân áp dụng trở lại các quy định đã cấp miễn trừ.

Điều 34. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong xây dựng và thúc đẩy văn hóa an toàn hàng không

1. Trách nhiệm của các đơn vị trong ngành hàng không

a) Xây dựng và triển khai các quy tắc ứng xử và hành vi về văn hóa an toàn hàng không;

b) Xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, đào tạo hằng năm đối với lãnh đạo, người quản lý và người lao động về các quy định an toàn hàng không, hệ thống quản lý an toàn, hệ thống báo cáo an toàn, văn hóa tổ chức và văn hóa an toàn hàng không.

2. Trách nhiệm của Nhà chức trách hàng không Việt Nam:

a) Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá và triển khai các danh hiệu, giải thưởng hằng năm để triển khai văn hóa an toàn và thúc đẩy văn hóa an toàn tại các đơn vị trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam;

b) Thực hiện các hoạt động thúc đẩy an toàn bao gồm tuyên truyền, phổ biến thông tin an toàn và văn hóa an toàn trong và ngoài ngành hàng không;

c) Giám sát việc thực thi chính sách văn hóa an toàn tại các doanh nghiệp thông qua việc đánh giá tính hiệu quả của hệ thống quản lý an toàn và hệ thống báo cáo;

d) Tạo điều kiện cho tất cả tổ chức, nhân viên hàng không chủ động, tích cực báo cáo tự nguyện các vấn đề về an toàn hàng không đến Nhà chức trách hàng không Việt Nam;

đ) Có biện pháp xử lý hoặc kiến nghị biện pháp xử lý đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hành vi ứng xử có ảnh hưởng tiêu cực đến an toàn hàng không.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao ý thức văn hóa an toàn hàng không cho người dân, đặc biệt là cư dân sinh sống quanh khu vực cảng hàng không, bãi cất, hạ cánh; ngăn chặn các hành vi uy hiếp an toàn bay từ cộng đồng như: chiếu tia laser, thả diều, vật thể bay không người lái trái phép hoặc đốt rơm rạ gây khói làm giảm tầm nhìn;

b) Phối hợp chặt chẽ với Nhà chức trách hàng không Việt Nam và các đơn vị quản lý cảng hàng không trong việc quản lý quy hoạch bề mặt giới hạn chướng ngại vật; kiểm soát và xử lý các vi phạm về độ cao công trình, trật tự xây dựng ảnh hưởng đến an toàn hoạt động bay;

c) Tham gia tích cực vào các kế hoạch ứng phó khẩn nguy, diễn tập tìm kiếm cứu nạn hàng không; xây dựng cơ chế hiệp đồng sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện của địa phương (y tế, phòng cháy chữa cháy, an ninh) để hỗ trợ ngành hàng không khi xảy ra sự cố, tai nạn trên địa bàn.

Điều 35. Báo cáo sự cố an toàn hàng không bắt buộc

1. Tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp đến hoạt động hàng không có trách nhiệm thực hiện báo cáo an toàn hàng không theo quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Báo cáo sự cố an toàn bao gồm:

a) Báo cáo các vụ việc an toàn hàng không;

b) Báo cáo sự cố;

c) Báo cáo sự cố nghiêm trọng;

d) Báo cáo tai nạn.

3. Các tổ chức có liên quan sau đây phải thiết lập hệ thống báo cáo sự cố an toàn hàng không và báo cáo các sự cố an toàn cho Nhà chức trách hàng không Việt Nam:

a) Người khai thác tàu bay;

b) Người khai thác cảng hàng không;

c) Tổ chức bảo dưỡng tàu bay, trang thiết bị tàu bay;

d) Tổ chức thiết kế, sản xuất tàu bay, động cơ, cánh quạt và trang thiết bị tàu bay;

đ) Cơ sở đào tạo, huấn luyện thực hành người lái tàu bay;

e) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

g) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không;

h) Các tổ chức khác theo quy định của Phụ ước 19 của Công ước Chicago.

4. Các nhân viên hàng không trực tiếp liên quan đến tai nạn, sự cố nghiêm trọng sau đây phải báo cáo đến Nhà chức trách hàng không Việt Nam:

a) Người chỉ huy tàu bay hoặc thành viên tổ bay trong trường hợp người chỉ huy tàu bay không thể báo cáo vì lý do sức khỏe;

b) Kiểm soát viên không lưu;

c) Nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay;

d) Nhân viên điều khiển phương tiện, trang thiết bị mặt đất tại khu bay;

đ) Các cá nhân khác có liên quan trực tiếp đến sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay hoặc khi phát hiện sự cố an toàn hàng không có quyền báo cáo tới Nhà chức trách hàng không Việt Nam để thu thập, xử lý theo quy định.

5. Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam có liên quan đến sự cố an toàn hàng không xảy ra tại Việt Nam phải báo cáo đến Nhà chức trách hàng không Việt Nam.

6. Các yêu cầu đối với báo cáo sự cố bắt buộc:

a) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng quy định có trách nhiệm gửi báo cáo sự cố trong thời gian sớm nhất, nhưng tối đa không quá 72 giờ kể từ thời điểm phát hiện hoặc xảy ra sự cố, trừ trường hợp bất khả kháng khiến việc thông báo không thể thực hiện được trong thời hạn nêu trên;

b) Tất cả các sự cố bắt buộc báo cáo phải được các tổ chức, cá nhân tiến hành phân loại, tổ chức điều tra hoặc có xác minh, đánh giá để phân loại, xác định nguyên nhân, yếu tố đóng góp và có các biện pháp ngăn chặn, khắc phục, phòng ngừa để bảo đảm an toàn hàng không;

c) Nhà chức trách hàng không Việt Nam thực hiện điều tra, xác minh các sự cố an toàn hàng không khi sự cố có dấu hiệu tiềm ẩn rủi ro an toàn nghiêm trọng, mang tính hệ thống, có tính chất lặp lại hoặc khi kết quả báo cáo, phân loại, xác minh ban đầu chưa đủ cơ sở làm rõ nguyên nhân, yếu tố đóng góp.

7. Danh mục các sự cố nghiêm trọng được quy định tại Phụ lục IV của Nghị định này.

8. Các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này thực hiện báo cáo sự cố an toàn hàng không bắt buộc theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Mục 2
GIÁM SÁT VIÊN AN TOÀN HÀNG KHÔNG

Điều 36. Chức danh, tiêu chuẩn giám sát viên an toàn hàng không

1. Giám sát viên an toàn hàng không bao gồm:

a) Giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực khai thác tàu bay;

b) Giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực tiêu chuẩn đủ điều kiện bay;

c) Giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực hoạt động bay;

d) Giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

đ) Giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực cấp phép nhân viên hàng không;

e) Giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực y tế hàng không;

g) Giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực quản lý an toàn hàng không.

2. Giám sát viên an toàn hàng không được cấp Thẻ giám sát viên an toàn hàng không để sử dụng khi thực hiện nhiệm vụ.

3. Nhà chức trách hàng không Việt Nam phê chuẩn giám sát viên an toàn hàng không theo tiêu chuẩn, lĩnh vực chuyên môn, phân loại theo chức năng, nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành. Một giám sát viên an toàn hàng không có thể được Nhà chức trách hàng không Việt Nam phê chuẩn nhiều lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của giám sát viên an toàn hàng không

1. Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, các giám sát viên an toàn hàng không thực hiện các quyền theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15. Việc thực hiện các quyền này được cụ thể như sau:

a) Tiếp cận địa điểm, khu vực, tàu bay, cơ sở, hệ thống, trang thiết bị, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu và hoạt động có liên quan để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong phạm vi nội dung, đối tượng và lĩnh vực được giao;

b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp, cho sao chép hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, chứng chỉ, giấy phép và giải trình các nội dung cần thiết phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;

c) Lập biên bản, ghi nhận vi phạm, kiến nghị áp dụng biện pháp xử lý, khắc phục vi phạm, ngăn ngừa nguy cơ trực tiếp uy hiếp an toàn hàng không và kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

d) Đình chỉ thực hiện chuyến bay, hoạt động của tổ chức, cá nhân và phương tiện vi phạm quy định về an toàn hàng không hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện kỹ thuật an toàn hàng không trong phạm vi, lĩnh vực được giao.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, các giám sát viên an toàn hàng không có trách nhiệm sau:

a) Chịu trách nhiệm trước Nhà chức trách hàng không Việt Nam và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát an toàn hàng không trong phạm vi được giao;

b) Xây dựng, đề xuất kế hoạch kiểm tra, giám sát trên cơ sở yêu cầu quản lý nhà nước, mức độ rủi ro, tình trạng tuân thủ và kết quả kiểm tra, giám sát trước đó của tổ chức, cá nhân;

c) Thực hiện nhiệm vụ đúng phạm vi, nội dung, thẩm quyền và trình tự, thủ tục quy định; bảo đảm tính khách quan, trung thực, minh bạch. Hoạt động kiểm tra, giám sát không được gây cản trở đến hoạt động bình thường của tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp khẩn cấp để bảo đảm an toàn và ngăn ngừa vi phạm, sự cố an toàn hàng không;

d) Ghi nhận, đánh giá đầy đủ kết quả kiểm tra, giám sát và lập báo cáo kiến nghị các biện pháp xử lý, khắc phục, phòng ngừa; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và khách quan của nội dung báo cáo đã lập;

đ) Theo dõi, đánh giá kết quả khắc phục sự không tuân thủ của tổ chức, cá nhân. Trường hợp đối tượng không khắc phục, khắc phục không đầy đủ hoặc

quá hạn, giám sát viên phải kịp thời báo cáo, kiến nghị Nhà chức trách hàng không Việt Nam áp dụng biện pháp xử lý phù hợp;

e) Không lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn để trục lợi, gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu cho tổ chức, cá nhân; không được làm sai lệch kết quả kiểm tra, giám sát hoặc bao che cho các hành vi vi phạm dưới mọi hình thức.

3. Nhà chức trách hàng không Việt Nam phê chuẩn giám sát viên an toàn hàng không có thời hạn hiệu lực 02 năm, thực hiện phân công nhiệm vụ giám sát phù hợp với lĩnh vực chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm của giám sát viên an toàn hàng không và yêu cầu quản lý an toàn hàng không.

Điều 38. Đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện giám sát viên an toàn hàng không

1. Giám sát viên an toàn hàng không chỉ được phê chuẩn chính thức và giao nhiệm vụ giám sát độc lập sau khi hoàn tất các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện theo quy định. Công tác huấn luyện phải bảo đảm tính liên tục, cập nhật nhằm duy trì và nâng cao năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu giám sát.

2. Nhà chức trách hàng không Việt Nam xây dựng và triển khai Chương trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện giám sát viên an toàn hàng không theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện giám sát viên an toàn hàng không phải đáp ứng tiêu chuẩn ICAO bao gồm các nội dung sau đây:

a) Đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện cơ bản (Baseline Training);

b) Đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên ngành (Specialized Training);

c) Huấn luyện thực hành (On-the-Job Training);

d) Huấn luyện định kỳ (Recurrent Training);

đ) Huấn luyện phục hồi (Refresher Training);

e) Huấn luyện nâng cao (Advanced Training).

3. Đối với giám sát viên bay là công chức, được phép dùng tối đa không quá 30% thời gian hành chính hàng tháng để bay tích lũy kinh nghiệm tại các hãng hàng không nhằm bảo đảm duy trì, tích lũy kinh nghiệm, nâng cao năng lực, theo dõi, nắm bắt, giám sát chung hoạt động khai thác thực tiễn tàu bay và kinh nghiệm với các sân bay, mạng đường bay và khu vực khai thác.

4. Các nội dung về huấn luyện quy định tại khoản 2 Điều này có thể đạt được qua chương trình huấn luyện thực hiện bởi các tổ chức, cá nhân sau:

a) Nhà chức trách hàng không Việt Nam;

b) Giáo viên có chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ do Quốc gia thành viên ICAO cấp hoặc công nhận;

c) Tổ chức huấn luyện, Người khai thác tàu bay, Tổ chức bảo dưỡng được Nhà chức trách hàng không Việt Nam phê chuẩn hoặc công nhận;

d) Tổ chức giáo dục nghề nghiệp có thẩm quyền;

đ) Tổ chức quốc tế được ICAO, IATA và các nhà chức trách hàng không dân dụng quốc tế phê chuẩn, công nhận các chương trình đào tạo.

5. Nhà chức trách hàng không Việt Nam được bảo đảm và chủ động các nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện hằng năm và dự toán theo chu kỳ 2 năm nhằm duy trì các chương trình huấn luyện đào tạo đáp ứng yêu cầu năng lực giám sát viên an toàn hàng không của ICAO.

Điều 39. Bảo đảm nguồn lực giám sát viên an toàn hàng không

1. Nhà chức trách hàng không Việt Nam có trách nhiệm bảo đảm hệ thống nguồn lực giám sát viên an toàn hàng không bao gồm nhân sự, hệ thống quản trị, cơ sở dữ liệu đào tạo và hạ tầng kỹ thuật được duy trì liên tục, ổn định, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, số lượng theo quy định của ICAO, phù hợp với thực tiễn, quy mô phát triển của hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam.

2. Căn cứ quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về định mức kinh tế - kỹ thuật, đặc thù đối với giám sát viên an toàn hàng không, Nhà chức trách hàng không Việt Nam có trách nhiệm đánh giá, xác định nhu cầu nguồn lực giám sát an toàn hàng không trước ít nhất một năm để xây dựng kế hoạch tuyển dụng, thuê, đào tạo giám sát viên an toàn hàng không hoặc huy động nguồn lực bổ sung, bảo đảm không bị gián đoạn hoặc thiếu hụt năng lực thực hiện chức năng giám sát an toàn hàng không theo tiêu chuẩn của ICAO.

Điều 40. Chế độ, chính sách đối với giám sát viên an toàn hàng không

Giám sát viên an toàn hàng không được trang bị phương tiện, trang phục, thiết bị kỹ thuật, công cụ hỗ trợ, phương tiện bảo hộ lao động và được bảo đảm điều kiện làm việc cần thiết để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 41. Thẻ giám sát viên an toàn hàng không

1. Thẻ giám sát viên an toàn hàng không do người đứng đầu Nhà chức trách hàng không Việt Nam cấp, là bằng chứng pháp lý xác nhận tư cách và quyền hạn của giám sát viên an toàn hàng không khi thi hành công vụ.

2. Thẻ giám sát viên an toàn hàng không phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

a) Số thẻ;

b) Họ và tên;

c) Quốc tịch;

d) Giới tính;

đ) Ngày sinh;

e) Lĩnh vực giám sát an toàn;

g) Chức năng, quyền hạn của giám sát viên an toàn;

h) Ảnh thẻ giám sát viên an toàn hàng không chụp không quá 06 tháng tính đến ngày cấp thẻ.

Thẻ giám sát viên an toàn hàng không được cấp theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Nhà chức trách hàng không Việt Nam ban hành quy trình cấp, quản lý và sử dụng thẻ giám sát viên an toàn hàng không.

Chương IV
NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Mục 1
QUẢN LÝ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Điều 42. Giấy phép, chứng chỉ chuyên môn nhân viên hàng không

1. Các nhóm chức danh nhân viên hàng không phải được Nhà chức trách hàng không Việt Nam cấp hoặc công nhận giấy phép, năng định:

a) Thành viên tổ lái;

b) Nhân viên kỹ thuật tàu bay;

c) Nhân viên điều độ, khai thác bay;

d) Kiểm soát viên không lưu;

đ) Nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không;

e) Giáo viên lý thuyết và thực hành thực hiện đào tạo, huấn luyện để cấp, gia hạn, phục hồi giấy phép, chứng chỉ chuyên môn, năng định cho các nhân viên hàng không quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này.

2. Các nhóm chức danh nhân viên hàng không không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này được phân loại, đào tạo, huấn luyện, cấp chứng chỉ chuyên môn, quản lý và thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Tiêu chuẩn, thủ tục cấp, công nhận, cấp lại, gia hạn, bổ sung, khôi phục và duy trì hiệu lực của giấy phép, năng định của nhân viên hàng không; thời hạn hiệu lực, phân loại, quyền hạn và các giới hạn đối với từng loại giấy phép, năng định của nhân viên hàng không theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

4. Nhà chức trách hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận thành viên tổ bay cho thành viên tổ bay theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

5. Nhà chức trách hàng không Việt Nam tổ chức thực hiện sát hạch để cấp, công nhận, gia hạn, bổ sung, khôi phục và duy trì hiệu lực giấy phép, năng định nhân viên hàng không.

6. Nhà chức trách hàng không Việt Nam được huy động cơ sở vật chất, trang thiết bị của các tổ chức, cá nhân và nhân viên hàng không làm sát hạch viên. Việc huy động được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

a) Khi được huy động, các tổ chức, cá nhân phối hợp, bố trí lịch sát hạch, cơ sở vật chất, trang thiết bị và sát hạch viên đáp ứng tiêu chuẩn năng lực theo quy định;

b) Nhà chức trách hàng không Việt Nam có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch, chương trình; trực tiếp thực hiện giám sát, kiểm tra và xác nhận kết quả sát hạch;

c) Chi phí sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị và các dịch vụ hỗ trợ sát hạch do tổ chức, cá nhân cung cấp được thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật về giá và pháp luật có liên quan;

d) Nhà chức trách hàng không Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với các chi phí dịch vụ thương mại phát sinh giữa tổ chức, cá nhân cung cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, các dịch vụ hỗ trợ sát hạch và người tham gia sát hạch, trừ các khoản phí, lệ phí thu theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

đ) Việc sát hạch thực hành người lái tàu bay, tiếp viên hàng không, kiểm soát viên không lưu trên thiết bị huấn luyện giả định chỉ được thực hiện trên các thiết bị đã được Nhà chức trách hàng không Việt Nam phê chuẩn, công nhận về tiêu chuẩn kỹ thuật và tính năng huấn luyện, sát hạch. Các tổ chức cung cấp thiết bị huấn luyện giả định có trách nhiệm duy trì trạng thái kỹ thuật và hiệu lực phê chuẩn của thiết bị theo quy định trong suốt quá trình phục vụ sát hạch;

e) Quy trình sát hạch, tiêu chuẩn năng lực sát hạch viên thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 43. Đánh giá trình độ thông thạo tiếng Anh

1. Thành viên tổ lái và kiểm soát viên không lưu phải đáp ứng yêu cầu về trình độ thông thạo tiếng Anh tối thiểu đạt từ mức 4 trong thang đánh giá năng lực ngôn ngữ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và phù hợp với quy định của ICAO khi thực hiện nhiệm vụ.

2. Kết quả đánh giá trình độ thông thạo tiếng Anh là căn cứ để xem xét cấp mới, gia hạn, khôi phục hiệu lực, duy trì hiệu lực giấy phép, năng định theo quy định.

3. Nhà chức trách hàng không Việt Nam tổ chức đánh giá trình độ thông thạo tiếng Anh đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 44. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe:

a) Nhà chức trách hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe cho thành viên tổ bay và kiểm soát viên không lưu trên cơ sở kết quả khám sức khỏe nhân viên hàng không do các cơ sở y tế đủ điều kiện thực hiện theo tiêu chuẩn sức khỏe nhân viên hàng không.

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe là căn cứ để xem xét cấp mới, công nhận, gia hạn, khôi phục hiệu lực, duy trì hiệu lực giấy phép, năng định và chứng chỉ chuyên môn đối với thành viên tổ bay và kiểm soát viên không lưu theo quy định.

2. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp Bộ Xây dựng xây dựng và ban hành tiêu chuẩn sức khỏe đối với nhân viên hàng không.

3. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe:

a) Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe gửi 01 bộ hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này. Hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe theo Mẫu số 02 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này;

Bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (đối với trường hợp gửi trên môi trường điện tử) giấy phép, chứng chỉ chuyên môn nhân viên hàng không trong trường hợp thông tin về giấy phép, chứng chỉ chuyên môn không có trong cơ sở dữ liệu của Cục Hàng không Việt Nam;

Bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hộ chiếu đối với người đề nghị là người nước ngoài;

Xác nhận của cơ sở y tế đủ điều kiện về việc nhân viên hàng không đã hoàn thành khám sức khỏe theo Mẫu số 03 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp thành phần hồ sơ đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì thông báo hướng dẫn cho người làm đơn bổ sung, hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ phí thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức đánh giá chi tiết nội dung hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe nhân viên hàng không. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe nhân viên hàng không được cấp theo Mẫu số 04 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp có yêu cầu bổ sung hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho người đề nghị để bổ sung. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi thông báo kết quả đánh giá hồ sơ, nếu người đề nghị không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện đóng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ đã được bổ sung theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tiếp tục đánh giá hồ sơ và thông báo cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe nhân viên hàng không dựa trên kết quả đánh giá hồ sơ.

4. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe nhân viên hàng không được cấp lại trong trường hợp bị mất, rách, hỏng hoặc thay đổi thông tin trong nội dung giấy chứng nhận;

b) Người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe gửi 01 bộ hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này, hồ sơ đề nghị cấp lại bao gồm:

Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 02 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này;

Bản sao có chứng thực tài liệu liên quan đến việc thay đổi nội dung giấy chứng nhận sức khỏe trong trường hợp thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe gần nhất.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại giấy chứng nhận hoặc thông báo từ chối cấp, nêu rõ lý do.

5. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết vềphân loại nhóm, thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe; các trường hợp cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đặc biệt, trì hoãn khám sức khỏe và chấm dứt hiệu lực đánh giá sức khỏe; quy chuẩn kỹ thuật, trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát chuyên môn y tế hàng không; các biểu mẫu báo cáo và quy định về quản lý dữ liệu y tế đối với nhân viên hàng không.

Điều 45. Cơ sở y tế thực hiện khám sức khỏe nhân viên hàng không

1. Cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện khám sức khỏe nhân viên hàng không là cơ sở đã được cấp giấy phép hoạt động và có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

2. Khi thực hiện khám sức khỏe nhân viên hàng không, cơ sở khám, chữa bệnh tự chịu trách nhiệm bảo đảm đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn chuyên môn y học hàng không sau đây:

a) Có đầy đủ đội ngũ bác sĩ khám sức khỏe nhân viên hàng không được đào tạo, tập huấn y học hàng không quy định tại Điều 46 Nghị định này;

b) Cơ sở vật chất, thiết bị y tế đáp ứng tiêu chuẩn khám sức khỏe theo quy định của pháp luật về y tế và các tiêu chuẩn đặc thù về y học hàng không;

c) Thiết lập và duy trì tài liệu hoạt động, quy trình kỹ thuật khám sức khỏe chuyên biệt và hệ thống quản lý hồ sơ bảo đảm tính thống nhất, chính xác;

d) Phương thức báo cáo kết quả khám sức khỏe cho Cục Hàng không Việt Nam bảo đảm tính kịp thời và bảo mật thông tin.

3. Nhà chức trách hàng không Việt Nam có trách nhiệm cập nhật và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Cục danh sách các cơ sở y tế tự cam kết đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Việc cập nhật danh sách quy định tại khoản 3 Điều này được thực hiện trên cơ sở văn bản công bố tự cam kết của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Văn bản thông báo gồm các thông tin về năng lực chuyên môn, danh sách bác sĩ thực hiện khám sức khỏe và cam kết về việc duy trì các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Quy trình kiểm tra sức khỏe nhân viên hàng không, hồ sơ sức khỏe nhân viên hàng không, biểu mẫu báo cáo kết quả khám sức khỏe cho hoạt động hàng không thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

6. Nhà chức trách hàng không Việt Nam thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc tuân thủ các quy định tại Nghị định này đối với cơ sở y tế khám sức khỏe nhân viên hàng không, bác sĩ khám sức khỏe nhân viên hàng không. Trường hợp phát hiện không đáp ứng yêu cầu, Nhà chức trách hàng không Việt Nam xóa tên cơ sở, bác sĩ khám sức khỏe nhân viên hàng không khỏi danh sách công bố và thông báo công khai.

Điều 46. Tiêu chuẩn và quản lý bác sĩ thực hiện khám sức khỏe nhân viên hàng không

1. Bác sĩ thực hiện khám sức khỏe cho nhân viên hàng không phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn sau:

a) Có giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh còn hiệu lực;

b) Phải hoàn thành chương trình đào tạo ban đầu, định kỳ về y học hàng không theo tiêu chuẩn của ICAO;

c) Phải có hiểu biết đầy đủ về môi trường làm việc, điều kiện khai thác và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân viên hàng không, bao gồm các yếu tố về sinh lý, tâm lý, áp lực công việc, điều kiện môi trường và yếu tố con người trong hoạt động hàng không.

2. Việc quản lý và giám sát bác sĩ thực hiện khám sức khỏe nhân viên hàng không được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người đứng đầu cơ sở khám, chữa bệnh quy định tại Điều 45 Nghị định này chịu trách nhiệm phê duyệt danh sách các bác sĩ đáp ứng đủ tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này để thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở và báo cáo danh sách về Nhà chức trách hàng không Việt Nam;

b) Nhà chức trách hàng không Việt Nam thực hiện giám sát, đánh giá việc tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn về y học hàng không của các bác sĩ trong danh sách đã báo cáo.

3. Trường hợp phát hiện bác sĩ vi phạm quy trình chuyên môn hoặc không duy trì năng lực y học hàng không theo quy định của ICAO trong quá trình giám sát an toàn hàng không, Nhà chức trách hàng không Việt Nam thực hiện các biện pháp sau:

a) Yêu cầu cơ sở khám, chữa bệnh dừng việc phân công bác sĩ đó thực hiện khám sức khỏe nhân viên hàng không;

b) Không chấp nhận kết quả khám sức khỏe do bác sĩ đó ký kết luận để thực hiện các thủ tục cấp giấy phép nhân viên hàng không;

c) Kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước về y tế xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;

d) Cập nhật, thông báo danh sách các cơ sở khám, chữa bệnh và đội ngũ bác sĩ của cơ sở có đủ năng lực thực hiện khám sức khỏe nhân viên hàng không.

Điều 47. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với nhân viên hàng không làm các công việc có tính chất đặc biệt

1. Nhân viên hàng không khi thực hiện các công việc có tính chất đặc biệt (trực tiếp thực hiện nhiệm vụ trong dây chuyền khai thác, bảo dưỡng, điều hành bay và các công việc khác có ảnh hưởng trực tiếp đến bảo đảm an ninh, an toàn hàng không) phải tuân thủ quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi để bảo đảm an toàn khai thác trong hoạt động hàng không dân dụng.

2. Trong các trường hợp khẩn nguy, cứu nạn, thiên tai, hỏa hoạn, trong các tình huống không lường trước hoặc thực hiện các công việc nhằm phòng ngừa, khắc phục các sự cố nghiêm trọng gây uy hiếp trực tiếp đến an toàn hàng không, tổ chức sử dụng nhân viên hàng không có quyền yêu cầu nhân viên hàng không làm thêm giờ vượt quá giới hạn làm thêm giờ theo quy định (trừ trường hợp có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của nhân viên hàng không).

Tổ chức sử dụng nhân viên hàng không có trách nhiệm bố trí nghỉ bù với thời lượng tương ứng với số giờ đã làm thêm vượt quá giới hạn bình thường để nhân viên hàng không phục hồi sức khỏe trước khi thực hiện nhiệm vụ mới. Thời gian nghỉ bù này không tính vào thời gian nghỉ phép hằng năm hoặc các chế độ nghỉ khác theo quy định.

3. Tổ chức sử dụng nhân viên hàng không có trách nhiệm bố trí, theo dõi và kiểm soát thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của nhân viên hàng không, bảo đảm không phân công thực hiện nhiệm vụ khi không đáp ứng điều kiện về nghỉ ngơi hoặc vượt quá giới hạn theo quy định.

4. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định các yếu tố bảo đảm năng lực làm việc và an toàn sức khỏe của nhân viên hàng không khi thực hiện nhiệm vụ; chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi cho từng nhóm nhân viên hàng không.

Điều 48. Kỷ luật lao động đối với nhân viên hàng không làm các công việc có tính chất đặc biệt

1. Nhân viên hàng không khi thực hiện nhiệm vụ có ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh, an toàn hàng không tuân thủ kỷ luật lao động theo pháp luật về lao động và phải thực hiện nghiêm các quy định sau:

a) Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, chế độ trực, dự bị và phân công thực hiện nhiệm vụ;

b) Quy trình, thủ tục khai thác, bảo dưỡng, điều hành, bảo đảm an toàn hàng không và quy định chuyên môn theo chức danh, vị trí công việc;

c) Sử dụng, bảo quản trang thiết bị, tài liệu, dữ liệu, hồ sơ, phương tiện làm việc và việc bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, trung thực của thông tin, báo cáo, nhật ký và hồ sơ chuyên môn;

d) Quy định về an toàn lao động, an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng, chống cháy nổ; cấm sử dụng rượu, bia, chất có cồn, chất ma túy, chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

đ) Chấp hành mệnh lệnh, chỉ thị và sự điều hành, giám sát, kiểm tra của người có thẩm quyền trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

2. Hành vi vi phạm kỷ luật gây uy hiếp an ninh, an toàn hàng không

a) Vi phạm các quy định, nội quy lao động, quy trình khai thác gây sự cố, tai nạn, uy hiếp an ninh, an toàn hàng không;

b) Sử dụng rượu, bia, chất có cồn trong ca trực hoặc trong thời gian trực dự bị, trực chờ;

c) Sử dụng chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền;

d) Tự ý bỏ vị trí làm việc khi chưa có người thay thế hợp lệ;

đ) Can thiệp trái phép vào hệ thống thông tin, dữ liệu hàng không;

e) Có hành vi cản trở, chống đối, không chấp hành mệnh lệnh, sự điều hành, giám sát, kiểm tra của người có thẩm quyền;

g) Đánh bạc, gây rối, làm mất an ninh, trật tự tại nơi làm việc;

h) Trộm cắp, chiếm đoạt trái phép tài sản của tổ chức, cá nhân;

i) Lợi dụng vị trí làm việc để buôn lậu, vận chuyển trái phép người, tài sản, hàng hóa.

3. Tạm đình chỉ ngay công việc

a) Người sử dụng lao động được quyền yêu cầu nhân viên hàng không tạm đình chỉ ngay công việc bằng lời nói khi phát hiện nhân viên vi phạm các hành

vi quy định tại khoản 2 Điều này hoặc có dấu hiệu không đáp ứng điều kiện về sức khỏe để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ;

b) Trong thời hạn 48 giờ kể từ khi tạm đình chỉ bằng lời nói, người sử dụng lao động phải ban hành quyết định tạm đình chỉ bằng văn bản, trong đó xác định rõ thời hạn tạm đình chỉ.

Thời hạn tạm đình chỉ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 128 Bộ luật Lao động và được tính kể từ thời điểm thực hiện bằng lời nói;

c) Việc tạm đình chỉ ngay công việc bằng lời nói là biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn hàng không, không thay thế các hình thức xử lý kỷ luật lao động theo quy định của pháp luật lao động.

4. Người sử dụng lao động định kỳ gửi báo cáo Nhà chức trách hàng không Việt Nam việc thực hiện chế độ lao động, kỷ luật lao động đối với nhân viên hàng không; báo cáo 6 tháng đầu năm gửi trước ngày 05 tháng 7 hằng năm và trước ngày 10 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này. Báo cáo được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đồng thời cập nhật các chỉ tiêu báo cáo trên cơ sở dữ liệu hàng không của Nhà chức trách hàng không Việt Nam.

5. Các nội dung về kỷ luật lao động, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động và các vấn đề khác liên quan đến quan hệ lao động của nhân viên hàng không không quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật lao động.

Mục 2
ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Điều 49. Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Nhà chức trách hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý và hệ thống tài liệu đào tạo, huấn luyện để tổ chức thực hiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Có cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, huấn luyện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Có đủ đội ngũ giáo viên đáp ứng tiêu chuẩn giáo viên quy định tại Điều 50 của Nghị định này.

2. Cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không có trách nhiệm:

a) Xây dựng và ban hành hệ thống tài liệu đào tạo, huấn luyện phù hợp với Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

b) Hệ thống tài liệu đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không trong lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay, lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay phải được Nhà chức trách hàng không Việt Nam phê chuẩn trước khi tổ chức thực hiện đào tạo, huấn luyện;

c) Bảo đảm có đầy đủ đội ngũ giáo viên có kinh nghiệm và phải duy trì năng lực cho đội ngũ giáo viên;

d) Bảo đảm duy trì đủ cơ sở vật chất phù hợp phạm vi đào tạo, huấn luyện được phê chuẩn; thiết bị huấn luyện giả định đối với người lái tàu bay và tiếp viên hàng không phải được Nhà chức trách hàng không Việt Nam phê chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trước khi tổ chức đào tạo, huấn luyện.

Điều 50. Giáo viên của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Giáo viên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có trình độ chuyên môn phù hợp với môn học, nội dung giảng dạy;

b) Có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến môn giảng dạy;

c) Đã hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng, phương pháp giảng dạy phù hợp với chức danh giáo viên.

2. Giáo viên lý thuyết có trình độ từ đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với môn học, nội dung giảng dạy không phải đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Tiêu chuẩn đối với giáo viên cơ sở đào tạo được quy định chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 51. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Trình tự, thủ tục hành chính cấp giấy chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không:

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (Cơ sở) gửi 01 bộ hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này. Hồ sơ gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (Giấy chứng nhận) theo Mẫu số 05 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính hoặc bản sao điện tử văn bản quy định tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý và Hệ thống tài liệu đào tạo, huấn luyện phù hợp với hoạt động đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không;

c) Báo cáo danh sách giáo viên theo chương trình đào tạo, huấn luyện;

d) Báo cáo giải trình về trang thiết bị, phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, huấn luyện phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp thành phần hồ sơ đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì thông báo hướng dẫn Cơ sở để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ phí thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức đánh giá chi tiết nội dung hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ đáp ứng các điều kiện theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tiến hành đánh giá, thẩm định thực tế tại Cơ sở đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

b) Trường hợp hồ sơ qua thẩm định chưa đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận, Cục Hàng không Việt Nam thông báo cho Cơ sở đề nghị để sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả đánh giá hồ sơ, nếu người đề nghị không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện đóng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.

4. Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ đạt yêu cầu, Cục Hàng không Việt Nam tiến hành đánh giá, thẩm định thực tế tại cơ sở đề nghị, thông báo kết quả đánh giá, thẩm định:

a) Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đánh giá, thẩm định thực tế và hồ sơ đáp ứng các điều kiện theo quy định, Cục Hàng không

Việt Nam cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không và phạm vi huấn luyện được phê chuẩn cho cơ sở đề nghị. Giấy chứng nhận có thời hạn hiệu lực không quá 24 tháng. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không được cấp theo Mẫu số 06, 06A, 06B Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp kết quả thẩm định thực tế tại Cơ sở chưa đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận Cục Hàng không Việt Nam thông báo yêu cầu khắc phục đến Cơ sở đề nghị. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu khắc phục, nếu người đề nghị không trả lời và bổ sung đầy đủ hồ sơ để khắc phục, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện đóng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời thông báo trả lại hồ sơ.

Điều 52. Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Giấy chứng nhận được cấp lại trong trường hợp bị mất, rách, hỏng hoặc thay đổi thông tin tên hoặc địa chỉ trên nội dung giấy chứng nhận.

Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không gửi 01 bộ hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này. Hồ sơ đề nghị cấp lại bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận theo Mẫu số 05 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các tài liệu liên quan đến việc thay đổi nội dung giấy chứng nhận (nếu có);

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại giấy chứng nhận theo Mẫu số 06, 06A, 06B Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này hoặc thông báo từ chối cấp bằng văn bản, nêu rõ lý do.

2. Trường hợp cấp lại do gia hạn Giấy chứng nhận, Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận phải nộp hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này chậm nhất 45 ngày trước ngày Giấy chứng nhận hết hiệu lực và phải đáp ứng các quy định sau:

a) Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 05 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo toàn bộ tình hình hoạt động, trong đó nêu rõ các thông tin về hiện trạng trang thiết bị, cơ sở vật chất, đội ngũ nhân sự, các thay đổi liên quan,

các kết quả đã thực hiện kể từ thời điểm Giấy chứng nhận cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không được cấp hoặc gia hạn gần nhất;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận, Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; bố trí nguồn lực và lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá để thực hiện gia hạn;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo về kế hoạch đánh giá gia hạn, Cục Hàng không Việt Nam hoàn thành các nội dung kiểm tra, đánh giá gia hạn và thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá để gia hạn;

đ) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá, tổ chức huấn luyện phải báo cáo Cục Hàng không Việt Nam kế hoạch khắc phục và hoàn thành các yêu cầu phải khắc phục;

e) Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải báo cáo ngay Cục Hàng không Việt Nam các yêu cầu khắc phục không thể khắc phục hoặc không thể khắc phục đúng thời hạn;

g) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo và hồ sơ khắc phục, Cục Hàng không Việt Nam sẽ đánh giá, thẩm định kết quả khắc phục để làm căn cứ gia hạn Giấy chứng nhận cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo Mẫu số 06, 06A, 06B Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này;

h) Trong trường hợp kết quả khắc phục thể hiện việc cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không chưa đáp ứng các yêu cầu cụ thể của Nghị định này, Cục Hàng không Việt Nam quyết định việc hạn chế hoặc thu hồi, đình chỉ đối với Giấy chứng nhận tổ chức huấn luyện, đào tạo, phạm vi huấn luyện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Trường hợp cấp lại do bổ sung phạm vi đào tạo, huấn luyện: Trình tự thủ tục cấp bổ sung Giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định này.

4. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không không tuân thủ quy định về thời gian nộp đơn đề nghị gia hạn, khắc phục các khuyến cáo, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 51 Nghị định này khi cơ sở đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

Điều 53. Thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Giấy chứng nhận bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị tự nguyện từ bỏ của cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không;

b) Có hành vi gian lận, giả mạo hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận;

c) Hoạt động sai mục đích hoặc không đúng nội dung ghi trong giấy chứng nhận;

d) Cố ý vi phạm các quy định về bảo đảm an ninh, an toàn hàng không;

đ) Không duy trì đủ điều kiện theo giấy chứng nhận đã được cấp;

e) Giấy chứng nhận bị tẩy xóa, sửa chữa.

2. Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định thu hồi toàn bộhoặc một phần hiệu lực của Giấy chứng nhận, nêu rõ lý do.

a) Giấy chứng nhận bị thu hồi và hủy bỏ hiệu lực khi Cơ sở vi phạm quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 1 Điều này;

b) Giấy chứng nhận bị thu hồi một phần hiệu lực của Giấy chứng nhận, phạm vi huấn luyện khi Cơ sở vi phạm điểm đ khoản 1 Điều này;

c) Trường hợp thu hồi một phần hiệu lực của Giấy chứng nhận, phạm vi huấn luyện, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy chứng nhận và không thu phí.

3. Kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực, Cơ sở bị thu hồi phải dừng ngay hoạt động quảng cáo, hoạt động đào tạo, huấn luyện trong phạm vi bị thu hồi và công bố rộng rãi cho người dân; thực hiện biện pháp xử lý chuyển tiếp đối với học viên (nếu có), bàn giao, lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Điều 54. Phương thức đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Các hình thức đào tạo, huấn luyện tại Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không:

a) Đào tạo, huấn luyện trực tiếp: là hình thức đào tạo truyền thống, giảng viên và học viên có mặt tại cùng một phòng học, địa điểm để triển khai công tác đào tạo, huấn luyện;

b) Đào tạo, huấn luyện trực tiếp kết hợp trực tuyến: là hình thức đào tạo thông qua mạng internet, trong đó giảng viên và học viên có thể ở các địa điểm khác nhau đối với phần trực tuyến, sử dụng các giao diện trực tuyến để triển khai đào tạo, huấn luyện;

c) Đào tạo, huấn luyện trực tuyến (E-learning): là hình thức đào tạo sử dụng nền tảng công nghệ thông tin để tổ chức học tập, kiểm tra, đánh giá từ xa. Trong đó học viên truy cập vào phần mềm đào tạo, huấn luyện, tự tiếp thu kiến thức thông qua các bài giảng được ghi hình sẵn và làm các bài kiểm tra trên phần mềm đào tạo, huấn luyện theo đúng quy định.

2. Cơ sở đào tạo, huấn luyện áp dụng phương thức đào tạo, huấn luyện tại khoản 1 Điều này phù hợp với Chương trình đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không áp dụng phương thức trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện tối thiểu về hạ tầng công nghệ:

a) Có Hệ thống quản lý học tập (LMS) bảo đảm khả năng tương tác, theo dõi quá trình, lưu trữ hồ sơ đào tạo, huấn luyện của học viên;

b) Có giải pháp định danh, xác thực người học để bảo đảm sự minh bạch trong quá trình học tập;

c) Bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học theo quy định của pháp luật.

4. Kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, huấn luyện:

a) Đối với các môn học thuộc chương trình đào tạo, huấn luyện ban đầu để cấp Giấy phép, chứng chỉ chuyên môn, việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên được thực hiện trực tiếp tại cơ sở đào tạo, huấn luyện. Trường hợp học viên không thể đến cơ sở đào tạo, huấn luyện tại thời điểm kiểm tra, đánh giá kết quả học tập vì lý do bất khả kháng, thiên tai, dịch bệnh, việc tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được thực hiện bằng hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến đối với nội dung đào tạo, huấn luyện lý thuyết;

b) Đối với các trường hợp khác, phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ nhân viên hàng không quyết định đối với các môn học lý thuyết.

Chương V
ĐIỀU TRA SỰ CỐ NGHIÊM TRỌNG, TAI NẠN TÀU BAY

Điều 55. Sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay

1. Tai nạn tàu bay là vụ việc liên quan đến hoạt động khai thác tàu bay, xảy ra trong khoảng thời gian từ khi một người lên tàu bay nhằm thực hiện

chuyến bay đến khi tất cả những người đó rời khỏi tàu bay, thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có người chết hoặc bị thương tích nghiêm trọng do ở trên tàu bay, do tiếp xúc trực tiếp với bất kỳ bộ phận nào của tàu bay, bao gồm cả bộ phận đã tách rời khỏi tàu bay hoặc do tiếp xúc trực tiếp với luồng khí phản lực, trừ trường hợp thương tích do nguyên nhân tự nhiên, do người đó tự gây ra, do người khác gây ra hoặc xảy ra đối với người lẩn trốn bên ngoài khu vực thông thường dành cho hành khách và tổ bay;

b) Tàu bay bị hư hỏng hoặc hỏng hóc kết cấu, làm ảnh hưởng bất lợi đến độ bền kết cấu, tính năng khai thác hoặc đặc tính bay của tàu bay và thông thường phải sửa chữa lớn hoặc thay thế bộ phận bị hư hỏng, trừ trường hợp hư hỏng động cơ chỉ giới hạn ở một động cơ, kể cả vỏ bao hoặc phụ tùng của động cơ đó, hoặc chỉ giới hạn ở cánh quạt, đầu mút cánh, ăng-ten, đầu dò, cánh hướng dòng, lốp, phanh, bánh xe, tấm ốp khí động, tấm che, cửa càng, kính chắn gió, lớp vỏ tàu bay có vết lõm nhỏ hoặc lỗ thủng nhỏ, hoặc hư hỏng nhỏ đối với cánh quạt chính, cánh quạt đuôi, càng đáp hoặc hư hỏng do mưa đá, va chạm với chim, kể cả lỗ thủng trên chỏm radar;

c) Tàu bay mất tích hoặc hoàn toàn không thể tiếp cận được.

2. Thương tích nghiêm trọng là thương tích mà một người gặp phải trong tai nạn và có một trong các đặc điểm sau:

a) Phải nằm viện hơn 48 giờ (bắt đầu trong vòng 7 ngày từ khi bị thương);

b) Bị gãy xương (trừ gãy đơn giản ở ngón tay, ngón chân, mũi);

c) Có các vết rách gây xuất huyết trầm trọng, tổn thương thần kinh, cơ hoặc gân;

d) Tổn thương bất kỳ cơ quan nội tạng nào;

đ) Bị bỏng độ hai hoặc độ ba hoặc bỏng hơn 5% diện tích cơ thể;

e) Phơi nhiễm với các chất lây nhiễm hoặc bức xạ độc hại đã được xác minh.

3. Sự cố, tai nạn tàu bay dân dụng bao gồm:

a) Sự cố, tai nạn tàu bay xảy ra trong lãnh thổ Việt Nam hoặc vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý;

b) Tai nạn tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc tàu bay do người khai thác Việt Nam khai thác xảy ra ở vùng biển quốc tế;

c) Sự cố, tai nạn tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc tàu bay do người khai thác Việt Nam khai thác xảy ra ngoài trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này mà không có quốc gia điều tra hoặc được quốc gia nơi xảy ra sự cố, tai nạn uỷ thác điều tra.

Điều 56. Nguyên tắc điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay

1. Mục đích của việc điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay là xác định nguyên nhân, đưa ra các biện pháp khắc phục và khuyến cáo an toàn liên quan đến thiết kế, chế tạo, vận hành, bảo dưỡng và quy trình quản lý nhằm ngăn ngừa sự cố, tai nạn tàu bay trong tương lai theo nguyên tắc và yêu cầu của Phụ ước 13 của Công ước Chicago.

2. Việc điều tra không nhằm mục đích quy kết trách nhiệm pháp lý cho các tổ chức, cá nhân.

3. Sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay phải được điều tra làm rõ nguyên nhân, yếu tố đóng góp để áp dụng biện pháp khắc phục, phòng ngừa phù hợp nhằm ngăn ngừa xảy ra sự cố nghiêm trọng, tai nạn trong tương lai.

4. Hoạt động điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay được thực hiện độc lập với hoạt động điều tra hình sự hoặc của các cơ quan có thẩm quyền khác, độc lập với việc kiểm tra, giám sát của Nhà chức trách hàng không Việt Nam và các cơ quan, đơn vị khác có thể ảnh hưởng đến mục đích của cuộc điều tra.

5. Mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo ngay khi có thông tin về sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay; phối hợp, cung cấp thông tin, không được cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến quá trình điều tra của cơ quan có thẩm quyền.

6. Không được phép phổ biến, xuất bản hoặc cho phép tiếp cận dự thảo báo cáo điều tra hoặc bất kỳ phần nào của dự thảo báo cáo điều tra, hoặc bất kỳ tài liệu nào thu được trong quá trình điều tra sự cố nghiêm trọng hoặc tai nạn tàu bay mà không có sự đồng ý của Cơ quan điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay, trừ khi các báo cáo hoặc tài liệu đó đã được Cơ quan điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay phát hành hoặc công bố.

Điều 57. Nội dung công tác điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay

Điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay bao gồm các nội dung sau đây:

1. Thu thập, bảo quản, phân tích, giải mã các vật chứng, dữ liệu, thông tin về sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay.

2. Nghiên cứu, xác định các nguyên nhân gốc, các yếu tố gây ra sự cố, tai nạn tàu bay.

3. Khuyến cáo, kiến nghị các biện pháp đối với việc bảo đảm an toàn hàng không.

4. Lập báo cáo, công bố kết luận về điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay.

5. Theo dõi, giám sát việc thực hiện các kết luận điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay.

Điều 58. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay

1. Bộ trưởng Bộ Xây dựng thành lập Hội đồng điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay (sau đây gọi tắt là Hội đồng điều tra) là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Xây dựng thực hiện điều tra nguyên nhân sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay theo quy định của Phụ ước 13 của Công ước Chicago về hàng không dân dụng. Hội đồng điều tra hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Thành phần của Hội đồng điều tra như sau:

a) Chủ tịch là lãnh đạo Bộ Xây dựng phụ trách lĩnh vực hàng không;

b) Các Phó Chủ tịch (trong đó bao gồm 01 Phó Chủ tịch phụ trách công tác điều tra);

c) Các ủy viên (là các chuyên gia điều tra): là thành viên có chuyên môn phù hợp trong các lĩnh vực an toàn hàng không, khai thác tàu bay, điều hành bay, kỹ thuật hàng không và các lĩnh vực liên quan khác được huấn luyện, đào tạo về công tác điều tra an toàn sự cố, tai nạn hàng không dân dụng theo quy định của ICAO;

d) Phó Chủ tịch phụ trách công tác điều tra là Người phụ trách điều tra của Hội đồng. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng điều tra có thể chỉ định các Ủy viên trong Hội đồng điều tra là Người phụ trách điều tra đối với từng sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay cụ thể;

đ) Bộ trưởng Bộ Xây dựng chỉ định cơ quan trực thuộc Bộ Xây dựng làm Cơ quan thường trực của Hội đồng điều tra nhằm tham mưu, tổng hợp, bảo đảm điều kiện tổ chức, hành chính, hậu cần, trang thiết bị, cơ sở vật chất, duy trì trạng thái sẵn sàng điều tra và hỗ trợ hoạt động của Hội đồng điều tra.

3. Quy chế làm việc của Hội đồng điều tra do Chủ tịch Hội đồng điều tra ban hành.

Điều 59. Người phụ trách điều tra

1. Người phụ trách điều tra (IIC) là người chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức, điều hành toàn bộ hoạt động điều tra tại hiện trường và quá trình điều tra.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Người phụ trách điều tra:

a) Có quyền quyết định cao nhất về các vấn đề chuyên môn kỹ thuật trong phạm vi cuộc điều tra;

b) Đề nghị trưng tập người có đủ năng lực, trình độ, các chuyên gia của các cơ quan, tổ chức của Việt Nam và nước ngoài để phục vụ hoạt động điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay;

c) Quyết định các biện pháp để bảo vệ bằng chứng tại hiện trường;

d) Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các chuyên gia điều tra thuộc Tổ điều tra, các chuyên gia, tư vấn trong nước tham gia hỗ trợ điều tra; phối hợp, giám sát hoạt động của các đại diện ủy quyền, tư vấn của các quốc gia, tổ chức tham gia hỗ trợ điều tra;

đ) Trưng cầu giám định, phân tích kỹ thuật;

e) Trường hợp cần thiết kiến nghị cơ quan có thẩm quyền của Bộ Y tế để thực hiện việc khám nghiệm y tế và giám định tử thi đầy đủ đối với thành viên tổ lái bị tử vong hoặc đối với hành khách và tiếp viên hàng không;

g) Đình chỉ tư cách tham gia điều tra nếu các thành viên tổ điều tra, các chuyên gia vi phạm quy trình điều tra hoặc gây ảnh hưởng đến tính khách quan của cuộc điều tra;

h) Báo cáo Hội đồng điều tra tai nạn tàu bay về các trình tự, thủ tục, nội dung, phương pháp, điều kiện, nguồn lực và kinh phí thực hiện cuộc điều tra;

i) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Xây dựng về tính chính xác, trung thực của các kết quả điều tra;

k) Kiến nghị Hội đồng điều tra ban hành các khuyến cáo an toàn ban đầu, dự thảo báo cáo kết luận đối với sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay.

Điều 60. Chuyên gia điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay

1. Chuyên gia điều tra là người được Chủ tịch Hội đồng điều tra phê chuẩn, và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo phân công của Hội đồng điều tra.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chuyên gia điều tra:

a) Được tiếp cận, đánh dấu hiện trường, thu thập các thông tin, các thiết bị tự ghi, các mảnh vỡ, các trang thiết bị, các giấy tờ, tài liệu mang theo tàu bay;

b) Kiểm soát việc di chuyển tàu bay, hành lý, hàng hoá và các đồ vật vận chuyển trên tàu bay, các mảnh vỡ, trang bị, thiết bị của tàu bay;

c) Yêu cầu chủ sở hữu, người khai thác tàu bay, cơ sở sản xuất, Cảng vụ hàng không hoặc tổ chức, cá nhân khác cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến tàu bay bị sự cố nghiêm trọng, tai nạn; phỏng vấn nhân chứng, các tổ chức, cá nhân có liên quan;

d) Kiểm tra, phân tích, giải mã, thử nghiệm vật chứng, thiết bị ghi tham số chuyến bay;

đ) Dự thảo các báo cáo kết quả phân tích, giải mã, thử nghiệm vật chứng;

e) Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của người phụ trách điều tra.

3. Nghĩa vụ của Chuyên gia điều tra:

a) Tuân thủ nghiêm ngặt sự chỉ đạo của người đứng đầu cơ quan điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay, Người phụ trách điều tra về nội dung, phương pháp điều tra và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động điều tra;

b) Không được cung cấp thông tin liên quan đến điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay cho người khác hoặc các phương tiện thông tin khi chưa được phép công bố;

c) Chuyên gia điều tra chịu trách nhiệm trước IIC, Hội đồng điều tra về tính chính xác, trung thực của các kết quả phân tích được giao.

Điều 61. Thẻ điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay

1. Thẻ điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay được Bộ trưởng Bộ Xây dựng cấp cho chuyên gia điều tra có thời hạn 02 năm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy trình, thủ tục cấp, sử dụng và kiểm soát thẻ Chuyên gia điều tra.

2. Mẫu Thẻ điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay theo Mẫu số 07 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 62. Chương trình huấn luyện đào tạo cho chuyên gia điều tra

1. Chương trình huấn luyện lý thuyết phải bao gồm các nội dung theo Tài liệu Doc 10206 của ICAO:

a) Huấn luyện cơ bản bao gồm làm quen, huấn luyện ban đầu và huấn luyện thực hành (OJT);

b) Huấn luyện nâng cao bao gồm huấn luyện quản lý cuộc điều tra phức tạp và các khóa học chuyên biệt, chuyên sâu;

c) Huấn luyện định kỳ phải được thực hiện hằng năm để cập nhật các thay đổi trong Tiêu chuẩn và Khuyến cáo thực hành (SARPs) của ICAO.

2. Huấn luyện thực hành phải được thực hiện dưới sự giám sát của người phụ trách điều tra hoặc bởi người của tổ chức có thẩm quyền huấn luyện về điều tra sự cố, tai nạn tàu bay do ICAO phê chuẩn, công nhận hoặc bởi các cơ quan điều tra sự cố tai nạn tàu bay độc lập của các quốc gia thành viên ICAO.

3. Trường hợp Chuyên gia điều tra không tham gia hoạt động điều tra hoặc quá thời hạn huấn luyện định kỳ theo quy định, phải thực hiện huấn luyện phục hồi trước khi tiếp tục thực hiện nhiệm vụ.

4. Hội đồng điều tra tổ chức xây dựng nội dung và triển khai chương trình huấn luyện cho Chuyên gia điều tra bảo đảm đáp ứng Tài liệu Doc10206 của ICAO.

Điều 63. Trách nhiệm quốc tế trong điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay

1. Hội đồng điều tra chịu trách nhiệm tổ chức điều tra đối với sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay theo quy định của Phụ ước 13 của Công ước Chicago trong các trường hợp thuộc trách nhiệm của Việt Nam với tư cách Quốc gia nơi xảy ra sự cố, tai nạn; Quốc gia đăng ký tàu bay; Quốc gia của người khai thác; Quốc gia thiết kế; Quốc gia chế tạo hoặc quốc gia được ủy quyền tiến hành điều tra.

2. Trường hợp sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam, Hội đồng điều tra tổ chức điều tra hoặc khi cần thiết, ủy quyền một phần hoặc toàn bộ việc điều tra cho cơ quan điều tra tai nạn, sự cố tàu bay của quốc gia khác hoặc tổ chức điều tra khu vực trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên. Trường hợp sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay xảy ra trong vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý nhưng ngoài lãnh thổ Việt Nam, việc tổ chức điều tra, phối hợp, hỗ trợ điều tra được thực hiện theo Phụ ước 13 của Công ước Chicago và điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế có liên quan.

3. Trường hợp quốc gia nơi xảy ra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay không tiến hành điều tra và không ủy quyền việc điều tra cho quốc gia khác hoặc tổ chức điều tra khu vực, Việt Nam, với tư cách là Quốc gia đăng ký tàu bay hoặc theo thứ tự, Quốc gia của người khai thác, Quốc gia thiết kế hoặc Quốc gia chế tạo, có quyền đề nghị quốc gia nơi xảy ra sự cố, tai nạn ủy quyền việc điều tra; nếu được chấp thuận hoặc không có trả lời trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, Việt Nam có thể tiến hành điều tra trên cơ sở thông tin có được.

4. Trường hợp sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay xảy ra tại địa điểm không xác định chắc chắn thuộc lãnh thổ quốc gia nào và liên quan đến tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, Hội đồng điều tra có trách nhiệm tiến hành các hoạt động điều tra cần thiết hoặc ủy quyền việc điều tra theo quy định của Phụ ước 13 của Công ước Chicago.

5. Trường hợp tai nạn tàu bay xảy ra trên vùng biển quốc tế và Việt Nam là quốc gia gần nhất với hiện trường tai nạn, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cung cấp sự hỗ trợ trong khả năng của mình và phối hợp đáp ứng yêu cầu của Quốc gia đăng ký tàu bay theo quy định của Phụ ước 13 của Công ước Chicago.

Điều 64. Các quốc gia tham gia điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay

1. Các quốc gia có quyền tham gia điều tra bao gồm:

a) Quốc gia đăng ký tàu bay;

b) Quốc gia của người khai thác tàu bay;

c) Quốc gia thiết kế tàu bay, động cơ, cánh quạt tàu bay;

d) Quốc gia sản xuất tàu bay, động cơ, cánh quạt tàu bay;

đ) Các quốc gia hỗ trợ trang thiết bị, nguồn lực cho việc điều tra.

2. Các quốc gia có quyền tham gia điều tra cử đại diện được ủy quyền và các chuyên gia tham gia điều tra.

3. Đại diện được ủy quyền các quốc gia tham gia điều tra tai nạn tàu bay có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đến hiện trường vụ tai nạn;

b) Kiểm tra các mảnh vỡ tàu bay;

c) Được biết các thông tin về lời khai của nhân chứng và đề xuất các vấn đề cần làm rõ;

d) Được biết về các chứng cứ;

đ) Nhận bản sao các tài liệu thích hợp từ việc điều tra;

e) Tham gia giải mã máy tự ghi;

g) Tham gia các hoạt động điều tra tai nạn như kiểm tra bộ phận cấu thành, giảng bình kỹ thuật, kiểm tra và mô phỏng quá trình xảy ra tai nạn;

h) Tham gia các cuộc họp liên quan đến phân tích, đánh giá về nguyên nhân và khuyến cáo an toàn trong quá trình điều tra;

i) Trình bày quan điểm về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau trong quá trình điều tra tai nạn;

k) Có ý kiến đối với dự thảo kết luận điều tra theo thời hạn do cơ quan điều tra của Việt Nam đề nghị phù hợp với quy định của Phụ ước 13 của Công ước Chicago;

l) Được công bố các thông tin về tai nạn tàu bay mà cơ quan điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay của Việt Nam cho phép.

4. Trường hợp Quốc gia đăng ký hoặc Quốc gia của người khai thác không chỉ định Đại diện được ủy quyền, Hội đồng điều tra có thể mời người khai thác tàu bay tham gia hỗ trợ hoạt động điều tra theo phạm vi do Người phụ trách điều tra quyết định.

5. Trường hợp Quốc gia thiết kế hoặc Quốc gia sản xuất không chỉ định Đại diện được ủy quyền, Hội đồng điều tra có thể mời tổ chức chịu trách nhiệm thiết kế kiểu loại hoặc tổ chức chịu trách nhiệm sản xuất, lắp ráp cuối cùng tham gia hỗ trợ hoạt động điều tra theo phạm vi do Người phụ trách điều tra quyết định.

6. Quốc gia đăng ký, Quốc gia của người khai thác, Quốc gia thiết kế và Quốc gia sản xuất có thể chỉ định một hoặc nhiều chuyên gia tư vấn do người khai thác, tổ chức thiết kế hoặc tổ chức sản xuất đề nghị để hỗ trợ Đại diện được ủy quyền, phù hợp với quy định của Phụ ước 13 của Công ước Chicago và yêu cầu của Hội đồng điều tra.

Điều 65. Tiêu chuẩn chuyên gia điều tra

1. Chuyên gia điều tra là người có chuyên môn phù hợp trong các lĩnh vực an toàn hàng không, khai thác tàu bay, điều hành bay, kỹ thuật hàng không và

các lĩnh vực liên quan khác được đào tạo, huấn luyện về công tác điều tra an toàn sự cố nghiêm trọng, tai nạn hàng không dân dụng theo quy định của ICAO.

2. Tiêu chuẩn đối với Chuyên gia điều tra lĩnh vực kỹ thuật tàu bay:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: Kỹ thuật hàng không, công nghệ/kỹ thuật vật liệu, công nghệ kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật, công nghệ kỹ thuật điện - điện tử, viễn thông; hoặc

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có Giấy phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay mức B trở lên do Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc công nhận;

c) Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kỹ thuật tàu bay.

3. Tiêu chuẩn đối với Chuyên gia điều tra lĩnh vực khai thác tàu bay:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có Giấy phép người lái tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc công nhận;

b) Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực khai thác tàu bay hoặc có kinh nghiệm giờ bay tích lũy tối thiểu 2.000 giờ bay.

4. Tiêu chuẩn đối với Chuyên gia điều tra lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay:

a) Đối với chuyên ngành không lưu: Có bằng đại học và có bằng trung cấp không lưu trở lên hoặc đã có giấy phép, năng định kiểm soát viên không lưu. Đối với các chuyên ngành khác: Có bằng đại học liên quan;

b) Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tham gia điều tra.

5. Tiêu chuẩn đối với Chuyên gia điều tra lĩnh vực khai thác cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên;

b) Có tối thiểu 05 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay đối với người tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành, chuyên ngành có liên quan đến kỹ thuật; 07 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay đối với người tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành, chuyên ngành khác.

Điều 66. Hợp tác với các quốc gia có nạn nhân trong tai nạn tàu bay

Trường hợp tai nạn tàu bay xảy ra trong lãnh thổ Việt Nam, đại diện của quốc gia có công dân bị chết hoặc bị thương nặng được vào Việt Nam và có các quyền sau đây:

1. Đến hiện trường tai nạn tàu bay; được biết các thông tin về hiện trường tai nạn tàu bay.

2. Tham gia nhận dạng nạn nhân.

3. Phối hợp với cơ quan điều tra tai nạn thẩm vấn hành khách còn sống là công dân của mình.

4. Được nhận bản sao báo cáo chính thức điều tra tai nạn tàu bay.

5. Được thông báo các thông tin về sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay khi cơ quan điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay của Việt Nam cho phép.

6. Cung cấp các thông tin cần thiết hỗ trợ cho hoạt động điều tra của cơ quan điều tra.

7. Đại diện của quốc gia có công dân bị chết hoặc bị thương nặng có trách nhiệm tuân thủ yêu cầu về bảo vệ hiện trường, bảo mật thông tin điều tra, phạm vi tiếp cận thông tin và các điều kiện khác do Hội đồng điều tra xác định; cung cấp thông tin cần thiết hỗ trợ hoạt động điều tra khi được yêu cầu.

Điều 67. Báo cáo khi có thông tin về sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay

1. Các tổ chức, cá nhân sau đây có trách nhiệm thông báo ngay cho Hội đồng điều tra, Nhà chức trách hàng không Việt Nam bằng điện thoại, fax, mạng viễn thông cố định hàng không (AFTN) hoặc các phương tiện thông tin khác khi phát hiện hoặc nhận được thông tin về tàu bay bị tai nạn hoặc sự cố nghiêm trọng:

a) Cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu đối với thông tin về tàu bay lâm nạn;

b) Người chỉ huy tàu bay, người khai thác tàu bay đối với thông tin về sự cố nghiêm trọng hoặc tai nạn tàu bay xảy ra trong lãnh thổ Việt Nam; sự cố nghiêm trọng hoặc tai nạn đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc do người khai thác Việt Nam khai thác xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam;

c) Giám đốc Cảng vụ hàng không đối với thông tin về sự cố nghiêm trọng hoặc tai nạn tàu bay xảy ra tại cảng hàng không, sân bay hoặc khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay thuộc quyền quản lý của mình;

d) Trung tâm tìm kiếm, cứu nạn hàng hải đối với thông tin về tàu bay lâm nạn trên biển;

đ) Ủy ban nhân dân cấp xã và tương đương nơi xảy ra tai nạn tàu bay;

e) Người khai thác cảng hàng không.

2. Các tổ chức, cá nhân khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi phát hiện hoặc nhận được thông tin về sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay có trách nhiệm thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã và tương đương, Nhà chức trách hàng không Việt Nam, cơ sở cung cấp dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn hoặc cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không nơi gần nhất.

3. Trường hợp sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay xảy ra tại Việt Nam liên quan đến người nước ngoài, Hội đồng điều tra có trách nhiệm phối hợp Bộ Ngoại giao thông báo kịp thời cho cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của quốc gia mà người bị nạn mang quốc tịch.

4. Trường hợp sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay xảy ra ở nước ngoài đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc do người khai thác Việt Nam khai thác, ngoài trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này, người chỉ huy tàu bay, người khai thác tàu bay phải thông báo ngay cho cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước đó.

Điều 68. Báo cáo ban đầu sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay

1. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 67 phải báo cáo ban đầu sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay đến Hội đồng điều tra và Nhà chức trách hàng không Việt Nam trong thời gian sớm nhất có thể, nhưng tối đa không quá 24 giờ kể từ khi phát hiện hoặc xảy ra tai nạn tàu bay hoặc sự cố nghiêm trọng, trừ trường hợp bất khả kháng khiến việc thông báo, báo cáo không thể thực hiện được trong thời hạn nêu trên.

2. Nội dung báo cáo ban đầu sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay bao gồm các thông tin đã có tại thời điểm báo cáo sau đây:

a) Loại tàu bay, quốc tịch tàu bay và số đăng ký của tàu bay;

b) Tên chủ sở hữu, người khai thác hoặc người thuê tàu bay;

c) Thông tin danh sách, quốc tịch thành viên tổ bay và hành khách (nếu có);

d) Ngày, giờ xảy ra sự cố nghiêm trọng hoặc tai nạn tàu bay theo giờ địa phương và giờ quốc tế UTC;

đ) Điểm khởi hành cuối cùng và điểm dự kiến hạ cánh tiếp theo của tàu bay;

e) Vị trí của tàu bay với tham chiếu tới địa điểm địa lý xác định hoặc tọa độ (nếu có);

g) Số lượng tổ bay, hành khách trên tàu bay; số người chết, bị thương nặng trên tàu bay và người khác bị chết, bị thương nặng do sự cố nghiêm trọng hoặc tai nạn tàu bay;

h) Mô tả sơ bộ về sự cố nghiêm trọng hoặc tai nạn tàu bay và mức độ hư hỏng của tàu bay trong phạm vi đã biết;

i) Đặc điểm khu vực xảy ra sự cố nghiêm trọng hoặc tai nạn tàu bay, khó khăn trong tiếp cận hiện trường hoặc yêu cầu đặc biệt để đến hiện trường, nếu có;

k) Thông tin về chất nổ, vật liệu phóng xạ hoặc hàng nguy hiểm khác vận chuyển trên tàu bay, nếu có;

l) Tên cảng hàng không, sân bay, bãi cất, hạ cánh, khu vực xảy ra sự cố, tai nạn; tình trạng khai thác của đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ hoặc khu vực liên quan;

m) Tên cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, vị trí kiểm soát, đơn vị, phương tiện, trang thiết bị, hệ thống kỹ thuật hoặc nhân sự có liên quan;

n) Điều kiện thời tiết, tầm nhìn, trạng thái hoạt động của hệ thống, thiết bị kỹ thuật và các thông tin ban đầu khác có liên quan đến việc đánh giá nguy cơ an toàn;

o) Các thông tin liên quan khác.

Điều 69. Xử lý thông tin về sự cố nghiêm trọng hoặc tai nạn tàu bay

1. Sau khi nhận được thông báo về sự cố nghiêm trọng hoặc tai nạn tàu bay, Nhà chức trách hàng không Việt Nam và Cơ quan thường trực của Hội đồng điều tra có trách nhiệm xác minh thông tin và báo cáo, kiến nghị Hội đồng điều tra thành lập tổ điều tra.

2. Hội đồng điều tra quyết định thành lập Tổ điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn và tiến hành thông báo ngay cho các tổ chức, quốc gia có liên quan đến sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay, yêu cầu cung cấp thông tin và cử Đại diện được ủy quyền tham dự để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Phụ ước 13 của ICAO.

Điều 70. Thông báo tới các quốc gia, tổ chức quốc tế có liên quan về sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay

1. Khi Việt Nam là quốc gia tiến hành điều tra, Hội đồng điều tra thông báo ngay cho các quốc gia và tổ chức quốc tế sau đây: Quốc gia đăng ký tàu bay; Quốc gia của người khai thác tàu bay; Quốc gia thiết kế tàu bay; Quốc gia sản xuất tàu bay; quốc gia đã cung cấp thông tin, cơ sở vật chất quan trọng hoặc chuyên gia phục vụ điều tra; ICAO đối với tai nạn, sự cố nghiêm trọng liên quan đến tàu bay có khối lượng cất cánh tối đa được chứng nhận trên 2.250 kg theo quy định của ICAO.

2. Thông báo được gửi bằng phương thức nhanh nhất phù hợp, bao gồm thư điện tử, điện văn, fax, AFTN hoặc phương thức liên lạc khác theo hướng

dẫn của ICAO; thông báo phải ghi rõ “ACCID” đối với tai nạn hoặc “SINCID” đối với sự cố nghiêm trọng.

3. Nội dung thông báo bao gồm:

a) Ghi rõ “ACCID" nếu là tai nạn hoặc "SINCID" nếu là sự cố nghiêm trọng;

b) Nhà sản xuất, loại tàu bay, quốc tịch và dấu hiệu đăng ký của tàu bay;

c) Tên chủ sở hữu, người khai thác hoặc người thuê tàu bay;

d) Họ, tên, quốc tịch của thành viên tổ bay và hành khách;

đ) Ngày, tháng và thời gian xảy ra sự cố, tai nạn (giờ địa phương hoặc giờ quốc tế UTC);

e) Nơi khởi hành lần cuối và nơi dự định hạ cánh tiếp theo của tàu bay;

g) Vị trí của tàu bay xác định theo địa phương, kinh tuyến và vĩ tuyến;

h) Số thành viên tổ bay và hành khách trên tàu bay tại thời điểm xảy ra tai nạn; số người bị chết hoặc bị thương nặng (bao gồm hành khách, thành viên tổ bay và người thứ ba ở mặt đất);

i) Mô tả sơ bộ tính chất của tai nạn hoặc sự cố và mức độ hư hỏng tàu bay;

k) Dự kiến phạm vi điều tra;

l) Đặc điểm địa hình khu vực xảy ra tai nạn hoặc sự cố, mức độ khó khăn hoặc những yêu cầu đặc biệt để tiếp cận hiện trường;

m) Thông tin về Hội đồng điều tra, đầu mối liên lạc;

n) Thông tin về hàng nguy hiểm trên tàu bay;

o) Yêu cầu quốc gia được thông báo phản hồi về việc có cử Đại diện được ủy quyền tham gia điều tra hay không; trường hợp cử Đại diện được ủy quyền thì thông báo tên, thông tin liên hệ và thời gian dự kiến có mặt tại hiện trường.

4. Ngôn ngữ thông báo là tiếng Anh hoặc một trong các ngôn ngữ làm việc của ICAO; trường hợp cần thiết có thể sử dụng ngôn ngữ của quốc gia nhận thông báo.

Điều 71. Trách nhiệm bảo vệ hiện trường và bảo toàn bằng chứng

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Ngay khi nhận được thông báo hoặc phát hiện tàu bay bị tai nạn, sự cố nghiêm trọng trên địa bàn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức các lực lượng để cứu nạn, cứu hộ và bảo vệ hiện trường;

b) Thiết lập vành đai an ninh, phong tỏa khu vực xảy ra tai nạn (bao gồm cả khu vực có mảnh vỡ phân tán); ngăn chặn người không có nhiệm vụ xâm nhập để bảo đảm an ninh trật tự và bảo vệ nguyên trạng hiện trường cho đến

khi Cơ quan điều tra tiếp nhận quyền kiểm soát hiện trường cho mục đích xác minh, điều tra.

2. Trường hợp sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay xảy ra tại khu vực cảng hàng không, người khai thác cảng hàng không chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với đơn vị tại cảng hàng không, bảo vệ hiện trường theo quy định tại Điều này và Kế hoạch khẩn nguy của cảng hàng không.

3. Tổ chức, cá nhân không được phép thay đổi hiện trường khi chưa được sự đồng ý của Người phụ trách điều tra.

4. Các trường hợp ngoại lệ được phép thay đổi hiện trường:

Tàu bay hoặc các bộ phận của tàu bay có thể được di chuyển hoặc xê dịch trong các trường hợp cấp thiết sau đây, nhưng chỉ được thực hiện ở mức độ tối thiểu cần thiết:

a) Để cứu người bị nạn, đưa người bị nạn ra khỏi xác tàu bay;

b) Để dập tắt đám cháy hoặc ngăn ngừa nguy cơ cháy nổ, phát tán chất độc hại đe dọa đến tính mạng con người và môi trường;

c) Để bảo vệ tàu bay hoặc bằng chứng khỏi bị hư hại do các yếu tố môi trường (như thủy triều, lũ lụt, sạt lở...);

d) Khi tàu bay hoặc mảnh vỡ gây cản trở nghiêm trọng đến hoạt động giao thông công cộng (đường băng, đường sắt, đường bộ huyết mạch) và việc di dời là bắt buộc để khôi phục hoạt động an toàn.

5. Bàn giao hiện trường:

a) Lực lượng bảo vệ hiện trường có trách nhiệm bàn giao toàn bộ quyền kiểm soát hiện trường, các bằng chứng đã thu thập và các thông tin liên quan cho Hội đồng điều tra hoặc Tổ điều tra ngay khi Hội đồng điều tra hoặc Tổ điều tra tiếp cận được hiện trường và yêu cầu quyền kiểm soát;

b) Lực lượng bảo vệ hiện trường có trách nhiệm tiếp tục phối hợp với Hội đồng hoặc Tổ điều tra trong việc bảo vệ hiện trường cho đến khi Hội đồng điều tra hoặc Tổ điều tra quyết định di chuyển tàu bay, vật chứng liên quan về nơi bảo quản, bảo vệ để phục vụ điều tra.

Điều 72. Bảo quản hồ sơ, dữ liệu và vật chứng phục vụ điều tra

1. Cơ quan điều tra chịu trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận, quản lý, niêm phong, lưu giữ và bảo quản hồ sơ, dữ liệu và vật chứng thu thập được trong quá trình điều tra theo quy định của pháp luật.

2. Việc bảo quản hồ sơ, dữ liệu và vật chứng phục vụ điều tra bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tiếp nhận, kiểm kê, phân loại, ghi nhận tình trạng ban đầu của hồ sơ, dữ liệu và vật chứng;

b) Niêm phong, lưu giữ, bảo quản hồ sơ, dữ liệu và vật chứng theo chế độ phù hợp với tính chất của từng loại;

c) Thực hiện sao lưu, phục hồi, lưu vết, kiểm soát truy cập đối với dữ liệu điện tử, thiết bị ghi dữ liệu và thông tin liên quan;

d) Kiểm soát việc tiếp cận, khai thác, sử dụng, sao chép, mở niêm phong, giám định, phân tích hồ sơ, dữ liệu và vật chứng;

đ) Phòng ngừa việc mất mát, hư hỏng, sửa đổi, xóa bỏ, thay thế, tiết lộ hoặc sử dụng trái phép hồ sơ, dữ liệu và vật chứng;

e) Bàn giao, chuyển giao, lưu trữ hoặc xử lý hồ sơ, dữ liệu và vật chứng sau điều tra theo quy định của pháp luật.

3. Việc thu thập, bảo quản, khai thác và phân tích dữ liệu, vật chứng phục vụ điều tra phải bảo đảm tính khách quan, trung thực, khoa học, chính xác; duy trì tính toàn vẹn, khả năng truy xuất nguồn gốc và chuỗi quản lý chứng cứ; không làm thay đổi, hư hỏng hoặc mất mát dữ liệu, vật chứng.

4. Phạm vi dữ liệu, vật chứng phải thu thập và bảo vệ bao gồm tàu bay, xác tàu bay, bộ phận, linh kiện, mảnh vỡ, hàng hóa, hành lý; dấu vết, hiện trạng tại hiện trường; thiết bị ghi dữ liệu chuyến bay, thiết bị ghi âm buồng lái và các thiết bị ghi khác; dữ liệu giám sát bay, dữ liệu điều hành bay, dữ liệu kiểm soát không lưu, bản ghi âm và bản diễn giải lời ghi âm; hồ sơ khai thác, bảo dưỡng, kế hoạch bay, nhật ký kỹ thuật, hồ sơ nhân sự, dữ liệu khí tượng; thông tin y tế, kết quả xét nghiệm nồng độ cồn, chất kích thích đối với thành viên tổ bay khi cần thiết; các tài liệu, dữ liệu và vật chứng khác có liên quan.

5. Đối với thiết bị ghi dữ liệu chuyến bay, Hội đồng điều tra tổ chức thu hồi, bảo quản, áp dụng biện pháp bảo quản chuyên dụng đối với thiết bị thu hồi dưới nước hoặc trong điều kiện đặc biệt; việc mở, giải mã, khai thác dữ liệu được thực hiện tại cơ sở có đủ năng lực kỹ thuật trong nước hoặc của quốc gia thành viên ICAO, đặc biệt là Quốc gia thiết kế, Quốc gia sản xuất hoặc cơ sở được các quốc gia này chấp thuận.

6. Người khai thác tàu bay, tổ chức cung cấp dịch vụ hàng không và tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thu thập, lưu giữ và cung cấp đầy đủ, kịp thời dữ liệu, tài liệu theo yêu cầu của Hội đồng điều tra; hỗ trợ kỹ thuật, tạo điều kiện tiếp cận hiện trường và hệ thống dữ liệu; không che giấu, sửa đổi, tiêu hủy hoặc làm sai lệch chứng cứ.

Điều 73. Trách nhiệm phối hợp của các tổ chức, cá nhân

Khi nhận được đề nghị của Hội đồng điều tra về việc trưng tập các cá nhân, huy động các tổ chức hoặc các trang thiết bị, phương tiện để thực hiện

điều tra, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp với Hội đồng điều tra bảo đảm thực hiện đầy đủ theo yêu cầu của công tác điều tra.

Điều 74. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng

1. Trong quá trình tổ chức điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay, nếu phát hiện hành vi can thiệp bất hợp pháp, Hội đồng điều tra sẽ thông báo cho Bộ Công an để xem xét xử lý theo quy định.

2. Trường hợp vụ việc liên quan đến sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay được khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, Hội đồng điều tra có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu để phục vụ hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

3. Hoạt động điều tra của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng được tiến hành độc lập với hoạt động của Hội đồng điều tra của Bộ Xây dựng.

Điều 75. Tổ chức điều tra lại

1. Việc quyết định điều tra lại đối với sự cố nghiêm trọng hoặc tai nạn tàu bay sau khi kết thúc điều tra chỉ được thực hiện trong trường hợp phát hiện chứng cứ mới quan trọng có thể làm thay đổi kết luận về nguyên nhân và trách nhiệm đối với sự cố, tai nạn tàu bay.

2. Thẩm quyền tổ chức điều tra và thủ tục mở lại điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay áp dụng như đối với việc tổ chức điều tra lần đầu.

Điều 76. Trả lại tàu bay và các trang bị, thiết bị tàu bay

1. Cơ quan điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay phải trả tàu bay và các trang bị, thiết bị tàu bay bị sự cố, tai nạn cho người có quyền đối với tàu bay hoặc người được quốc gia đăng ký tàu bay hoặc quốc gia của người khai thác chỉ định khi không cần giữ lại để phục vụ công tác điều tra.

2. Việc trả tàu bay, trang bị, thiết bị tàu bay phải lập biên bản giao nhận. Biên bản giao nhận bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên và địa chỉ của người hoặc tổ chức giao, nhận;

b) Mô tả sơ bộ đối tượng được bàn giao;

c) Ngày giờ, địa điểm bàn giao;

d) Chữ ký của đại diện cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay và đại diện bên nhận.

Điều 77. Báo cáo sơ bộ về điều tra

1. Hội đồng điều tra lập báo cáo sơ bộ về điều tra sự cố nghiêm trọng hoặc tai nạn tàu bay theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay, Hội đồng điều tra gửi báo cáo sơ bộ cho Quốc gia đăng ký tàu bay, Quốc gia của người khai thác tàu bay, Quốc gia thiết kế, Quốc gia sản xuất, quốc gia cung cấp thông tin, cơ sở vật chất quan trọng hoặc chuyên gia phục vụ điều tra và ICAO đối với tàu bay có khối lượng cất cánh tối đa được chứng nhận trên 2.250 kg.

3. Khi có thông tin liên quan trực tiếp đến an toàn hàng không trong quá trình điều tra, Hội đồng điều tra gửi ngay thông tin đó đến các quốc gia liên quan và ICAO bằng phương thức liên lạc nhanh nhất phù hợp.

Điều 78. Báo cáo chính thức, báo cáo tạm thời và công bố kết quả điều tra

1. Hội đồng điều tra có trách nhiệm dự thảo, phối hợp với các quốc gia, tổ chức tham gia điều tra và hoàn thành báo cáo chính thức về kết quả điều tra theo cấu trúc phù hợp với Phụ ước 13 của Công ước Chicago theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Hội đồng điều tra gửi dự thảo báo cáo chính thức cho Quốc gia đăng ký tàu bay, Quốc gia của người khai thác tàu bay, Quốc gia thiết kế, Quốc gia sản xuất và quốc gia đã cung cấp thông tin, cơ sở vật chất quan trọng hoặc chuyên gia phục vụ điều tra để lấy ý kiến. Thông qua Quốc gia của người khai thác, Hội đồng điều tra gửi dự thảo báo cáo chính thức cho người khai thác tàu bay để góp ý; thông qua Quốc gia thiết kế và Quốc gia sản xuất, Hội đồng điều tra gửi dự thảo cho tổ chức chịu trách nhiệm thiết kế kiểu loại và tổ chức chịu trách nhiệm sản xuất, lắp ráp cuối cùng để góp ý.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày gửi dự thảo báo cáo chính thức, nếu nhận được ý kiến góp ý, Hội đồng điều tra nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo; trường hợp không thống nhất với ý kiến góp ý thì đính kèm nguyên văn ý kiến đó vào phụ lục của báo cáo chính thức, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với quốc gia góp ý.

4. Hội đồng điều tra công bố báo cáo chính thức trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày xảy ra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay. Trường hợp không thể công bố báo cáo chính thức trong thời hạn này, Hội đồng điều tra công bố báo cáo tạm thời nêu rõ tiến triển của cuộc điều tra và các vấn đề an toàn, khuyến cáo an toàn, nếu có.

5. Khi kết thúc điều tra, Hội đồng điều tra gửi báo cáo chính thức cho các quốc gia tham gia điều tra; Quốc gia đăng ký tàu bay; Quốc gia của người khai

thác tàu bay; Quốc gia thiết kế; Quốc gia sản xuất; quốc gia có công dân bị chết hoặc bị thương nặng; quốc gia đã cung cấp thông tin, cơ sở vật chất quan trọng hoặc chuyên gia phục vụ điều tra; và ICAO đối với trường hợp thuộc diện phải gửi báo cáo theo quy định của ICAO.

Điều 79. Báo cáo dữ liệu sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay theo hệ thống báo cáo của ICAO

1. Hội đồng điều tra có trách nhiệm lập và hoàn thành báo cáo dữ liệu sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay theo mẫu biểu, cấu trúc dữ liệu và phương thức báo cáo do ICAO quy định.

2. Đối với tai nạn xảy ra với tàu bay có khối lượng cất cánh tối đa được chứng nhận trên 2.250 kg, Hội đồng điều tra gửi báo cáo dữ liệu tai nạn tàu bay cho ICAO ngay khi có thể sau khi kết thúc điều tra.

3. Đối với sự cố nghiêm trọng được điều tra xảy ra với tàu bay có khối lượng cất cánh tối đa được chứng nhận trên 5.700 kg, Hội đồng điều tra gửi báo cáo dữ liệu sự cố cho ICAO ngay khi có thể sau khi kết thúc điều tra.

4. Hội đồng điều tra cung cấp thông tin bổ sung, dữ liệu liên quan hoặc bản cập nhật báo cáo khi ICAO hoặc quốc gia có lợi ích liên quan yêu cầu, phù hợp với quy định về bảo vệ và chia sẻ thông tin điều tra an toàn hàng không.

Điều 80. Khuyến cáo an toàn hàng không

1. Trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay, Hội đồng điều tra có trách nhiệm kiến nghị quốc gia, nhà chức trách hàng không, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện kịp thời hành động khắc phục, phòng ngừa cần thiết để tăng cường bảo đảm an toàn hàng không.

2. Trường hợp khuyến cáo an toàn liên quan đến mối nguy có tính chất toàn cầu hoặc cần có hành động ở cấp quốc tế, Hội đồng điều tra thông báo khuyến cáo an toàn đến ICAO theo phương thức phù hợp.

3. Cục Hàng không Việt Nam, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm nghiên cứu, triển khai hoặc phản hồi việc thực hiện khuyến cáo an toàn của Hội đồng điều tra; Hội đồng điều tra lưu giữ phản hồi đối với các khuyến cáo an toàn được ban hành.

4. Khi nhận được khuyến cáo an toàn từ quốc gia tiến hành điều tra hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Hội đồng điều tra tiếp nhận, đánh giá kỹ thuật và chuyển khuyến cáo đến Cục Hàng không Việt Nam và cơ quan, tổ chức có liên quan để xem xét thực hiện; cơ quan, tổ chức có liên quan thông báo biện pháp đã thực hiện, đang xem xét hoặc lý do không thực hiện trong thời hạn 90

ngày kể từ ngày nhận được khuyến cáo, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác.

Điều 81. Điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay ở nước ngoài

1. Trường hợp việc điều tra sự cố nghiêm trọng hoặc tai nạn tàu bay do quốc gia khác thực hiện, Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Cung cấp cho quốc gia nơi xảy ra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay các thông tin về tàu bay, tổ bay đối với tàu bay đăng ký quốc tịch Việt Nam hoặc do người khai thác Việt Nam khai thác ngay khi nhận được thông báo;

b) Cung cấp cho quốc gia nơi xảy ra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay các thông tin về tàu bay đối với tàu bay được thiết kế hoặc sản xuất tại Việt Nam ngay khi nhận được thông báo;

c) Cung cấp thông tin giải mã từ máy tự ghi cho quốc gia thực hiện điều tra tai nạn tàu bay hoặc sự cố nghiêm trọng đối với tàu bay đăng ký quốc tịch Việt Nam hoặc do người khai thác Việt Nam khai thác;

d) Cung cấp thông tin về hàng nguy hiểm chuyên chở trên tàu bay do người khai thác Việt Nam khai thác cho quốc gia nơi xảy ra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay khi nhận được thông báo;

đ) Cung cấp thông tin về hành khách chuyên chở trên tàu bay.

2. Bộ Xây dựng có trách nhiệm phối hợp quốc gia tiến hành điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay cử đại diện được ủy quyền và chuyên gia tư vấn tham gia điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay hoặc tai nạn tàu bay xảy ra ở nước ngoài trong các trường hợp sau đây:

a) Tàu bay mang quốc tịch Việt Nam;

b) Tàu bay do người khai thác Việt Nam khai thác;

c) Tàu bay, động cơ, cánh quạt do Việt Nam thiết kế hoặc sản xuất;

d) Có công dân Việt Nam là nạn nhân trong sự cố nghiêm trọng hoặc tai nạn tàu bay xảy ra ở nước ngoài.

3. Cơ quan điều tra thuộc Bộ Xây dựng có thể tiến hành điều tra theo ủy thác và đề nghị của các quốc gia thành viên ICAO. Trong trường hợp này, kinh phí hoạt động do quốc gia thành viên ICAO ủy quyền bảo đảm hoặc theo thỏa thuận song phương giữa Việt Nam và quốc gia thành viên ICAO.

4. Trường hợp Việt Nam tham gia điều tra do quốc gia khác tiến hành, Hội đồng điều tra có trách nhiệm phản hồi thông báo tai nạn, sự cố nghiêm trọng kịp thời; cung cấp thông tin liên quan đến tàu bay, tổ bay, hàng nguy hiểm và thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của quốc gia tiến hành điều tra; chỉ định Đại diện được ủy quyền và cố vấn khi Việt Nam là Quốc gia đăng ký, Quốc gia

của người khai thác, Quốc gia thiết kế, Quốc gia sản xuất hoặc quốc gia có công dân bị chết, bị thương nặng.

5. Trường hợp quốc gia tiến hành điều tra không công bố báo cáo chính thức hoặc báo cáo tạm thời trong thời hạn phù hợp và phát sinh vấn đề an toàn cần được xử lý, Hội đồng điều tra của Việt Nam khi tham gia điều tra có thể đề nghị quốc gia tiến hành điều tra công bố thông báo vấn đề an toàn; nếu không nhận được phản hồi trong thời hạn 30 ngày, Hội đồng điều tra có thể ban hành thông báo về vấn đề an toàn trên cơ sở thông tin sẵn có và sau khi trao đổi với các cơ quan điều tra của các quốc gia tham gia điều tra, phù hợp với Phụ ước 13 của Công ước Chicago.

Điều 82. Ủy thác điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay

1. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng điều tra có thể ủy thác một phần hoặc toàn bộ việc điều tra cho các Cơ quan điều tra tai nạn, sự cố tàu bay của quốc gia nơi xảy ra sự cố, tai nạn tàu bay hoặc các cơ quan điều tra nước ngoài có liên quan.

2. Kinh phí liên quan đến hoạt động ủy thác do ngân sách nhà nước bảo đảm theo văn bản ủy thác giữa Hội đồng điều tra và Cơ quan điều tra tai nạn sự cố tàu bay nước ngoài sở tại hoặc các cơ quan điều tra nước ngoài có liên quan.

Điều 83. Bảo đảm tổ chức điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay

1. Về cơ sở hạ tầng, vật chất

a) Nhà nước bảo đảm cơ quan điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay được trang bị hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho văn phòng làm việc, hoạt động thử nghiệm, thí nghiệm, phân tích, giải mã, bảo vệ vật chứng và bảo vệ, lưu trữ hồ sơ hỗ trợ công tác điều tra, trang bị thiết bị cần thiết cho việc tiếp cận hiện trường và thực hiện điều tra;

b) Trường hợp không trang bị được các trang thiết bị cần thiết, cơ quan điều tra được quyền thuê sử dụng hoặc thuê các hoạt động chuyên môn phục vụ công tác điều tra.

2. Về nguồn lực

a) Nhà nước bảo đảm tổ chức hoạt động của cơ quan điều tra sự cố nghiêm trọng, cơ quan thường trực và bảo đảm nguồn lực chuyên gia điều tra có đủ năng lực, được huấn luyện đào tạo nghiệp vụ tiến hành điều tra;

b) Nhà nước cho phép cơ quan điều tra trưng tập hoặc thuê các chuyên gia, tư vấn trong và ngoài ngành hàng không nhằm phục vụ cho công tác điều tra.

3. Kinh phí cho hoạt động thường xuyên và bảo đảm nguồn lực cơ quan điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay theo quy định tại khoản 1, khoản 2

điều này được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Kinh phí hoạt động điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước. Các nội dung chi hoạt động điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay bao gồm:

a) Chi thuê chuyên gia tư vấn phục vụ công tác điều tra;

b) Chi phí bảo đảm cho các hoạt động tiếp cận, bảo vệ hiện trường;

c) Chi phí bảo đảm hoạt động thu thập bằng chứng, mảnh vỡ tàu bay;

d) Chi phí tìm kiếm, phân tích, giải mã thiết bị ghi âm buồng lái;

đ) Chi phí điều tra lại (nếu có);

e) Các chi phí khác theo quy định của Phụ ước 13 của Công ước Chicago.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 84. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Các Nghị định hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

b) Nghị định số 75/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về điều tra sự cố, tai nạn hàng không dân dụng;

c) Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

d) Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

đ) Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

3. Các quy định về khám sức khỏe, cấp Giấy chứng nhận sức khỏe nhân viên hàng không và công bố cơ sở y tế đủ điều kiện khám sức khỏe nhân viên hàng không tại Điều 44 và Điều 45 Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2027. Trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027, các hoạt động này được tiếp tục thực hiện theo quy định, trình tự, thủ tục đã được áp dụng trước ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 85. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không đã được cấp giấy chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục hoạt động đào tạo, huấn luyện đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027.

2. Giấy chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực có giá trị hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027.

3. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực, các cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên theo tiêu chuẩn giáo viên quy định tại Điều 50 Nghị định này. Sau thời hạn trên, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận đối với các cơ sở đào tạo không đáp ứng tiêu chuẩn giáo viên quy định tại Điều 50 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về cơ sở vật chất quy định tại Điều 49 Nghị định này. Sau thời hạn trên, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện thu hồi và huỷ bỏ giấy chứng nhận đối với các cơ sở không đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất quy định tại Điều 49 Nghị định này.

5. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực, các tổ chức quy định tại Nghị định này có trách nhiệm xây dựng, triển khai hệ thống quản lý an toàn hàng không và bộ chỉ số an toàn theo Chương trình an toàn hàng không dân dụng Việt Nam. Trong thời hạn này, các tổ chức thực hiện theo Tài liệu về hệ thống quản lý an toàn đã được Nhà chức trách hàng không Việt Nam phê chuẩn, chấp thuận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực.

Điều 86. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Túc

Phụ lục I

YÊU CẦU ĐỐI VỚI TỔ CHỨC BỘ MÁY, ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ HỆ THỐNG TÀI LIỆU ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(Kèm theo Nghị định số 221/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

I. Yêu cầu về tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý công tác đào tạo, huấn luyện của Cơ sở đào tạo, huấn luyện:

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện phải chỉ định một người chịu trách nhiệm đối với việc bảo đảm tuân thủ các yêu cầu áp dụng đối với Cơ sở đào tạo.

2. Cơ sở đào tạo, huấn luyện phải bố trí đủ nhân sự đáp ứng các yêu cầu chuyên môn, năng lực đối với từng vị trí công việc về quản lý, xây dựng chương trình huấn luyện, thực hiện huấn luyện, kiểm tra; vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị huấn luyện giả định hoặc tàu bay phục vụ huấn luyện; tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra, sát hạch và kiểm soát hoạt động đào tạo, huấn luyện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và đảm bảo phù hợp với phạm vi huấn luyện được phê chuẩn.

3. Cơ sở huấn luyện phải bảo đảm đội ngũ nhân lực được đào tạo theo chương trình huấn luyện, đào tạo nội bộ quy định trong hệ thống tài liệu huấn luyện của Cơ sở huấn luyện.

II. Yêu cầu về Hệ thống tài liệu đào tạo, huấn luyện của Cơ sở đào tạo:

Hệ thống tài liệu của Cơ sở đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không có thể gồm một hoặc nhiều tài liệu nhưng phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

1. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn, chức năng nhiệm vụ của các vị trí nhân sự.

2. Cấu trúc hệ thống tài liệu;

3. Vai trò, chức năng nhiệm vụ, phạm vi huấn luyện của cơ sở đào tạo, huấn luyện.

4. Chính sách, quy trình đào tạo, huấn luyện.

5. Chương trình chi tiết, giáo trình, khoá đào tạo, huấn luyện phù hợp với phạm vi huấn luyện được phê chuẩn.

6. Hệ thống bảo đảm chất lượng, trong đó có quy trình kiểm soát hồ sơ huấn luyện và cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học.

7. Hệ thống quản lý an toàn theo quy định tại Điều 29 Nghị định này.

8. Chính sách và quy trình để tính toán số lượng học viên tối đa mà tổ chức có thể đào tạo, huấn luyện trong cùng một thời điểm.

9. Tiêu chuẩn tối thiểu cho từng vị trí nhân sự theo quy định.

10. Quy trình, hệ thống và phương pháp lưu trữ hồ sơ.

11. Thông tin về từng địa điểm của cơ sở huấn luyện.

12. Danh mục, tính năng trang thiết bị tại từng địa điểm cho từng khoá huấn luyện.

13. Danh mục các khóa huấn luyện thực hiện tại từng địa điểm.

Phụ lục II
YÊU CẦU CƠ SỞ VẬT CHẤT CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
(Kèm theo Nghị định số 221/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

I. Yêu cầu chung về phòng học và phòng thảo luận

Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải đảm bảo phòng học và các phòng thảo luận đáp ứng các quy định sau:

1. Có đầy đủ hệ thống chiếu sáng, điều hoà nhiệt độ, thông thoáng phù hợp với khí hậu địa phương, vệ sinh và đảm bảo cho sức khoẻ.

2. Không làm cho học viên mất tập trung bởi hoạt động bên ngoài, hoạt động khai thác bay và khai thác bảo dưỡng ở sân bay.

3. Phải được trang bị bàn ghế cho học viên và giáo viên; thiết bị trình chiếu, nghe nhìn phù hợp với loại hình huấn luyện.

4. Có diện tích tối thiểu 1,5 m^2 tính trên mỗi học viên đối với lớp học lý thuyết và tối thiểu từ 3 m^2 đối với lớp học thực hành.

II. Yêu cầu về cơ sở vật chất đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không lĩnh vực khai thác cảng hàng không:

1. Hạ tầng, thiết bị phục vụ đào tạo thực hành nghiệp vụ chuyên môn phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau đây:

a) Đối với đào tạo thực hành nghiệp vụ nhân viên điều khiển phương tiện hoạt động tại sân bay, vận hành thiết bị hàng không tại sân bay:

a1) Có khu vực thực hành bảo đảm sơn tín hiệu, biển báo theo quy định về sơn tín hiệu, biển báo trên sân đỗ tàu bay phù hợp với nghiệp vụ chuyên môn được đào tạo, huấn luyện;

a2) Có thiết bị, phương tiện thực hành phù hợp với nghiệp vụ chuyên môn được đào tạo, huấn luyện;

a3) Có mô hình giả định bộ phận của tàu bay tương ứng với loại thiết bị, phương tiện thực hành có tiếp cận trực tiếp với tàu bay và nghiệp vụ chuyên môn được đào tạo, huấn luyện.

b) Đối với đào tạo thực hành nghiệp vụ nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay:

b1) Có khu vực thực hành phù hợp với việc thực hành nghiệp vụ chuyên môn được đào tạo, huấn luyện;

b2) Có hệ thống thiết bị, phần mềm giả định hướng dẫn thực hành tương ứng với nghiệp vụ chuyên môn được đào tạo, huấn luyện;

b3) Có mô hình giả định bộ phận của tàu bay tương ứng với nghiệp vụ chuyên môn được đào tạo, huấn luyện.

c) Đối với đào tạo thực hành nghiệp vụ nhân viên cứu nạn, chữa cháy: có các thiết bị và cơ sở vật chất cho nghiệp vụ cứu nạn, chữa cháy, bảo đảm sự mô phỏng thực tế về lửa cháy, nhiệt độ và áp suất cao, tầm nhìn bị suy giảm, cụ thể như sau:

c1) Khu vực cháy để tạo môi trường cháy, phục vụ hoạt động thực hành cứu nạn, chữa cháy, sử dụng các thiết bị, hóa chất dùng để chữa cháy tàu bay đối với tình huống cháy tàu bay;

c2) Khu vực vận hành xe chữa cháy bao quanh khu vực cháy, có kích thước đủ rộng và bảo đảm kết cấu để xe chữa cháy tiếp cận và nhân viên cứu nạn, chữa cháy thực hiện hoạt động cứu nạn chữa cháy;

c3) Mô hình tàu bay có kết cấu, hình dạng, kích thước tương tự loại tàu bay điển hình đang khai thác thương mại tại sân bay; mô hình có thể được lắp đặt cố định hoặc di động và bao gồm các bộ phận bên ngoài (cánh, càng bánh và lốp, động cơ…) và bên trong (khoang hành khách, ghế hành khách…);

c4) Khu vực điều khiển để người vận hành điều khiển và kiểm soát các tình huống cháy giả định trong khu vực cháy. Việc điều khiển có thể được lập trình tự động hoặc do người vận hành thực hiện để tạo lập tình huống;

c5) Các hệ thống hỗ trợ bao gồm: hệ thống cung cấp nhiên liệu, hệ thống cung cấp và thu hồi nước, hệ thống điện.

2. Cơ sở đào tạo được sử dụng công trình, hạ tầng, phương tiện, thiết bị tại cảng hàng không để phục vụ cho đào tạo thực hành nhân viên hàng không trên cơ sở thống nhất với người khai thác cảng hàng không, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không và đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định.

III. Yêu cầu về cơ sở vật chất của Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay:

1. Đối với đào tạo, huấn luyện kiểm soát viên không lưu:

Cơ sở đào tạo, huấn luyện phải đảm bảo có tối thiểu 01 thiết bị huấn luyện mô phỏng phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện. Thiết bị huấn luyện mô phỏng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đảm bảo các tính năng hoạt động, chức năng và các đặc tính kỹ thuật phù hợp phạm vi đào tạo, huấn luyện của cơ sở;

b) Được bảo dưỡng nhằm bảo đảm độ tin cậy của các tính năng hoạt động, chức năng và các đặc tính kỹ thuật khác đã được yêu cầu trong quá trình thẩm định đủ điều kiện; có phương án dự phòng thay thế hoặc khắc phục ngay để không gián đoạn chương trình huấn luyện;

c) Được sửa đổi, cập nhật để luôn luôn phù hợp với tổ chức vùng trời, cấu hình sân bay, loại tàu bay, hệ thống, tính năng hoạt động;

d) Được thực hiện kiểm tra các chức năng hoạt động hàng ngày và trước khi đưa vào sử dụng để huấn luyện;

đ) Có sổ nhật ký kỹ thuật để giáo viên, đánh giá viên ghi nhận mọi sai lệch, hỏng hóc phát sinh sau từng bài huấn luyện.

2. Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên kỹ thuật bảo đảm hoạt động bay: Phải có và duy trì các thiết bị huấn luyện sau đây phù hợp với phạm vi đào tạo, huấn luyện:

a) Trang thiết bị, mô hình, dụng cụ và vật tư huấn luyện, các bộ phận phần cứng và phần mềm điều khiển (nếu cần thiết) phù hợp với nội dung chương trình huấn luyện;

b) Có khả năng tiếp cận hoặc sử dụng cho mục đích thực hành hệ thống thiết bị thực tế thuộc loại thiết bị bảo đảm hoạt động bay; trường hợp không có hệ thống thiết bị thực tế, phải có thiết bị huấn luyện giả định hoặc mô phỏng tương đương được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn;

c) Bảo đảm số lượng thiết bị, mô hình, vật tư huấn luyện đáp ứng tỷ lệ không quá 08 học viên trên một thiết bị, mô hình tại cùng một thời điểm;

d) Thiết bị quy định tại điểm b khoản này, nếu là thiết bị đã ngừng khai thác hoặc hỏng hóc trước đó, thì phải được duy trì hoặc sửa chữa để có thể sử dụng được cho mục đích huấn luyện và không yêu cầu phải đáp ứng tiêu chuẩn vận hành khai thác thực tế.

3. Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên khí tượng hàng không:

a) Có thiết bị và hệ thống thông tin, dữ liệu phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

b) Có khả năng tiếp cận hoặc sử dụng cho mục đích thực hành một hệ thống thiết bị khí tượng thực tế;

c) Thiết bị quy định tại điểm b khoản này, nếu là thiết bị đã ngừng khai thác hoặc hỏng hóc trước đó, thì phải được duy trì hoặc sửa chữa để có thể sử dụng được cho mục đích huấn luyện và không yêu cầu phải đáp ứng tiêu chuẩn vận hành khai thác thực tế.

4. Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên thiết kế phương thức bay và bản đồ, sơ đồ hàng không dân dụng:

a) Có quy trình xây dựng, thiết kế phương thức bay, bản đồ, sơ đồ hàng không;

b) Có hệ thống bản đồ hàng không, hệ thống thông tin, dữ liệu và trang thiết bị phục vụ công tác thiết kế phương thức bay, xây dựng bản đồ, sơ đồ hàng không phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện.

5. Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên tìm kiếm cứu nạn hàng không:

a) Có hệ thống bản đồ và công cụ tính toán, trang bị hệ thống bản đồ (hoặc bản đồ số), phần mềm hỗ trợ tính toán hoặc bảng biểu chuyên dụng nhằm phục

vụ học viên thực hành xác định khu vực ưu tiên và tính toán xác suất tìm kiếm, phát hiện mục tiêu dựa trên dữ liệu tọa độ, hướng gió.

b) Có khả năng tiếp cận hoặc sử dụng cho mục đích thực hành các hệ thống thiết bị tìm kiếm cứu nạn thực tế, bao gồm:

b1) Hệ thống thông tin và xử lý dữ liệu khẩn nguy: Hệ thống xử lý điện văn dịch vụ không lưu để tác nghiệp tin báo nạn và Hệ thống thu phát tín hiệu cấp cứu Cospas-Sarsat;

b2) Hệ thống liên lạc và lưu trữ: Hệ thống liên lạc vô tuyến, vệ tinh để thực hành liên lạc, hệ thống ghi âm, lưu trữ để thực hành ghi chép nhật ký sự cố và phân tích, giảng bình hội thoại điều hành;

b3) Trang thiết bị hiện trường (Xe chỉ huy tìm kiếm cứu nạn, máy dò tìm hộp đen và các thiết bị cứu hộ, triển khai nhà bạt, điều khiển thiết bị UAV).

6. Đối với đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không, nhân viên tin tức hàng không, nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay và các loại nhân viên bảo đảm hoạt động bay khác không thuộc các mục 1, 2, 3, 4, 5 nêu trên:

a) Có hệ thống thông tin, dữ liệu phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ;

b) Có đủ thiết bị thực hành phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ.

7. Cơ sở huấn luyện phải đảm bảo các trang thiết bị huấn luyện sử dụng cho công tác huấn luyện phải được kiểm tra, đánh giá đáp ứng đủ điều kiện theo chương trình huấn luyện được phê chuẩn.

8. Cơ sở huấn luyện phải thiết lập hệ thống lưu trữ tài liệu, hồ sơ với các nội dung được phê chuẩn trong Phạm vi huấn luyện.

9. Cơ sở đào tạo được sử dụng hạ tầng, phương tiện, thiết bị tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không để phục vụ cho đào tạo, huấn luyện thực hành nhân viên hàng không lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay trên cơ sở thống nhất với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không.

IV. Yêu cầu về cơ sở vật chất của Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay

1. Cơ sở huấn luyện phải duy trì, vận hành và bố trí đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị huấn luyện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật phù hợp với phạm vi huấn luyện được phê chuẩn. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, huấn luyện.

2. Cơ sở huấn luyện khi thuê cơ sở vật chất, trang thiết bị để huấn luyện phải chứng minh việc Cơ sở huấn luyện có quyền tiếp cận, sử dụng đối với các cơ sở

vật chất, trang thiết bị và tài liệu cần thiết để tổ chức các khóa đào tạo, huấn luyện đã được phê chuẩn.

3. Cơ sở huấn luyện phải đảm bảo các trang thiết bị huấn luyện sử dụng cho công tác huấn luyện phải được kiểm tra, đánh giá đáp ứng đủ điều kiện theo chương trình huấn luyện được phê chuẩn.

4. Cơ sở huấn luyện phải thiết lập hệ thống lưu trữ tài liệu, hồ sơ với các nội dung được phê chuẩn trong Phạm vi huấn luyện.

5. Thiết bị huấn luyện giả định sử dụng cho các khoá đào tạo, huấn luyện phải được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn.

6. Tàu bay được sử dụng cho mục đích huấn luyện để cấp giấy phép người lái tàu bay phải được bảo dưỡng theo quy định về bảo dưỡng tàu bay.

Phụ lục III
YÊU CẦU ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
(Kèm theo Nghị định số 221/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

I. Yêu cầu về giáo viên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không lĩnh vực khai thác cảng hàng không:

1. Giáo viên giảng dạy kiến thức chung về hàng không dân dụng phải có chứng nhận về kiến thức chung về hàng không dân dụng.

2. Giáo viên giảng dạy nghiệp vụ chuyên môn:

a) Giáo viên giảng dạy lý thuyết phải có chứng chỉ chuyên môn tương ứng với môn giảng dạy;

b) Giáo viên giảng dạy thực hành là nhân viên hàng không có chứng chỉ chuyên môn tương ứng với môn giảng dạy;

c) Giáo viên dạy nghiệp vụ chuyên môn phải có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến môn giảng dạy.

3. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải có đủ giáo viên lý thuyết, giáo viên thực hành để bảo đảm mỗi môn học chuyên ngành hàng không phải có ít nhất 01 giáo viên giảng dạy.

4. Cơ sở đào tạo, huấn luyện có thể duy trì các hình thức giáo viên chuyên nghiệp, giáo viên kiêm nhiệm, giáo viên thỉnh giảng chuyên ngành hàng không, số lượng giáo viên thỉnh giảng chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo, huấn luyện không được lớn hơn 50% số lượng giáo viên chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo.

II. Yêu cầu về giáo viên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay

1. Yêu cầu chung

a) Giáo viên lý thuyết và thực hành thực hiện đào tạo, huấn luyện để cấp, gia hạn, phục hồi giấy phép, chứng chỉ chuyên môn, năng định cho Kiểm soát viên không lưu; nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không phải được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép, năng định theo quy định tại Điều 42 của Nghị định này.

b) Giáo viên lý thuyết và thực hành thực hiện đào tạo, huấn luyện cho các nhân viên lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay không thuộc diện cấp giấy phép, năng định phải được cơ sở đào tạo huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không đánh giá, xác nhận năng lực nội bộ và giao thực hiện nhiệm vụ giáo viên bằng văn bản.

c) Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải có đủ giáo viên lý thuyết, giáo viên thực hành để bảo đảm mỗi môn học chuyên ngành hàng không phải có ít nhất 01 giáo viên giảng dạy.

d) Cơ sở đào tạo, huấn luyện có thể duy trì các hình thức giáo viên chuyên nghiệp, giáo viên kiêm nhiệm, giáo viên thỉnh giảng chuyên ngành hàng không, số lượng giáo viên thỉnh giảng chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo, huấn luyện không được lớn hơn 50% số lượng giáo viên chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo.

2. Tiêu chuẩn giáo viên lý thuyết: Đáp ứng các quy định chung tại Điều 50 của Nghị định này, đảm bảo kiến thức liên quan đến môn học được cập nhật đầy đủ và được ứng dụng trong thực tế.

3. Tiêu chuẩn chung về giáo viên thực hành:

a) Đáp ứng các quy định chung tại Điều 50 của Nghị định này;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm khai thác thực tế phù hợp với nội dung huấn luyện thực hành;

c) Có kiến thức về phương pháp đào tạo, huấn luyện và đánh giá dựa trên năng lực;

d) Thể hiện sự thành thạo trong việc làm mẫu, theo dõi, giám sát và đánh giá kỹ năng của học viên.

đ) Phải tham gia khóa huấn luyện định kỳ (Continuation training) và được đánh giá lại năng lực giảng dạy định kỳ với chu kỳ không quá 24 tháng.

e) Huấn luyện phục hồi (Re-entry training): Giáo viên thực hành không duy trì công tác huấn luyện thì phải được huấn luyện phục hồi.

4. Giáo viên thực hành huấn luyện trên hệ thống mô phỏng (Simulator Instructor) phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hoàn thành khóa huấn luyện về khai thác thiết bị huấn luyện mô phỏng;

b) Vận hành đúng các hệ thống và thiết bị điều khiển của thiết bị huấn luyện mô phỏng, các bảng thiết lập môi trường, điều kiện thời tiết, giả định sự cố của hệ thống, thiết bị;

c) Am hiểu các hạn chế và giới hạn kỹ thuật của hệ thống so với môi trường khai thác thực tế;

d) Có kỹ năng thiết lập kịch bản và sử dụng hiệu quả các kỹ thuật đặc thù của hệ thống mô phỏng (như tạm dừng, phát lại, thay đổi nhịp độ, giả định tình huống khẩn nguy) nhằm tối ưu hóa việc phân tích và phản hồi, bình giảng cho học viên;

đ) Yêu cầu về kinh nghiệm: Có ít nhất hai năm kinh nghiệm đối với năng định mà họ sẽ tham gia giảng dạy, có kiến thức về khai thác hiện hành.

5. Giáo viên thực hành huấn luyện kiểm soát viên không lưu tại vị trí làm việc phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có giấy phép và năng định kiểm soát viên không lưu còn hiệu lực, phù hợp đối với phạm vi hướng dẫn, huấn luyện tại vị trí làm việc;

b) Có xác nhận khai thác tại đơn vị, vị trí công tác nơi thực hiện OJT;

c) Hoàn thành chương trình đào tạo, huấn luyện giáo viên thực hành tại vị trí làm việc cho kiểm soát viên không lưu theo phương pháp đào tạo và đánh giá dựa trên năng lực (CBTA) do các cơ sở đào tạo, huấn luyện được ICAO hoặc Cục Hàng không Việt Nam công nhận;

d) Yêu cầu về kinh nghiệm:

d1) Đã thực hiện năng định kiểm soát viên không lưu mà họ sẽ tham gia giảng dạy trong thời gian ít nhất hai năm;

d2) Có năng định kiểm soát viên không lưu còn hiệu lực tại cơ sở sẽ thực hiện huấn luyện.

đ) Hoàn thành các nội dung huấn luyện định kỳ, bài kiểm tra kỹ năng và duy trì kinh nghiệm hiện tại phù hợp yêu cầu đối với Kiểm soát viên không lưu.

6. Giáo viên thực hành huấn luyện tại vị trí làm việc (OJTI) đối với nhân viên khai thác thiết bị thông tin liên lạc hàng không đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có kinh nghiệm khai thác thực tế tại vị trí làm việc đáp ứng quy định của cơ sở cung cấp dịch vụ ANS;

b) Hoàn thành khóa đào tạo giáo viên thực hành huấn luyện tại vị trí làm việc (OJTI).

III. Yêu cầu về giáo viên cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay:

1. Giáo viên lý thuyết và Giáo viên thực hành cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay phải được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép, năng định hoặc có Chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.

2. Trước khi thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo viên phải được huấn luyện đào tạo theo chương trình huấn luyện, đào tạo nội bộ đối với giáo viên trong Hệ thống tài liệu của Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

3. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về các chức danh giáo viên; chương trình đào tạo, huấn luyện, kiểm tra, đánh giá và duy trì năng lực; quyền hạn và trách nhiệm của giáo viên tại các cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

Phụ lục IV
DANH MỤC SỰ CỐ NGHIÊM TRỌNG
(Kèm theo Nghị định số 221/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định một vụ việc an toàn hàng không được gọi là sự cố nghiêm trọng theo nguyên tắc sau:

a) Thực hiện việc phân tích rủi ro dựa trên vụ việc nhằm đánh giá kịch bản vụ việc có thể xảy ra tai nạn hay không dựa trên các lớp phòng vệ ngăn cách ranh giới giữa sự cố và tai nạn;

b) Các lớp phòng vệ có thể là công nghệ của tàu bay, năng lực tổ bay, các quy trình tiêu chuẩn, năng lực của hệ thống kiểm soát viên không lưu, hệ thống dự phòng của tàu bay, nguyên lý thiết kế tàu bay hoặc các điều kiện, đặc điểm là rào cản để giúp sự cố không dẫn đến tai nạn;

c) Trường hợp tai nạn chỉ may mắn khi không xảy ra hoặc sự cố xảy ra với các lớp phòng vệ hạn chế và có nguy cơ cao xảy ra tai nạn, vụ việc được xác định là sự cố nghiêm trọng.

2. Danh mục các sự cố được phân loại ban đầu là sự cố nghiêm trọng như sau:

a) Tàu bay gần va chạm với nhau phải thực hiện thao tác tránh nhau nên không bị va chạm hoặc tránh được tình huống nguy hiểm; phân cách thực tế giữa các tàu bay nhỏ hơn 50% giá trị phân cách tối thiểu;

b) Tàu bay va chạm với nhau hoặc va chạm với các phương tiện, trang thiết bị mặt đất hoặc chướng ngại vật nhưng chưa phải là tai nạn;

c) Điều khiển tàu bay vào khu vực địa hình vượt quá giới hạn an toàn tối thiểu và phải thực hiện thao tác để tránh. Hủy việc thực hiện cất cánh trên đường cất, hạ cánh đang đóng; đường cất, hạ cánh đang bị chiếm dụng; trên đường lăn hoặc không đúng đường cất, hạ cánh được chỉ định;

d) Cất cánh trên đường cất, hạ cánh đang đóng; đường cất, hạ cánh đang bị chiếm dụng; trên đường lăn hoặc không đúng đường cất, hạ cánh được chỉ định;

đ) Hạ cánh hoặc thử hạ cánh trên đường cất, hạ cánh đang đóng hoặc đang bị chiếm dụng, đường cất, hạ cánh không được chỉ định hoặc những vị trí ngoài ý muốn như đường bộ;

e) Hạ cánh quá đường cất, hạ cánh hoặc xông ra ngoài đường cất, hạ cánh;

g) Hỏng hóc dẫn đến tàu bay không đạt tính năng dự kiến trong quá trình cất cánh hoặc lấy độ cao ban đầu;

h) Cháy hoặc có khói trong buồng lái, khoang hành khách, buồng hàng hoặc cháy động cơ kể cả trường hợp đã được dập tắt bằng chất dập lửa;

i) Vụ việc khẩn nguy buộc tổ lái phải sử dụng oxy khẩn nguy;

k) Hư hỏng cấu trúc phải sửa chữa lớn hoặc động cơ bị tách rời nhưng chưa đến mức tai nạn;

l) Nhiều hư hỏng xảy ra với một hoặc nhiều hệ thống của tàu bay ảnh hưởng nghiêm trọng đến điều khiển tàu bay;

m) Người lái tàu bay mất khả năng làm việc trong thời gian tàu bay đang bay:

(1) Đối với chuyến bay khai thác với một người lái;

(2) Đối với những chuyến bay khai thác với nhiều người lái mà việc an toàn bay bị ảnh hưởng bởi sự tăng trưởng đáng kể của khối lượng công việc cho những thành viên còn lại.

n) Không đủ nhiên liệu buộc tổ lái tuyên bố tình trạng khẩn nguy;

o) Tàu bay gần va chạm với nhau, với các phương tiện hoặc con người trên đường cất, hạ cánh;

p) Hỏng hóc các hệ thống (bao gồm sự mất công suất hoặc lực đẩy), các hiện tượng thời tiết khác thường hoặc khai thác tàu bay vượt giới hạn được phê chuẩn hoặc các tình huống gây khó khăn cho điều khiển tàu bay;

q) Hạ cánh với càng hoặc bánh tàu bay không được thả mà không được phân loại là một tai nạn;

r) Kéo lê trong quá trình hạ cánh tại đầu cánh tàu bay, động cơ hoặc bất kỳ bộ phận khác của tàu bay mà không được phân loại là một tai nạn.

3. Trường hợp sau khi điều tra, xác minh hoặc đánh giá về rủi ro an toàn sự cố, hậu quả của sự cố nhà chức trách hàng không có thể thay đổi, bổ sung việc phân loại xác định sự cố nghiêm trọng đối với các vụ việc hàng không.

Phụ lục V
NỘI DUNG BÁO CÁO SƠ BỘ VỀ ĐIỀU TRA SỰ CỐ NGHIÊM TRỌNG, TAI NẠN TÀU BAY
(Kèm theo Nghị định số 221/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

I. Thông tin chung

1. Số tham chiếu vụ việc.

2. Cơ quan điều tra chủ trì.

3. Quốc gia, địa điểm xảy ra sự cố, tai nạn (tọa độ địa lý nếu có).

4. Ngày, giờ địa phương và giờ UTC.

5. Phân loại: tai nạn/sự cố nghiêm trọng/sự cố.

6. Tình trạng điều tra: đang tiến hành/đã ủy quyền/đã kết thúc bước đầu.

II. Thông tin tàu bay và khai thác

1. Loại tàu bay, kiểu loại, nhà sản xuất, số sê-ri.

2. Quốc tịch và số hiệu đăng ký.

3. Trọng lượng cất cánh tối đa.

4. Chủ sở hữu, người khai thác tàu bay.

5. Loại hình khai thác: thương mại thường lệ/không thường lệ/huấn luyện/công vụ/khác.

6. Hành trình bay (điểm cất cánh - điểm dự định hạ cánh - điểm trung gian nếu có).

7. Thời gian bay thực tế đến thời điểm xảy ra sự cố, tai nạn.

8. Tình trạng bảo dưỡng gần nhất.

III. Thông tin tổ bay và hành khách

1. Số lượng thành viên tổ bay (tử vong/thương nặng/thương nhẹ/không bị thương).

2. Số lượng hành khách (tử vong/thương nặng/thương nhẹ/không bị thương).

3. Người dưới mặt đất bị ảnh hưởng (nếu có).

4. Thông tin sơ bộ về bằng cấp, năng định tổ bay (nếu sẵn có).

IV. Hậu quả và thiệt hại

1. Mức độ hư hỏng của tàu bay (phá hủy/toàn bộ/hư hỏng nặng/hư hỏng nhẹ/không đáng kể).

2. Thiệt hại đối với tài sản, công trình mặt đất.

3. Cháy nổ hoặc rò rỉ nhiên liệu (nếu có).

V. Điều kiện môi trường khai thác

1. Điều kiện khí tượng tại thời điểm xảy ra sự cố, tai nạn.

2. Điều kiện ánh sáng (ngày/đêm/hoàng hôn/bình minh).

3. Tình trạng đường cất hạ cánh, sân đỗ hoặc khu vực khai thác.

4. Các yếu tố môi trường khác có liên quan.

VI. Hàng hóa và thiết bị đặc biệt

1. Có/không chuyên chở hàng nguy hiểm; mô tả loại hàng nguy hiểm (nếu có).

2. Tình trạng thiết bị ghi dữ liệu bay/ghi âm buồng lái/thiết bị giám sát khác.

VII. Diễn biến sự việc

1. Tóm tắt trình tự diễn biến sự cố, tai nạn.

2. Các tình huống bất thường hoặc yếu tố quan trọng.

3. Hành động của tổ bay, kiểm soát không lưu và các bên liên quan (nếu có).

VIII. Hoạt động điều tra và biện pháp an toàn ban đầu

1. Các biện pháp đã thực hiện để bảo vệ hiện trường, thu thập chứng cứ.

2. Tổ chức/cơ quan tham gia điều tra.

3. Các khuyến nghị an toàn hoặc biện pháp phòng ngừa khẩn cấp đã áp dụng (nếu có).

4. Kế hoạch hoặc bước tiếp theo của điều tra.

IX. Nhận xét bổ sung (nếu có)

Phụ lục VI
NỘI DUNG BÁO CÁO CHÍNH THỨC VỀ
ĐIỀU TRA SỰ CỐ NGHIÊM TRỌNG, TAI NẠN TÀU BAY
(Kèm theo Nghị định số 221/2026/NĐ-CP
ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

A. MỞ ĐẦU

1. Nhận dạng vụ việc:

a) Tên người khai thác tàu bay;

b) Nhà sản xuất, kiểu loại, số sê-ri;

c) Quốc tịch và số hiệu đăng ký;

d) Địa điểm, ngày, giờ xảy ra sự cố, tai nạn (giờ địa phương và UTC);

đ) Phân loại: tai nạn/sự cố nghiêm trọng/sự cố.

2. Thông tin về tổ chức điều tra:

a) Quốc gia và cơ quan chủ trì điều tra;

b) Các quốc gia, tổ chức tham gia điều tra (nếu có);

c) Cơ sở pháp lý tiến hành điều tra;

d) Tóm tắt quá trình thông báo, triển khai điều tra;

đ) Phạm vi và mục tiêu điều tra.

3. Tóm tắt sự kiện chính và kết luận sơ bộ.

B. PHẦN CHÍNH

I. Thông tin thực tế

1. Lịch sử chuyến bay

a) Số hiệu chuyến bay, hình thức khai thác, điểm cất cánh cuối cùng, điểm dự định hạ cánh;

b) Kế hoạch bay, diễn biến chuyến bay, trình tự sự kiện;

c) Dựng lại quỹ đạo bay (nếu cần);

d) Tọa độ, thời điểm xảy ra sự cố, tai nạn; ngày/đêm.

2. Thương vong về người

Phân loại theo:

a) Thành viên tổ bay;

b) Hành khách;

c) Người dưới mặt đất (tử vong/thương nặng/thương nhẹ/không bị thương)

3. Thiệt hại tàu bay

Mức độ: phá hủy hoàn toàn/hư hại nghiêm trọng/hư hại nhẹ/không đáng kể.

4. Thiệt hại khác

Thiệt hại đối với công trình, phương tiện, môi trường xung quanh.

5. Thông tin về nhân viên hàng không

a) Tổ lái: tuổi, giấy phép, năng định, kinh nghiệm, tổng giờ bay, giờ bay trên loại, thời gian làm nhiệm vụ;

b) Kết luận giám định sức khỏe, độc chất (nếu có);

c) Tổ bay khác, kiểm soát viên không lưu, nhân viên bảo dưỡng hoặc cá nhân liên quan.

6. Thông tin về tàu bay

a) Tình trạng bảo dưỡng và đủ điều kiện bay;

b) Trọng lượng, trọng tâm;

c) Nhiên liệu sử dụng;

d) Cấu hình thiết bị và thay đổi kỹ thuật liên quan.

7. Thông tin khí tượng

a) Dự báo và thời tiết thực tế;

b) Thông tin thời tiết cung cấp cho tổ bay;

c) Điều kiện ánh sáng tự nhiên.

8. Hỗ trợ dẫn đường và hạ cánh

Tình trạng hoạt động của ILS, VOR, NDB, MLS, radar, đèn tiếp cận, thiết bị mặt đất.

9. Thông tin liên lạc

Hiệu quả của hệ thống thông tin liên lạc mặt đất - không - không.

10. Thông tin sân bay

Cấu hình đường cất, hạ cánh, trang thiết bị, dịch vụ mặt đất, điều kiện khai thác.

11. Thiết bị ghi dữ liệu bay

a) Flight Data Recorder (FDR);

b) Cockpit Voice Recorder (CVR);

c) Dữ liệu khác (ADS-B, radar, camera…);

d) Kết quả trích xuất và phân tích.

12. Thông tin hiện trường/mảnh vỡ

Phân bố mảnh vỡ, dấu vết va chạm, dấu cháy, dấu cày xới.

13. Thông tin y sinh - tâm lý

Các yếu tố sinh lý, tâm lý có thể ảnh hưởng đến hoạt động bay (nếu có).

14. Cháy, nổ và hàng nguy hiểm

a) Diễn biến cháy, nổ;

b) Có/không có hàng nguy hiểm;

c) Tác động đến hậu quả tai nạn.

15. Khía cạnh sống sót

a) Công tác tìm kiếm cứu nạn;

b) Khả năng thoát hiểm;

c) Ghế, dây an toàn, cấu trúc bảo vệ;

d) Hỗ trợ y tế.

16. Thử nghiệm và nghiên cứu

Kết quả thử nghiệm kỹ thuật, mô phỏng, kiểm tra vật liệu hoặc hệ thống.

17. Yếu tố tổ chức và quản lý

a) Người khai thác, cơ sở bảo dưỡng, kiểm soát không lưu, sân bay, khí tượng;

b) Cơ cấu tổ chức, nguồn lực, huấn luyện;

c) Hệ thống quản lý an toàn, giám sát của nhà chức trách;

d) Các yếu tố pháp lý và chính sách có liên quan.

II. Phân tích

Phân tích các dữ liệu và bằng chứng thu thập được nhằm xác định các yếu tố kỹ thuật, con người, môi trường, tổ chức và hệ thống có liên quan đến sự cố, tai nạn.

III. Kết luận

1. Các điểm phát hiện.

2. Nguyên nhân trực tiếp.

3. Nguyên nhân gián tiếp/yếu tố góp phần.

IV. Khuyến cáo an toàn

1. Các khuyến cáo an toàn.

2. Cơ quan/tổ chức được kiến nghị thực hiện.

3. Hành động khắc phục/phòng ngừa đã hoặc sẽ triển khai (nếu có).

C. PHỤ LỤC

Bao gồm:

1. Sơ đồ hiện trường.

2. Bản vẽ, ảnh, biểu đồ.

3. Bản ghi âm/dữ liệu.

4. Bảng thống kê bổ sung.

5. Tài liệu kỹ thuật liên quan.

6. Các hồ sơ khác.

Phụ lục VII
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ LAO ĐỘNG, KỶ LUẬT LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
KỲ BÁO CÁO (6 tháng/năm) …… NĂM ...
(Kèm theo Nghị định số 221/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

TÊN ĐƠN VỊ ———	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

…, ngày … tháng … năm …

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện chế độ lao động, kỷ luật lao động đối với nhân viên hàng không

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

I. Tình hình chung

1. Tình hình thực hiện chế độ lao động, kỷ luật lao động đối với nhân viên hàng không tại đơn vị trong kỳ báo cáo.

2. Số lượng, tỷ lệ nhân viên hàng không vi phạm kỷ luật lao động so với tổng số nhân viên hàng không, xu hướng tăng, xu hướng giảm trong kỳ báo cáo và so với kỳ báo cáo năm trước.

- Số nhân viên hàng không có hành vi vi phạm;
- Hoàn cảnh, tình huống khi nhân viên hàng không có hành vi vi phạm;
- Nguyên nhân vi phạm;
- Đánh giá xu hướng tăng, xu hướng giảm trong kỳ báo cáo và so với kỳ báo cáo năm trước.

3. Tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm.

4. Kết quả xử lý kỷ luật lao động đối với nhân viên hàng không có hành vi vi phạm (hình thức xử lý, áp dụng).

5. Giải pháp khắc phục hậu quả, bài học kinh nghiệm (công tác quản lý, giám sát, đào tạo, huấn luyện, tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức trách nhiệm hoặc các biện pháp hành chính...).

II. Biểu mẫu, số liệu báo cáo

STT	**Họ tên**	**Chức danh NVHK/vị trí công tác**	**Hành vi vi phạm**	**Hình thức xử lý kỷ luật** (chi tiết điều, khoản, điểm của VB QPPL)	**Ghi chú**

Ngày… tháng… năm …
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Phụ lục VIII

(Kèm theo Nghị định số 221/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Nội dung
Mẫu số 01	Mẫu thẻ giám sát viên an toàn
Mẫu số 02	Đơn đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận sức khoẻ nhân viên hàng không
Mẫu số 03	Xác nhận của cơ sở y tế về việc nhân viên hàng không đã hoàn thành khám sức khỏe
Mẫu số 04:	Giấy chứng nhận sức khoẻ nhân viên hàng không
Mẫu số 05	Đơn đề nghị cấp, bổ sung, cấp lại, gia hạn Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không
Mẫu số 06, 06A, 06B	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không
Mẫu số 07	Thẻ điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay
Mẫu số 08	Đơn đề nghị cấp miễn trừ
Mẫu số 09	Cấp miễn trừ

Mẫu số 01. Mẫu Thẻ giám sát viên an toàn hàng không

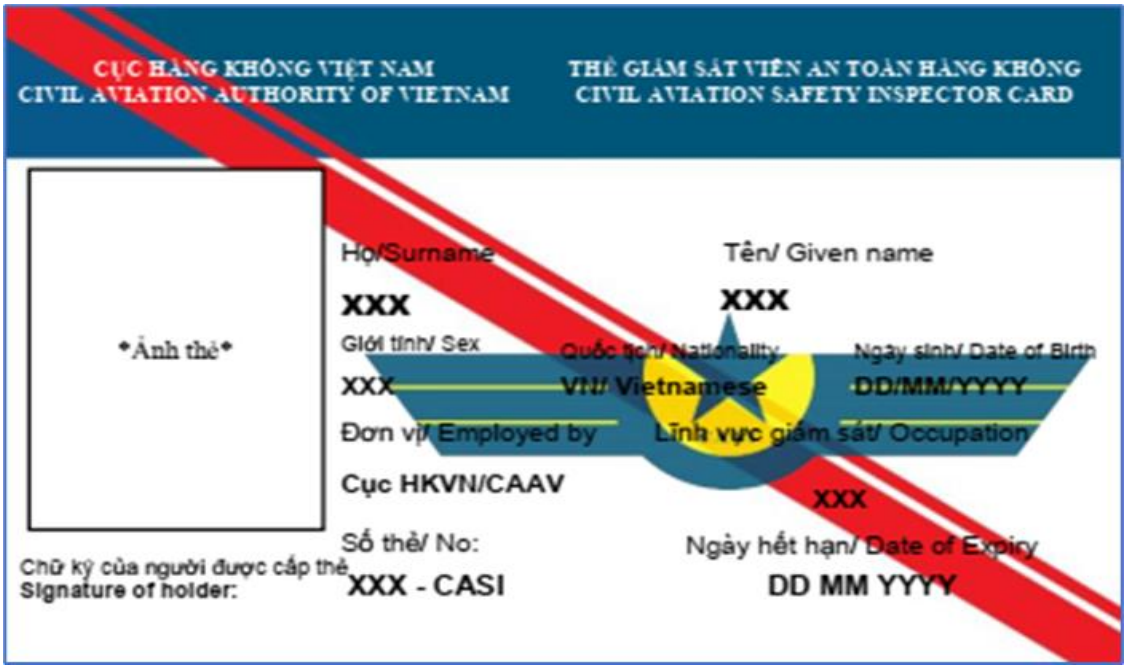

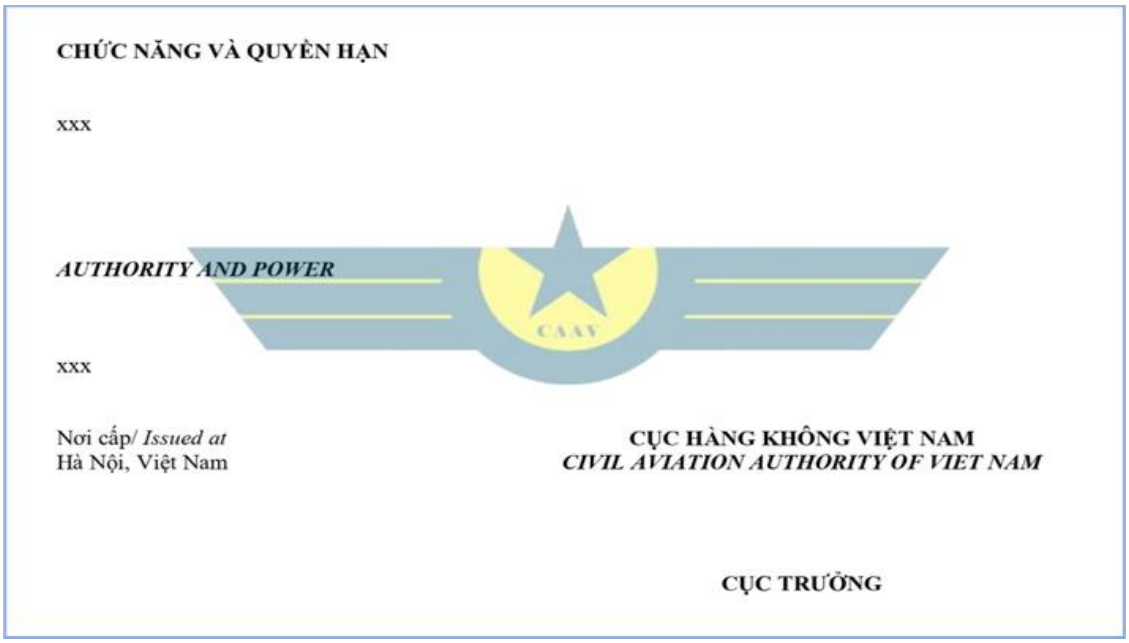

CHỨC NĂNG VÀ QUYỀN HẠN

xxx

AUTHORITY AND POWER

xxx

Nơi cấp/ *Issued at*
Hà Nội, Việt Nam

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM

CỤC TRƯỞNG

Mẫu số 02. Đơn đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn Giấy chứng nhận sức khỏe nhân viên hàng không

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
APPLICATION FOR THE ISSUANCE, REISSUANCE, REVALIDATION OF AN AVIATION MEDICAL CERTIFICATE

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.
To: Vietnam Civil Aviation Authority.

1. Tôi tên là/My name is:
2. Ngày sinh/Date of birth:
3. Quốc tịch/Nationality:
4. Quê quán/Place of origin:
5. Thẻ căn cước/Hộ chiếu (National ID/Passport No.):
Ngày cấp (Issued date)
6. Địa chỉ thường trú/Permanent address:
7. Số giấy phép nhân viên hàng không/Aviation employee license number:
8. Số giấy chứng nhận sức khoẻ nhân viên hàng không đã được cấp/Previous Aviation Medical Certificate Number
9. Đơn vị công tác/Employer:
10. Chức danh công việc/Position:
11. Đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn Giấy chứng nhận sức khoẻ nhân viên hàng không loại/Request for issuance, reissuance, revalidation of an Aviation Medical Certificate class:
12. Lý do đề nghị/Reason for application:
13. Hồ sơ đính kèm theo quy định của Nghị định về Nhà chức trách hàng không Việt Nam và quản lý an toàn hàng không/Supporting documents are provided in accordance with the Decree on the Civil Aviation Authority of Vietnam and aviation safety management.

Xin trân trọng cảm ơn/Respectfully.

…, ngày … tháng … năm … /
…, date…..month…..year
NGƯỜI LÀM ĐƠN/APPLICANT
(Ký, ghi rõ họ tên/Signature, full name)

Mẫu số 03. Xác nhận về việc nhân viên hàng không đã hoàn thành khám sức khỏe

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

XÁC NHẬN VỀ VIỆC NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG ĐÃ HOÀN THÀNH KHÁM SỨC KHỎE
CONFIRMATION OF COMPLETION OF MEDICAL EXAMINATION FOR AVIATION PERSONNEL

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.
To: Vietnam Civil Aviation Authority.

1. Tên đầy đủ của cơ sở y tế khám sức khoẻ nhân viên hàng không/Full name of aviation medical center:

2. Xác nhận nhân viên hàng không sau đây đã hoàn thành khám sức khỏe/This is to confirm that the following aviation personnel has completed the medical examination:

a) Họ và tên/Full Name:

b) Ngày sinh/Date of birth :

c) Nơi sinh/Place of birth:

d) Quốc tịch/Nationality:

đ) Thẻ căn cước/Hộ chiếu (National ID/Passport No.):

Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:

e) Số giấy phép nhân viên hàng không/PEL. Number:

g) Đơn vị công tác/Employer:

h) Chức danh công việc/Position:

i) Ngày giám định/Date of examination:

3. Kết quả khám sức khỏe nhân viên hàng không (Đạt hay không đạt, đề nghị cấp Giấy chứng nhận sức khỏe loại mấy và thời hạn hiệu lực)/Aviation Medical Examination Results (Fit or Unfit; recommended class of Medical Certificate to be issued and its validity period):

…..., ngày ..... tháng ….. năm …
(Date/month/year)
THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
HEAD OF THE ORGANIZATION
(Ký tên, đóng dấu/Signature and seal)

Mẫu số 04. Giấy chứng nhận sức khoẻ nhân viên hàng không

MINISTRY OF CONSTRUCTION
BỘ XÂY DỰNG
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

MEDICAL CERTIFICATE
GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHOẺ

This document certifies that:

has provided evidence that he or she meets the medical standards prescribed by the Viet Nam Aviation Regulations and may exercise the privileges requiring a:
Văn bản này xác nhận rằng người này đã cung cấp bằng chứng đáp ứng các tiêu chuẩn y tế do Quy chế Hàng không Việt Nam quy định và đủ điều kiện thực hiện các quyền hạn yêu cầu:

CLASS ASSESSMENT
SỨC KHỎE LOẠI

This certificate is issued on the basis of a successful medical evaluation conducted in accordance with Part 8 of the Viet Nam Aviation Regulations and the Standards of ICAO Annex 1 for international recognition.
Giấy chứng nhận này được cấp trên cơ sở sức khoẻ đạt yêu cầu được thực hiện theo qui định tại Phần 8 của Quy chế Hàng không Việt Nam và Tiêu chuẩn Phụ ước 1 của ICAO để được công nhận quốc tế.

Holder/ Người được cấp GCN
This certificate with listed limitations was granted on/
Giấy chứng nhận này được cấp ngày

MEDICAL ASSESSOR/ GIÁM SÁT VIÊN Y TẾ

VIETNAM PEL#: **SỐ GIẤY PHÉP:**	**DATE OF BIRTH** **NGÀY THÁNG NĂM SINH:**		**NATIONALITY** **QUỐC TỊCH:**	
DATE OF EXAMINATION **NGÀY GIÁM ĐỊNH:**	**AVIATION MEDICAL CENTER** **CƠ SỞ Y TẾ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KHÁM SỨC KHỎE**			
DATE OF EXPIRATION **NGÀY HẾT HẠN:**	**HEIGHT** **CHIỀU CAO:**	**WEIGHT** **CÂN NẶNG:**	**HAIR** **MÀU TÓC:**	**EYES** **MÀU MẮT:**

MEDICALLY- RELATED LIMITATIONS THAT MUST BE OBSERVED BY THIS LICENSE HOLDER/ NHỮNG HẠN CHẾ LIÊN QUAN ĐẾN SỨC KHỎE MÀ NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP NÀY PHẢI TUÂN THỦ:

MEDICALLY-RELATED WAIVERS ISSUED ON THE BASIS OF DEMONSTRATED ABILITY/ GIẤY MIỄN TRỪ LIÊN QUAN ĐẾN Y TẾ ĐƯỢC CẤP TRÊN CƠ SỞ KHẢ NĂNG ĐÃ ĐƯỢC CHỨNG MINH:

CONTROL NO./ SỐ KIỂM SOÁT:

Mẫu số 05. Đơn đề nghị cấp, bổ sung, cấp lại, gia hạn Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

TÊN CƠ SỞ/ NAME OF THE ORGANIZATION: _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness** _____ *..., ngày…… tháng…… năm ... ..., day …… month …… year ...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ/APPLICATION
CẤP, BỔ SUNG, CẤP LẠI, GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
FOR THE ISSUANCE, AMENDMENT, SUPPLEMENTATION AND REVALIDATION OF AN AVIATION PERSONNEL TRAINING ORGANIZATION CERTIFICATE

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.
To: Civil Aviation Authority of Vietnam.

Căn cứ/Pursuant to:

Công ty …… đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp, bổ sung, gia hạn Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo các thông tin sau/The Company …… hereby requests the Civil Aviation Authority of Vietnam to issue, supplement and revalidate an Aviation Personnel Training Organization Certificate with the following information:

1. Tên đầy đủ cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (bao gồm cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế)/Full name of the aviation personnel training organization (including abbreviation and international trading name):

2. Địa chỉ trụ sở chính/Principal place of business address:

3. Địa chỉ liên lạc trụ sở chính/Contact details of the principal place of business:

- Tên người có trách nhiệm/Name of responsible person:
- Địa chỉ thư tín/Mailing address:
- Địa chỉ thư điện tử/Email address:
- Điện thoại/Telephone:
- Fax:

4. Thông tin Người đại diện theo pháp luật/Information of the Legal Representative

- Họ và tên/Full name:
- Ngày tháng năm sinh/Date of birth:

- Chức vụ/Position:
- Quốc tịch/Nationality:
- Thẻ căn cước/Hộ chiếu/(National ID or Passport No.):
- Ngày cấp/Date of issue:
- Nơi cấp/Place of issue:

5. Phạm vi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ/Training Specification:

Cơ sở 1/Facility 1:

- Tên người có trách nhiệm/Name of responsible person:
- Địa chỉ thư tín/Mailing address:
- Email:
- Điện thoại/Telephone:
- Fax:
- Phạm vi đào tạo, huấn luyện/Training Specification:
- Danh sách thiết bị huấn luyện dự kiến sử dụng/List of proposed training equipment to be used

Cơ sở 2/Facility 2:

- Tên người có trách nhiệm/Name of responsible person:
- Địa chỉ thư tín/Mailing address:
- Email:
- Điện thoại/Telephone:
- Fax:
- Phạm vi đào tạo, huấn luyện/Training Specification:
- Danh sách thiết bị huấn luyện dự kiến sử dụng/List of proposed training equipment to be used:

6. Hệ thống tài liệu và quy trình huấn luyện/Training Documents:

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị, hồ sơ kèm theo và chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động và phạm vi hoạt động được quy định trong Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không /We hereby declare that all information provided in this application and accompanying documents is truthful and accurate, and we undertake to fully comply with the laws and regulations of Viet Nam related to our operations and the scope specified in the Aviation Personnel Training Organization Certificate.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ/HEAD OF THE ORGANIZATION

(Ký tên, đóng dấu/Signature and seal)

Mẫu số 06. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

BỘ XÂY DỰNG **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM** MINISTRY OF CONSTRUCTION **CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness**

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO,
HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
APPROVAL CERTIFICATE
Số/ N°: /GCN-CHK

Căn cứ vào các quy định hiện hành về hàng không dân dụng của Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận:/Pursuant to the applicable civil aviation regulations of Viet Nam, the Civil Aviation Authority of Vietnam hereby certifies:

Tên/Name**:…**
Địa chỉ/Address**:…**

là Cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không được phê chuẩn để thực hiện đào tạo, huấn luyện cho các chức danh nhân viên hàng không:/is approved as an Approved Training Organization (ATO) authorized to conduct training for the following aviation personnel positions:

1……..

2……..

……..

với Phạm vi huấn luyện được ban hành kèm theo

Phê chuẩn này có hiệu lực đến ngày hết hạn nếu không bị đình chỉ, thu hồi trước thời hạn/This approval shall remain valid until the specified date of expiry unless has previously been surrendered, suspended or revoked.

Ngày cấp/Date of issue:
Ngày/tháng/năm/dd/mm/yyyy
Ngày gia hạn/Date of revalidation:
Ngày/tháng/năm/dd/mm/yyyy
Ngày hết hạn/Date of expiry:
Ngày/tháng/năm/dd/mm/yyyy

CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL
(Ký tên, đóng dấu/Signature and seal)

Mẫu số 06A

Phạm vi đào tạo, huấn luyện: Cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không lĩnh vực khai thác cảng hàng không

(Kèm theo Giấy chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không số…….)

I. Các thông tin chính của Cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Chức danh, nghiệp vụ nhân viên hàng không được đào tạo, huấn luyện

……

2. Các địa điểm đào tạo, huấn luyện

……

3. Thông tin về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị phục vụ đào tạo lý thuyết, thực hành tại từng địa điểm đào tạo

……

II. Lịch sử quá trình cấp, cấp lại giấy chứng nhận

Số lần cấp(1)	**Số giấy chứng nhận**	**Ngày/tháng/ năm cấp(2)**	**Chức danh nhân viên hàng không(3)**	**Địa điểm đào tạo, huấn luyện(4)**	**Nội dung thay đổi (5)**
…	……	……		……	……

Ghi chú:

(1) Ghi rõ các lần cấp giấy chứng nhận;

(2) Ghi rõ ngày, tháng, năm của các lần cấp giấy chứng nhận;

(3) Ghi rõ chức danh nhân viên hàng không;

(4) Ghi rõ địa điểm đào tạo, huấn luyện;

(5) Ghi rõ nội dung thay đổi so với lần cấp gần nhất.

Mẫu số 06B

Phạm vi đào tạo, huấn luyện: Cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không nghiệp vụ nhân viên hàng không lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay; tàu bay và khai thác tàu bay

(Kèm theo Giấy chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không số…….)

PHẦN A/SECTION A – THÔNG TIN CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG ĐƯỢC PHÊ CHUẨN/APPROVED TRAINING ORGANIZATION INFORMATION

PHẠM VI ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN
ATO Training Specifications

Cục Hàng không Việt Nam
Civil Aviation Authority of Vietnam

Thông báo/ Notice:
Văn bản này được cấp như một phần bổ sung cho chứng chỉ hiển thị đã cấp cho Cơ sở đào tạo, huấn luyện được phê chuẩn (ATO) này/ This document is issued as a supplement to the display certificate issued to this ATO.
Các quyền hạn ghi trong văn bản này thể hiện toàn bộ quyền hạn được trao cho ATO này. Không có chức năng huấn luyện nào khác được cho phép/ The authorizations contained within this document represent the complete authorizations granted to this ATO. No other training functions are authorized.
Văn bản này phải được xuất trình khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền của bất kỳ quốc gia nào/ This document must be presented upon the request of the authorities of any State.

1. Tên chính thức và số hiệu. /Official Name & Number. Phạm vi đào tạo, huấn luyện cấp cho ATO được phê chuẩn dưới đây. Phạm vi đào tạo, huấn luyện này nêu chi tiết các phê chuẩn đã được cấp cho ATO. Cục Hàng không Việt Nam (Cục HKVN) không cấp bất kỳ phê chuẩn nào khác ngoài những phê chuẩn được liệt kê trong các mục của phạm vi đào tạo, huấn luyện này/ These training specifications are issued to the holder of the Approved Training Organization Certificate listed below. This training specifications detail the authorisations that have been issued to this ATO holder. No authorisations other than those listed within the sections of these training specifications have been issued by the CAAV..

Số hiệu tổ chức/Organization Number	Tên tổ chức/Organization Name

2. Tên thương mại khác/Other Business Names. Các tên thương mại mà ATO này được phép sử dụng trong quá trình thực hiện huấn luyện được phê chuẩn được liệt kê dưới đây. Không được sử dụng bất kỳ tên nào khác trong quảng cáo hoặc trong quá trình thực hiện hoạt động huấn luyện được phê chuẩn này/The business names that this ATO holder is authorized to use during the conduct of approved training are listed below. No other names may be used in advertisement or during the conduct of this approved training.

Ngày hiệu lực/Effective Date	Tên thương mại/Business Name

3. Các Giấy chứng nhận của Cơ sở/Organization Certificates. Các giấy chứng nhận tổ chức đã được cấp cho ATO này được liệt kê dưới đây. Tổ chức không được thực hiện các hoạt động dưới bất kỳ giấy chứng nhận hoặc giấy phép nào khác ngoài những giấy chứng nhận được liệt kê ở đây/The organization certificates that have been issued to this ATO holder are listed below. The organization may not conduct operations under any certificates or licenses other than those listed here.

Mã định danh Tổ chức/Organization Identifier	Loại giấy chứng nhận/Type of Certificate	Ngày hiệu lực/Effective Date	Số kiểm soát/Control Number

A. PHÊ CHUẨN CỦA CỤC HKVN/CAAV APPROVAL: Phần này của phạm vi đào tạo, huấn luyện được phê chuẩn bởi Cục HKVN/ This section of the Training Specifications is approved by CAAV::		
1. Chữ ký, Họ tên & Chức vụ của người có thẩm quyền phê chuẩn/Approving Authority Signature, Name & Title:	2. Ngày hiệu lực/Effective Date:	3. Số sửa đổi/Amendment #:

B. CHỨNG NHẬN CỦA CƠ SỞ/ORGANIZATION CERTIFICATION: Tôi bằng văn bản này chấp thuận và tiếp nhận phần này của phạm vi đào tạo, huấn luyện/I hereby accept and receive this section of the Training Specifications:		
1. Chữ ký & Họ tên Đại diện Công ty/Company Official Signature & Name:	2. Chức vụ/Title:	3. Ngày ký/Date Signed

PHẦN B/SECTION B –TRỤ SỞ CHÍNH VÀ ĐỊA ĐIỂM LƯU TRỮ HỒ SƠ CHÍNH THỨC/BASE AND OFFICIAL RECORDS LOCATION INFORMATION

1. Các trụ sở chính thức/Official Bases. Các địa điểm trụ sở của ATO này được Cục HKVN chấp thuận được liệt kê dưới đây. Tổ chức không được thay đổi các địa điểm này nếu không thông báo trước 30 ngày về dự kiến thay đổi/The location of the bases of this ATO Holder acceptable to the CAAV are listed below. The organization may not change these locations without giving 30-day notice of proposed change.

Loại địa điểm/Type of Location	Địa chỉ/Address	Người liên hệ/Contact Person	Số ĐT/Telephone

2. Địa điểm lưu trữ Hồ sơ/Location of Records. Địa điểm lưu trữ các hồ sơ chính thức của ATO này được Cục HKVN chấp thuận được liệt kê dưới đây. Tổ chức không được thay đổi các địa điểm này nếu không thông báo trước 30 ngày về dự kiến thay đổi./The location of the official records of this ATO Holder acceptable to the CAAV is listed below. The organization may not change these locations without giving 30-day notice of proposed change.

Loại hồ sơ/Type of Record	Địa điểm/Location	Người liên hệ/Contact Person	Số ĐT/Telephone

A. PHÊ CHUẨN CỦA CỤC HKVN/CAAV APPROVAL: Phần này của phạm vi đào tạo, huấn luyện được phê chuẩn bởi Cục HKVN/ This section of the Training Specifications is approved by CAAV::		
1. Chữ ký, Họ tên & Chức vụ của người có thẩm quyền Phê chuẩn/Approving Authority Signature, Name & Title:	2. Ngày hiệu lực/Effective Date:	3. Số sửa đổi/Amendment #:
B. CHỨNG NHẬN CỦA CƠ SỞ/ORGANIZATION CERTIFICATION: Tôi bằng văn bản này chấp thuận và tiếp nhận phần này của phạm vi đào tạo, huấn luyện/I hereby accept and receive this section of the Training Specifications:		
1. Chữ ký & Họ tên Đại diện Công ty/Company Official Signature & Name:	2. Chức vụ/Title:	3. Ngày ký/Date Signed

PHẦN C/SECTION C - THÔNG TIN LIÊN LẠCCỦA ATO ĐƯỢC PHÊ CHUẨN/APPROVED TRAINING ORGANIZATION CONTACT INFORMATION

1. Nhân sự quản lý/Management Personnel. Các cán bộ quản lý liệt kê dưới đây được ATO ủy quyền thực hiện nhiệm vụ. Những người có tên trong danh sách là những người được Cục HKVN công nhận để đưa ra các quyết định quản lý then chốt cho ATO/ The critical management personnel authorized to act on behalf the ATO holder is listed below. The persons listed are the only persons recognized by the CAAV to make key management decisions for the organization.

Chức vụ quản lý/Management Position	Họ và tên/Name	Số ĐT/Telephone	Ngày hiệu lực/Effective Date	Số kiểm soát/Control Number

2. Đầu mối liên lạc thuộc Cục HKVN/ **CAAV Contacts.** Các đầu mối liên lạc thuộc Cục HKVN được liệt kê dưới đây. Những người có tên trong danh sách đã được ủy quyền để đưa ra các quyết định quản lý then chốt cho ATO/The critical management personnel authorized to act on behalf the ATO holder is listed below. The persons listed are the only persons recognized by the CAAV to make key management decisions for the organization.

Chức vụ giám sát viên/Inspector Position	Họ và tên/Name	Số ĐT/Telephone	Ngày hiệu lực/Effective Date	Số kiểm soát/Control Number

A. PHÊ CHUẨN CỦA CỤC HKVN/CAAV APPROVAL: Phần này của của phạm vi đào tạo, huấn luyện được phê chuẩn bởi Cục HKVN/ This section of the Training Specifications is approved by CAAV:		
1. Chữ ký, Họ tên & Chức vụ của người có thẩm quyền Phê chuẩn/Approving Authority Signature, Name & Title:	2. Ngày hiệu lực/Effective Date:	3. Số sửa đổi/Amendment #:
B. CHỨNG NHẬN CỦA CƠ SỞ/ORGANIZATION CERTIFICATION: Tôi bằng văn bản này chấp thuận và tiếp nhận phần này của phạm vi đào tạo, huấn luyện/I hereby accept and receive this section of the Training Specifications:		
1. Chữ ký & Họ tên Đại diện Công ty/Company Official Signature & Name:	2. Chức vụ/Title:	3. Ngày ký/Date Signed

PHẦN D/SECTION D - CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN ĐƯỢC PHÊ CHUẨN ÁP DỤNG CHO ATO NÀY/CURRICULUMS APPROVED FOR USE BY THIS TRAINING ORGANIZATION

ATO được phê chuẩn để thực hiện các chương trình đào tạo, huấn luyện sau đây. Các chương trình này phải luôn được quản lý và thực hiện phù hợp với các quy định về hàng không dân dụng của Việt Nam, các yếu tố hạn chế được chỉ định và các tài liệu được liệt kê làm căn cứ cho phê chuẩn/The ATO holder is issued authorisations to conduct the following training curriculums. These programs shall be administered at all times be in conformance with the Vietnam aviation regulations, specified limiting factors and the documents listed as the basis for the authorisation.

Số Phát hành/ Revision #	Mã tàu bay/Aircraft MMS #	Phê chuẩn/Authorisation	Ngày hiệu lực/ Effective Date	Số kiểm soát/ Control Number	Trang thiết bị/ Equipment

A. PHÊ CHUẨN CỦA CỤC HKVN/CAAV APPROVAL: Phần này của phạm vi đào tạo, huấn luyện được phê chuẩn bởi Cục HKVN/ This section of the Training Specifications is approved by CAAV::		
1. Chữ ký, Họ tên & Chức vụ của người có thẩm quyền phê chuẩn/Approving Authority Signature, Name & Title:	2. Ngày hiệu lực/Effective Date:	3. Số sửa đổi/Amendment #:
B. CHỨNG NHẬN CỦA CƠ SỞ/ORGANIZATION CERTIFICATION: Tôi bằng văn bản này chấp thuận và tiếp nhận phần này của phạm vi đào tạo, huấn luyện /I hereby accept and receive this section of the Training Specifications:		
1. Chữ ký & Họ tên Đại diện Công ty/Company Official Signature & Name:	2. Chức vụ/Title:	3. Ngày ký/Date Signed

PHẦN E/SECTION E - THIẾT BỊ HUẤN LUYỆN ĐƯỢC PHÊ CHUẨN/ APPROVED TRAINING DEVICES

1. Thiết bị huấn luyện bay giả định/Flight Simulation Training Devices: ATO được phép sử dụng các thiết bị huấn luyện bay giả định sau đây để phục vụ cho việc huấn luyện học viên/The ATO holder is authorised to use the following flight simulation training devices to support the training of trainees:

Số buồng lái mô phỏng/ Simulator#	Mã tàu bay/ Aircraft MMS	Chương trình đào tạo/Curriculum	Mức độ/ Level	Tổ chức phê chuẩn/ Approving Org	Ngày hiệu lực/ Effective Date	Số kiểm soát/ Control Number

2. Các Thiết bị huấn luyện bay giả định khác/Other Simulation Training Devices: ATO được phép sử dụng các thiết bị sau đây để hỗ trợ các mục tiêu của chương trình đào tạo, huấn luyện đã được phê chuẩn/The ATO holder is authorised to use the following devices to support the objectives of the approved curriculum:

Số thiết bị huấn luyện/ Training Device#	Chương trình đào tạo/Curriculum	Mức độ/ Level	Tổ chức phê chuẩn/ Approving Org	Mục đích được phê chuẩn/ Authorised Purpose	Ngày hiệu lực/ Effective Date	Số kiểm soát/ Control Number

A. PHÊ CHUẨN CỦA CỤC HKVN/CAAV APPROVAL: Phần này của phạm vi đào tạo, huấn luyện được phê chuẩn bởi Cục HKVN/ This section of the Training Specifications is approved by CAAV:		
1. Chữ ký, Họ tên & Chức vụ của người có thẩm quyền phê chuẩn/Approving Authority Signature, Name & Title:	2. Ngày hiệu lực/Effective Date:	3. Số sửa đổi/Amendment #:

B. CHỨNG NHẬN CỦA CƠ SỞ/ORGANIZATION CERTIFICATION: Tôi bằng văn bản này chấp thuận và tiếp nhận phần này của phạm vi đào tạo, huấn luyện/I hereby accept and receive this section of the Training Specifications:		
1. Chữ ký & Họ tên Đại diện Công ty/Company Official Signature & Name:	2. Chức vụ/Title:	3. Ngày ký/Date Signed

PHẦN F/SECTION F - GIÁO VIÊN HUẤN LUYỆN VÀ GIÁO VIÊN KIỂM TRA ĐƯỢC PHÊ CHUẨN/APPROVED TRAINING AND CHECKING PERSONNEL

1. Giáo viên huấn luyện/Training Instructors: ATO được phép sử dụng các giáo viên sau đây để thực hiện việc huấn luyện cho học viên/The ATO holder is authorised to use the following instructors to support the training of trainees:

Mã nhân viên/ Employee#	Họ và tên/Name	Loại giáo viên hướng dẫn/Type of Training Instructor	Ngày hiệu lực/ Effective Date	Số kiểm soát/ Control Number

2. Giáo viên kiểm tra/Checking Personnel: ATO được phép sử dụng các giáo viên kiểm tra tra dưới đây để đánh giá hoàn thành khóa học của chương trình huấn luyện đào tạo đã được phê chuẩn/The ATO is authorized to use following checking personnel below to assess course completion for the approved training program:

Mã nhân viên/ Employee#	Họ và tên/Name	Loại giáo viên kiểm tra/Type of Checking Personnel	Ngày hiệu lực/ Effective Date	Số kiểm soát/ Control Number

A. PHÊ CHUẨN CỦA CỤC HKVN /CAAV APPROVAL: Phần này của phạm vi đào tạo, huấn luyện được phê chuẩn bởi Cục HKVN/ This section of the Training Specifications is approved by, CAAV:		
1. Chữ ký, Họ tên & Chức vụ của người cóthẩm quyền phê chuẩn/Approving Authority Signature, Name & Title:	2. Ngày hiệu lực/Effective Date:	3. Số sửa đổi/Amendment #:

B. CHỨNG NHẬN CỦA CƠ SỞ/ORGANIZATION CERTIFICATION: Tôi bằng văn bản này chấp thuận và tiếp nhận phần này của phạm vi đào tạo, huấn luyện /I hereby accept and receive this section of the Training Specifications:		
1. Chữ ký & Họ tên Đại diện Công ty/Company Official Signature & Name:	2. Chức vụ/Title:	3. Ngày ký/Date Signed

Mẫu số 07. Thẻ điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay

Thẻ Điều tra sự cố, tai nạn tàu bay

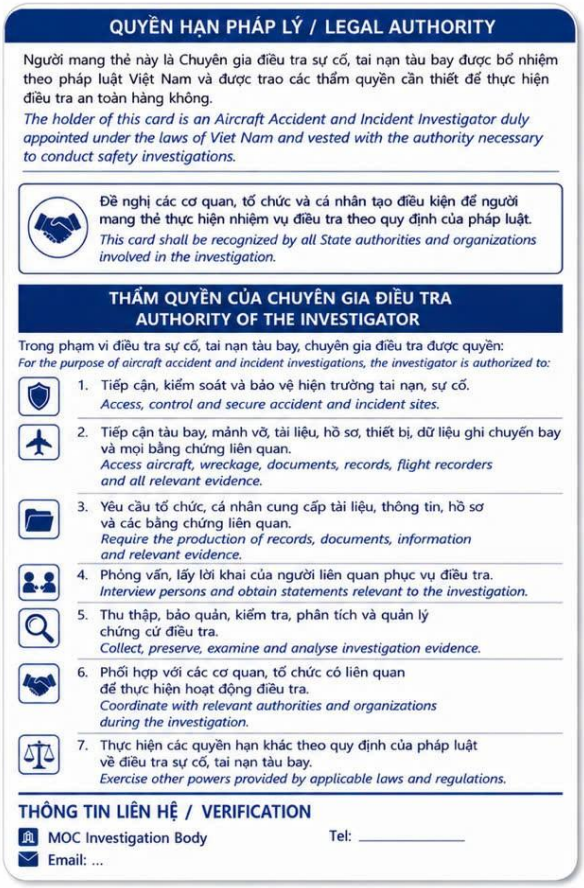

Mẫu số 08. Đơn đề nghị cấp miễn trừ

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP MIỄN TRỪ
APPLICATION FOR EXEMPTION

A. Bằng văn bản này, đề nghị cấp miễn trừ như sau / APPLICATION IS HEREBY MADE FOR GRANT OF EXEMPTION:

1. ĐIỀU KHOẢN/QUY ĐỊNH ẢNH HƯỞNG BỞI ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ /SPECIFIC REGULATION REQUIREMENT TO BE AFFECTED (VAR reference, including all subparts and subparagraphs)	**2. THỜI HẠN MIỄN TRỪ ĐỀ XUẤT/ PROPOSED DURATION OF THIS EXEMPTION** (Attach schedule of events if gradual phasing of compliance planned)

B. ĐÂY LÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI/THIS REQUEST APPLIES TO AN:

1 ☐ CÁ NHÂN/INDIVIDUAL **2** ☐ Tàu bay/AIRCRAFT **3** ☐ TỔ CHỨC/ORGANIZATION

C. SỐ CẤP BỞI CAAV/CAAV ISSUED NUMBER (license, registration, or certificate)	**CẤP CHO / ISSUED TO** (name/owner/organization/date)

D. LOẠI HÌNH KHAI THÁC BỊ ẢNH HƯỞNG / THE TYPE OF OPERATION THAT WILL BE AFFECTED:

1 ☐ KHAI THÁC THƯƠNG MẠI/ COMMERCIAL AIR TRANSPORT **2** ☐ HÀNG KHÔNG CHUYÊN DÙNG/ SPECIALIZED AVIATION **3** ☐ HÀNG KHÔNG CHUNG/ GENERAL AVIATION

E. HÃNG CHẾ TẠO/KIỂU LOẠI/DÒNG TÀU BAY/SỨC CHỨA HÀNH KHÁCH DỰ KIẾN KHAI THÁC THEO NỘI DUNG MIỄN TRỪ NÀY/
AIRCRAFT MAKE/MODEL/SERIES/PASSENGER CAPACITY TO BE OPERATED UNDER THIS RELIEF:

G. KHU VỰC KHAI THÁC BỊ ẢNH HƯỞNG / THE AREAS OF OPERATIONS THAT WILL BE AFFECTED:

1 ☐ QUỐC TẾ INTERNATIONAL OPERATIONS **2** ☐ QUỐC NỘI DOMESTIC OPERATIONS **3** ☐ KHU VỰC HẠN CHẾ VIETNAM AREA LIMITATION

H. GIỚI HẠN/HẠN CHẾ CỤ THỂ ĐỀ XUẤT ÁP DỤNG THEO NỘI DUNG MIỄN TRỪ NÀY:
SPECIFIC LIMITATION/ RESTRICTION PROPOSED UNDER THIS EXEMPTION:

I. MÔ TẢ CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ RỦI RO VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU DO NGƯỜI KHAI THÁC ĐỀ XUẤT NHẰM BẢO ĐẢM MỨC ĐỘ AN TOÀN TƯƠNG ĐƯƠNG:
DETAILED DESCRIPTION OF OPERATOR'S PROPOSED RISK ASSESMENT/ MITIGATION TO MEET EQUIVALENT LEVEL OF SAFETY:

K. TUYÊN BỐ TRÌNH BÀY CĂN CỨ VÀ CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU HOẶC MIỄN TRỪ ĐỐI VỚI YÊU CẦU PHÁP LÝ LIÊN QUAN:

STATEMENT OUTLINING THE BASIS FOR REQUESTING MITIGATION OR EXEMPTION FOR THE REGULATORY REQUIREMENT:

L. DANH MỤC TÀI LIỆU, PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM / DETAILED LIST OF ALL SUPPORTING & ATTACHMENTS SUBMITTED WITH THIS APPLICATION:

M. LOẠI HÌNH XỬ LÝ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ / THE TYPE OF PROCESSING REQUESTED:

1 ☐ THÔNG THƯỜNG / NORMAL

2 ☐ KHẨN CẤP / EMERGENCY IN THE PUBLIC INTEREST

3. CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ KHẨN CẤP / BASIS FOR REQUESTING EMERGENCY PROCESSING

N. THÔNG TIN NGƯỜI NỘP ĐƠN / APPLICANT & AGENT INFORMATION:

1. TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN : ORGANIZATION OR INDIVIDUAL NAME:	5. ĐỊA CHỈ / PERMANENT ADDRESS (Street or PO Box Number)
2. ĐIỆN THOẠI / TELEPHONE NUMBER:	THÀNH PHỐ CITY / TỈNH STATE / MÃ SỐ BƯU ĐIỆN MAIL CODE / QUỐC GIA COUNTRY
3. FAX	6. VIETNAM AGENT NAME & PHONE NUMBER (if required)
4. ĐỊA CHỈ THƯ ĐIỆN TỬ/ E-MAIL	

O. Cam kết về tính chính xác: Tôi cam đoan rằng các thông tin đã khai và toàn bộ hồ sơ, tài liệu đính kèm là đúng sự thật và chính xác.

Certification of Correctness: I certify that the statements above and all supporting documentation are true and correct.

1. CHỮ KÝ / SIGNATURE	2. NGÀY / DATE	3. TÊN & CHỨC VỤ / NAME & TITLE

Mẫu số 09. Phê duyệt cấp miễn trừ

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM **CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM**	**MẪU PHÊ DUYỆT MIỄN TRỪ** **EXEMPTION APPROVAL FORM**	
Số miễn trừ/Exemption No:	**Ngày cấp**/Date:	**Lĩnh vực cấp**/Area:
Cấp cho tổ chức, cá nhân/Granted to individual/organization:		
Địa chỉ/Address:	**Giấy phép/Giấy chứng nhận liên quan**/Related certificate/licence:	
Quy định/yêu cầu được miễn trừ/Regulation/requirement exempted:		
Điều khoản/văn bản quy định cụ thể/Specific provision/document:		
Nội dung và phạm vi miễn trừ/Exemption content and scope:		
Các điều kiện kèm theo miễn trừ/Conditions attached to the exemption:		
Các giới hạn áp dụng miễn trừ/Limitations of the exemption:		
Hiệu lực từ ngày/Effective from:	**Đến hết ngày**/Valid until:	
Tổ chức, cá nhân được cấp miễn trừ có trách nhiệm tuân thủ phạm vi, điều kiện, giới hạn và thời hạn miễn trừ; duy trì các điều kiện làm cơ sở cấp miễn trừ và kịp thời báo cáo Cục Hàng không Việt Nam khi các điều kiện này không còn được đáp ứng hoặc phát sinh thay đổi ảnh hưởng đến an toàn hàng không. Organizations and individuals granted an exemption shall comply with the scope, conditions, limitations and validity period of the exemption; maintain the conditions on which the exemption was granted; and promptly report to the Civil Aviation Authority of Viet Nam when such conditions are no longer met or when any change arises that may affect aviation safety.		
Cục trưởng **Director General** **Nơi nhận/to:** - - **….**		